

## MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ .....	1
1. Mục đích lập kế hoạch sử dụng đất thành phố Móng Cái .....	1
2. Phạm vi nghiên cứu lập kế hoạch sử dụng đất thành phố Móng Cái .....	2
3. Căn cứ pháp lý và cơ sở để lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025: .....	2
I. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT .....	5
1. Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên .....	5
1.1.1. Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên .....	5
1.1.2. Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên .....	9
1.2. Phân tích, đánh giá về hiện trạng môi trường và biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất .....	17
1.2.1. Phân tích hiện trạng môi trường .....	17
1.2.2. Phân tích, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến việc sử dụng đất .....	19
1.3. Phân tích, đánh giá các nguồn lực của thành phố Móng Cái và tình tác động trực tiếp đến việc kế hoạch sử dụng đất của cấp huyện .....	20
1.3.1. Khái quát thực trạng phát triển kinh tế - xã hội .....	20
1.3.2. Thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực có liên quan đến việc sử dụng đất .....	21
1.3.3. Tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất .....	26
1.3.4. Phân tích, đánh giá nguồn lực, bối cảnh của cấp huyện, của tình tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất .....	28
II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 .....	31
2.1 Hiện trạng sử dụng đất theo từng loại đất .....	31
2.2. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024: .....	37
2.2.1. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 .....	43
2.2.2. Đánh giá kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 .....	50
2.2.3. Đánh giá kết quả thu hồi đất .....	51
2.2.4. Đánh giá kết quả thực hiện việc đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng cho các mục đích: .....	52
2.3. Đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất .....	52
2.4. Đánh giá những mặt được, tồn tại và nguyên nhân trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước .....	54
III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 .....	56
3.1. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất và xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất .....	56
3.1.1. Chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất đã được xác định trong năm kế hoạch trước .....	56
3.1.2. Chỉ tiêu các loại đất theo nhu cầu của cấp huyện và cấp xã trong năm kế hoạch .....	61
3.1.3. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối để xác định các chỉ tiêu sử dụng đất .....	67
3.1.3.1. Đất nông nghiệp: .....	67
3.1.3.2. Đất phi nông nghiệp: .....	69
3.1.3.3. Đất chưa sử dụng .....	80
3.2. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng: .....	80
3.3. Diện tích đất cần thu hồi .....	81
3.3.1. Đất nông nghiệp .....	81
3.3.2. Đất phi nông nghiệp .....	82
3.4. Diện tích cần chuyển mục đích sử dụng đất .....	83
3.4.1. Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp: .....	83

## II

3.4.2. Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp .....	84
3.5. Diện tích khu vực lấn biển để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp.....	84
3.6. Danh mục các công trình, dự án dự kiến thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025.	84
3.7. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai năm 2025 .....	84
IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT .....	87
I. KẾT LUẬN.....	91
II. KIẾN NGHỊ.....	91
HỆ THỐNG BẢNG BIỂU.....	

## ĐẶT VẤN ĐỀ

Đất đai là tài sản đặc biệt quan trọng, là tài nguyên vô cùng quý giá, có ý nghĩa quan trọng trong việc phát triển kinh tế- xã hội mà quỹ đất đai có giới hạn. Ngày nay khi xã hội càng phát triển thì nhu cầu sử dụng đất ngày càng tăng đẩy mạnh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, đất đai trở nên khan hiếm và sẽ không tránh khỏi những mâu thuẫn phát sinh trong quá trình sử dụng cho các mục đích khác nhau, nhất là trong điều kiện một nước đang phát triển từ nền nông nghiệp, với tốc độ tăng dân số nhanh, nguồn tài nguyên ngày càng cạn kiệt, bên cạnh đó là vấn đề thay đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu ngành nghề làm cho quỹ đất ngày càng biến đổi phức tạp, việc khai thác và sử dụng đất cũng ngày càng tăng gây áp lực rất lớn cho đất đai. Vì thế chúng ta cần có những biện pháp khai thác, sử dụng quỹ đất một cách hợp lý, khoa học nhằm duy trì và bảo vệ nguồn tài nguyên vô cùng quý giá này luôn ổn định, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội nhưng vẫn bền vững và đạt hiệu quả cao.

Do đó lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm là việc không thể thiếu được trong hoạch định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương. Là yếu tố quan trọng trong quá trình hình thành các quyết định nhằm thực hiện đồng bộ hai chức năng đó là: Điều chỉnh các mối quan hệ đất đai và tổ chức sử dụng đất bền vững, hiệu quả, dựa trên 3 trụ cột; An ninh chính trị, kinh tế - xã hội và môi trường.

Để đáp ứng yêu cầu về quản lý, sử dụng đất cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của thành phố trong giai đoạn mới phù hợp với nội dung đổi mới của Luật Đất đai năm 2013, phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; phù hợp với điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái đến năm 2030, tầm nhìn 2040 đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, có hiệu quả, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Ủy ban nhân dân thành phố Móng Cái tiến hành xây dựng kế hoạch sử dụng đất năm 2024 góp phần khai thác sử dụng hợp lý tài nguyên đất đạt hiệu quả cao và bền vững.

### **1. Mục đích lập kế hoạch sử dụng đất thành phố Móng Cái.**

Làm cơ sở thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất gắn với nhu cầu sử dụng đất trong năm của các ngành, lĩnh vực, của các cấp, phù hợp với khả năng đầu tư và huy động nguồn lực, khắc phục lãng phí trong việc giao đất cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư.

Căn cứ pháp lý quan trọng để thành phố Móng Cái tiến hành giao đất cho thuê đất và hoạch định các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, các

kế hoạch hợp tác và đầu tư.

Thực hiện đầu tư triển khai các dự án, công trình, thúc đẩy sự phát triển của các ngành: nông nghiệp, công nghiệp, thương mại dịch vụ, văn hoá, y tế, giáo dục... đảm bảo an ninh, quốc phòng; khai thác nguồn vốn và điều tiết các lợi ích từ đất; khuyến khích đầu tư sản xuất kinh doanh, tăng thu nhập, giải quyết nhu cầu về nhà ở đất ở đảm bảo đời sống nhân dân, ổn định kinh tế, an sinh xã hội.

## **2. Phạm vi nghiên cứu lập kế hoạch sử dụng đất thành phố Móng Cái.**

Toàn bộ diện tích đất tự nhiên trên địa bàn thành phố Móng Cái theo địa giới hành chính 513 đã được chính phủ phê duyệt, phân bổ cho các mục đích sử dụng đất tới các đơn vị hành chính cấp xã.

## **3. Căn cứ pháp lý và cơ sở để lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025:**

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai;
- Luật lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15 tháng 11 năm 2017;
- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017;
- Luật số 35/2018/QH14 về sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;
- Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14, ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp;
- Nghị định số 42/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về Về hoạt động lấn biển;
- Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 /5 /2024 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư, khi Nhà nước thu hồi đất;
- Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/ 6/ 2024 Quy định về giá đất; Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/07/2024 của Chính phủ về thi hành Quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/07/2024 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai;

- Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất; Tiền thuê đất;

- Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ về Quy định chi tiết về đất trồng lúa;

- Thông tư 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ tài nguyên và Môi trường quy định về thông kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

- Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT ngày 09/02/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở thể dục thể thao;

- Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/1/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng;

- Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 16/3/2021 của Thủ tướng về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái đến năm 2040;

- Quyết định 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ Tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 26/7/2023 của Thủ Tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 80/QĐ-TTg ngày 11/2/2023 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Nghị quyết 15-NQ/TU ngày 23/4/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển cảng biển và dịch vụ cảng biển trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Nghị quyết số 117/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của HĐND tỉnh Quảng Ninh thông qua kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch ba loại rừng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 tỉnh Quảng Ninh;

- Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030; Nghị quyết số 274/NQ-HĐND ngày 09/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh và Quyết định số 3895/QĐ-UBND ngày 09/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Quảng Ninh;

- Quyết định số 1588/QĐ-UBND ngày 28/7/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và ngoài năm 2050;

- Quyết định số 3722/QĐ-UBND ngày 19/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh V/v phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch ba loại rừng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 tỉnh Quảng Ninh;

- Quyết định 62/2024/QĐ-UBND Sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quyết định số 42/2019/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh “ Về việc quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh thực hiện từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2024” và điều chỉnh một số vị trí trong bảng giá các loại đất theo quy định tại khoản 1 Điều 257 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

- Quyết định số 439/QĐ-UBND ngày 24/02/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất trong quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số: 3750/QĐ-UBND ngày 4/12/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của thành phố Móng Cái;

- Quyết định số: 512/QĐ-UBND ngày 15/02/2024 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố Móng Cái;

- Các văn bản pháp quy khác có liên quan của HĐND và UBND thành phố Móng Cái;

- Nhu cầu sử dụng đất năm 2025 của các ngành Nông, lâm nghiệp, thủy sản, y tế, giáo dục, đào tạo, dịch vụ thương mại, kinh tế - hạ tầng, quy hoạch đô thị, khu dân cư đô thị, khu dân cư nông thôn...

**\*Nội dung:** Báo cáo thuyết minh kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thành phố Móng Cái gồm những nội dung chính như sau:

I: Khái quát điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội.

II: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.

III: Lập kế hoạch sử dụng đất.

IV: Giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

## **I. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT.**

### **1. Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên.**

#### **1.1.1. Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên.**

##### **1.1.1.1. Vị trí địa lý**

Thành phố Móng Cái nằm ở phía Đông bắc của tỉnh Quảng Ninh với toạ độ địa lý:

Từ 21<sup>0</sup> 02' đến 21<sup>0</sup> 38' vĩ độ bắc.

Từ 107<sup>0</sup> 09' đến 108<sup>0</sup> 07' kinh độ đông.

Phía Bắc và phía Đông Bắc giáp huyện Đông Hưng tỉnh Quảng Tây Trung Quốc.

Phía Đông và Đông Nam giáp biển Vịnh Bắc Bộ và huyện Cô Tô.

Phía Tây giáp huyện Hải Hà.

Theo số liệu thống kê năm 2023 thành phố Móng Cái có diện tích 519,79Km<sup>2</sup> chiếm 8,43% diện tích toàn tỉnh (chưa kể diện tích lãnh hải) Móng Cái có 16 đơn vị hành chính bao gồm 7 phường: Bình Ngọc, Hải Hòa, Hải Yên, Ka Long, Ninh Dương, Trà Cổ, Trần Phú (sát nhập phường Hoà Lạc vào phường Trần Phú theo nghị quyết số 1199/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ Quốc hội), và 9 xã: Bắc Sơn, Hải Đông, Hải Sơn, Hải Tiến, Hải Xuân, Quảng Nghĩa, Vạn Ninh, Vĩnh Thực, Vĩnh Trung (trong đó có 2 xã đảo là: Vĩnh Trung và Vĩnh Thực).

Móng Cái có vị trí chiến lược hết sức quan trọng về chính trị, kinh tế, đối ngoại và an ninh – quốc phòng. Có nhiều điều kiện thuận lợi và tiềm năng lớn để phát triển kinh tế xã hội là cửa ngõ giao lưu kinh tế, văn hóa phía Đông bắc của Việt Nam với Trung Quốc.

*(Nguồn: wikipedia.org và nhiều tài liệu khác)*

Trong những năm gần đây, hạ tầng giao thông Thành phố Móng Cái đã nhận được sự đầu tư lớn. Tiêu biểu nhất là tuyến cao tốc Vân Đồn - Móng Cái chính thức được đưa vào hoạt động từ năm 2022. Kết hợp với các tuyến cao tốc khác đã rút ngắn thời gian di chuyển từ Móng Cái đến Hà Nội hoặc ngược lại. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho việc xuất khẩu hàng hoá và phát triển du lịch cũng như các hoạt động kinh tế khác của Thành phố Móng Cái .

**1.1.1.2. Địa hình, địa mạo.**

Móng Cái có địa hình đồi núi trung du ven biển, nằm trong cánh cung Đông Triều - Móng Cái, thấp dần từ bắc xuống nam bị chia cắt khá phức tạp, hình thành 3 vùng rõ rệt: Vùng núi phía bắc, vùng trung du ven biển và vùng hải đảo phía nam.

**\* Địa hình vùng núi phía bắc:**

Vùng đồi núi có độ cao từ 300 m – 866 m độ dốc trên 25<sup>0</sup>, hai xã Hải Sơn, Bắc Sơn là 2 xã miền núi khó khăn nhất của thành phố, là đầu nguồn của các con sông lớn như sông Ka Long, sông Thín Coóng, sông Pạt Cạp, Tràng Vinh. Rừng ở đây là rừng đầu nguồn có diện tích 7051,56 ha, việc trồng rừng và khoanh nuôi bảo vệ rừng có vai trò quan trọng để hạn chế lũ lụt và điều tiết nguồn nước.

**\* Địa hình vùng trung du ven biển:**

Diện tích khoảng 28000 ha, chiếm 54,0% diện tích tự nhiên bao gồm đồi thấp xen kẽ là những thung lũng, ruộng bậc thang và một số chân ruộng bằng phẳng ven sông, biển, vùng này gồm các xã: Hải Tiến, Hải Đông, Hải Xuân, Vạn Ninh và phường Hải Hòa, Ninh Dương, Trà Cỏ, Hải Yên, Bình Ngọc, có độ cao trung bình từ 25.0 m - 94.0 m. Các dải đồi thấp, xen kẽ các thung lũng có cao độ từ 20 - 25 m.

Khu trung tâm thành phố có độ cao 4.0 m - 6.0 m.

Khu vực ven biển Trà Cỏ có độ cao trung bình từ 3.0 m - 5.0 m.

**\* Địa hình vùng hải đảo phía nam:**

Đảo Vĩnh Thực là vùng núi thấp, cao độ địa hình biến thiên trong khoảng 40 m - 166.0 m, xen kẽ giữa các vùng núi thấp là các thung lũng trồng lúa nước và đất canh tác cao độ địa hình biến thiên trong khoảng 0.5 m - 8.0 m.

**\* Địa chất công trình:**

Qua kết quả khảo sát địa chất công trình và thực tế xây dựng các công trình khả năng chịu lực của nền đất tại khu vực Móng Cái là tương đối tốt, tại vùng đồi và khu vực ven núi, xây dựng hầu như không cần gia cố móng đặc biệt, cường độ chịu lực của đất cao 2kg/ cm<sup>2</sup>.

Tại khu vực Trà Cỏ và các khu vực ven biển (nuôi trồng thủy sản) là vùng đất yếu, khi phát triển xây dựng cần khảo sát kỹ để có giải pháp hợp lý về kết cấu móng công trình.

**1.1.1.3. Khí hậu.**

Khí hậu của Móng Cái tương đối ôn hoà mang tính chất nhiệt đới gió mùa, chịu ảnh hưởng của biển nên nóng ẩm và mưa nhiều, một năm có 2 mùa, mùa



đông từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, mùa hè từ tháng 5 đến tháng 10 là vùng ven biển bị chi phối mạnh mẽ của biển.

*\* Nhiệt độ không khí.*

Nhiệt độ trung bình trong 10 năm gần đây là 23,1<sup>0</sup>C, nhiệt độ trung bình cao nhất về mùa hè là tháng 8 với 27,9<sup>0</sup>C - 28,9<sup>0</sup>C, nhiệt độ tối cao tuyệt đối về mùa hè đạt tới 36,9<sup>0</sup>C, nhiệt độ trung bình thấp nhất về mùa đông vào tháng 1 với 15<sup>0</sup>C, nhiệt độ tối thấp tuyệt đối đạt 13,4<sup>0</sup>C.

*\* Độ ẩm không khí.*

Móng Cái là một trong những khu vực có độ ẩm không khí tương đối cao so với các nơi khác trong tỉnh trị số trung bình trong năm là 84%, các nơi khác chỉ đạt 81 – 83%. Nhìn chung độ ẩm không khí tương đối ở Móng Cái chênh lệch giữa các khu vực không lớn, phụ thuộc vào độ cao và địa hình, có sự phân hoá theo mùa, mùa mưa nhiều độ ẩm không khí cao hơn mùa ít mưa.

*\* Lượng mưa.*

- Lượng mưa trung bình hàng năm là 2479,8 mm, cao nhất 3.218 mm phân bố không đều trong năm và chia thành 2 mùa.

- Mùa mưa nhiều: từ tháng 5 đến tháng 9 chiếm 80-85% tổng lượng mưa cả năm. Tháng có lượng mưa lớn nhất là tháng 6 và tháng 8 đạt 766,9- 803,7 mm.

- Mùa mưa ít: Từ tháng 10 đến tháng 4 năm sau, lượng mưa chỉ chiếm 15-20% tổng lượng mưa cả năm, tháng có lượng mưa ít nhất là tháng 12 và tháng 1 chỉ đạt 4- 40 mm.

*\* Năng.*

Trung bình số giờ nắng giao động từ 1355,6-1581,8 h/năm, nắng tập trung từ tháng 5 đến tháng 12, tháng có giờ nắng cao nhất là tháng 7 (212,7 h) tháng có số giờ nắng thấp nhất là tháng 2 chỉ đạt (16,3h).

*\* Chế độ gió.*

Móng Cái có 2 loại gió chính là gió Đông Bắc và gió Đông Nam.

Từ tháng 11- tháng 4 năm sau thường là gió mùa Đông Bắc tốc độ gió trung bình năm 2,3 m/s, gió mùa Đông Bắc thổi về theo đợt, mỗi đợt kéo dài từ 3-5 ngày, gió mạnh nhất có tốc độ 4-5 m/s.

Từ tháng 5 đến tháng 10 thịnh hành gió Đông Nam, gió thổi từ biển vào đất liền mang theo nhiều hơi nước. Tốc độ gió trung bình từ 2- 4m/s (cấp 2- 3) có khi tới cấp 5 đến cấp 6.

*\* Bão:*

Xuất hiện từ tháng 5 đến tháng 10, tháng có nhiều bão là tháng 7, tháng 8 thường sớm hơn các khu vực khác. Bão có tốc độ gió từ 20- 40m/s, thường có mưa lớn, lượng mưa từ 100 – 200 mm, có nơi tới 500 mm.

\* *Sương muối, sương mù:*

Vùng núi thường có sương muối vào tháng 1, sương mù xuất hiện vào tháng 2-3, phổ biến trên toàn thành phố, gây ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và tàu thuyền đi lại trên biển.

**1.1.1.4. Thủy văn, thủy triều:**

\* *Hệ thống sông suối:*

Thành phố Móng Cái có 3 sông chính:

- Sông Ka Long bắt nguồn từ khu vực Thập Vạn Đại Sơn của Trung Quốc ở độ cao 700 m, chảy dọc biên giới Việt – Trung, với tổng chiều dài sông 109 km, đoạn tạo thành biên giới Việt – Trung dài 65 km chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam rồi đổ ra vịnh Bắc Bộ, sông có 5 nhánh là Ka Long, Bắc Luân, Lục Lâm, Vạn Ninh và Hải Xuân, diện tích lưu vực khoảng 773 km<sup>2</sup> phần Móng Cái là 99 km<sup>2</sup> khu thượng lưu sông nhỏ, độ dốc lớn, phía hạ lưu sông rộng và nhiều cửa sông nên thoát lũ nhanh ít gây úng lụt.

Lưu lượng mùa lũ từ tháng 6 - tháng 7 là 7000 m<sup>3</sup>/s.

Lưu lượng mùa kiệt từ tháng 12 đến tháng 01 là 12.1 m<sup>3</sup>/s.

- Sông Tràng Vinh bắt nguồn từ các đỉnh núi cao phía tây bắc thành phố chảy qua hồ Tràng Vinh rồi ra biển, lưu lượng mùa lũ là 33.0 m<sup>3</sup>/s. Lưu lượng trung bình là 5.15 m<sup>3</sup>/s, lưu lượng mùa kiệt là 0.1 m<sup>3</sup>/s. Lũ ở đây lên xuống nhanh, thất thường, thường chịu ảnh hưởng của thủy triều.

- Sông Pát Cạp diện tích lưu vực 41 km<sup>2</sup>, lưu lượng nước sông lớn nhất 686 m<sup>3</sup>/s, lưu lượng nước sông nhỏ nhất 1,17 m<sup>3</sup>/s.

Ngoài ra còn có nhiều hệ thống sông suối nhỏ độ dốc lớn dòng chảy ngắn, mùa khô ít có tác dụng cho sản xuất và đời sống do có lưu lượng dòng chảy nhỏ.

\* *Thủy triều:*

Vùng biển Móng Cái chịu ảnh hưởng trực tiếp của chế độ nhật triều vịnh Bắc Bộ, độ lớn thủy triều mạnh nhất thường vào tháng 1, 6, 12, Tại Mũi Ngọc độ lớn thủy triều + 4,98 m. Độ cao sóng trung bình tại khu vực Trà Cỏ: 0,5 m, độ cao sóng lớn nhất là 3,5 – 4 m.

Khu vực Móng Cái - Trà Cỏ bị ảnh hưởng thủy triều, mức độ ảnh hưởng ứng với các tần suất sau:

Độ lớn thủy triều mạnh nhất thường vào tháng 01, 6, 12. Mực nước thủy triều lớn nhất Tại Mũi Ngọc, Trà Cỏ: + 4,98m (cao độ Hải đồ). Tương đương: +3,08m (cao độ lục địa).

- + Độ cao sóng trung bình tại khu vực Trà Cỏ: 0,5m.
- + Độ cao sóng lớn nhất tại khu vực Trà Cỏ: (3,5 - 4) m.
- + Mực nước dâng tại TP. Móng Cái: 1,5 -2 m, tần suất 5%.

Khu vực thành phố bị ảnh hưởng mặn trong mùa kiệt, khả năng xâm nhập mặn lớn nhất có thể lên đến vị trí cầu Ka Long, những vùng có đê ngăn mặn hiện tượng xâm thực hạn chế hơn.

### **1.1.2. Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên.**

#### *\* Tài nguyên đất.*

Đất đai trên địa bàn thành phố Móng Cái được chia thành 10 nhóm đất chính và 16 nhóm đất phụ:

#### *- Vùng đất bằng ven biển:*

Vùng đất bằng ven biển của thành phố Móng Cái diện tích điều tra thổ nhưỡng nông hóa 21424,25 ha, chiếm 41,33% diện tích đất tự nhiên, bao gồm 6 nhóm đất chính và 13 nhóm đất phụ như sau:

#### *- Đất cát (C):*

Đất cát được chia thành 3 nhóm đất chính và 7 nhóm đất phụ, đất cát được hình thành do thủy triều xô đẩy các hạt cát, sỏi, cuội thạch anh ở ngoài biển vào tạo thành các dải cát ở ven bờ biển, chân đảo, có 6 nhóm đất phụ, phân bố ở các xã ven sông, ven biển diện tích 7362,28 ha, chiếm 14,2% diện tích đất tự nhiên, bao gồm các loại đất như sau: Đất cát ven sông, biển 5663,78 ha, đất cồn cát trắng vàng 359,42 ha, đất cát biển 1339,08 ha.

#### *- Đất mặn (M):*

Đất mặn được chia thành 3 nhóm đất chính và 5 nhóm đất phụ, diện tích đất mặn là 11087,07 ha chiếm 21,39% diện tích đất tự nhiên. Trong đó: Đất mặn sú vẹt được 9893,93 ha, Đất mặn nhiều 487,45 ha, Đất mặn ít trung bình 184,44 ha, phân bố chủ yếu ở các xã Quảng Nghĩa, Hải Tiến, Hải Đông, Hải Yên, Vạn Ninh, Hải Hòa, hiện nay đang được khoanh vùng nuôi trồng thủy sản và trồng rừng ngập mặn.

#### *- Đất phèn (S):*

Diện tích 600,55 ha, chiếm 1,16% diện tích đất tự nhiên và có 2 nhóm đất chính: Đất phèn hoạt động 222,57 ha, Đất phèn tiềm tàng 377,98 ha, tập chung ở các xã ven biển ở những vùng đất trũng nên sử dụng trồng lúa kết hợp nuôi một vụ cá, những vùng đất vằn và thắp trồng 2 vụ lúa đi đôi với việc thau chua rửa mặn để cải tạo đất.

#### *- Đất phù sa (p):*

Diện tích 960.6 ha, chiếm 1,85% diện tích đất tự nhiên và có 3 nhóm đất chính, Đất phù sa không được bồi chua điển hình 592,4 ha, Đất phù sa không được bồi chua cơ giới nhẹ 260,56 ha. Đất phù sa không được bồi chua gây nông 107,66 ha, là loại đất do phù sa bồi tụ đất có tầng dày từ 0 – 18cm, phân bố ở các xã: Hải Tiên, Hải Yên, Hải Đông, Hải Xuân, Bình Ngọc, Vạn Ninh, Hải Hòa, Ninh Dương và Trà Cỏ.

- *Đất có tầng sét loang lổ (L):*

Diện tích 1188.7 ha, chiếm 2,29% diện tích đất tự nhiên và có 2 nhóm đất phụ: Đất có tầng sét loang lổ chua gây nông 757,57 ha, Đất có tầng sét loang lổ chua kết von sâu 431,13 ha. đất có tầng sét loang lổ phân bố ở tầng thấp của dải phù sa cổ, thường có tầng đất dày, đất có thành phần cơ giới nhẹ thấm nước tốt nên canh tác lúa và cây trồng cạn đều thích hợp là loại đất tốt, ở địa hình bằng thoải, có độ phì nhiêu khá rất thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp.

- *Đất Xám (X)*

Đất Xám diện tích 225,03 ha, chiếm 0,43% diện tích đất tự nhiên, phân bố rộng trên địa bàn thành phố, là loại đất có độ phì thấp, hiện tại đang được trồng lúa hoặc lúa màu. Hướng sử dụng đất ở địa hình vùn cao và vùn nên sử dụng trồng các loại cây hoa màu thực phẩm và cây công nghiệp ngắn ngày.

- *Vùng đất đồi núi.*

Vùng đất đồi núi theo diện tích điều tra Thổ nhưỡng nông hóa có 24005,92 ha, chiếm 46,31% diện tích đất tự nhiên, bao gồm 4 nhóm đất chính và 6 nhóm đất phụ như sau:

- *Đất nâu tím (N):*

Diện tích 1678,97 ha, chiếm 3,24% diện tích đất tự nhiên, có 1 nhóm đất chính và 3 nhóm đất phụ: Đất nâu tím chua điển hình 113,56 ha, Đất nâu tím chua đá nông 967,14 ha, Đất nâu tím chua đá sâu 598,27 ha, tập trung ở các xã miền núi ở độ cao từ 25 – 175m hình thành và phát triển trên sa phiến thạch tím hạt mịn, thành phần cơ giới thịt nặng đến sét, tỷ lệ sét dao động khoảng 30 - 40% ở tầng mặt tỷ lệ đạm, lân, kali tổng số trung bình càng xuống tầng sâu tỷ lệ càng giảm (nghèo), những nơi đất dốc từ 0 – 8<sup>0</sup> nên trồng cây hoa màu, nơi đất dốc từ 8<sup>0</sup> - 15<sup>0</sup> nên sử dụng trồng cây lâu năm, nơi đất dốc từ 15<sup>0</sup> - 25<sup>0</sup> sử dụng theo hướng nông lâm kết hợp, nơi đất dốc trên 25<sup>0</sup> nên trồng rừng và khoanh nuôi bảo vệ rừng.

- *Đất vàng đỏ (FV):*

Đất vàng đỏ, vàng nhạt, diện tích 21274,51 ha, chiếm 41,04% diện tích đất tự nhiên, có 6 nhóm đất phụ: Đất vàng đỏ điển hình 516,59 ha, Đất vàng đỏ đá nông 5636,34 ha, Đất vàng đỏ đá lẫn sâu 3846,97 ha, Đất vàng nhạt điển hình

1304,14 ha, Đất vàng nhạt đá nông 5003,22 ha, Đất vàng nhạt đá sâu 4967,25 ha. Tập trung ở các xã hải Sơn, Bắc Sơn, Quảng Nghĩa và 2 xã đảo Vĩnh Trung, Vĩnh Thực. Mức độ phong hóa feralit từ trung bình đến mạnh và có su hướng giảm dần theo độ cao, thành phần cơ giới từ thịt nhẹ đến nặng, đất có màu vàng đỏ, vàng nhạt, độ dày tầng đất từ 25 -125 cm, (độ pH<sub>KCl</sub> ở tầng mặt 4,46) hàm lượng mùn giàu (3,05%) đạm tổng số tầng mặt khá cao (0,19%) hàm lượng lân và kali tổng số trung bình (1,22%) thích hợp cho trồng cây đặc sản như quế, hồi, trám và cây ăn quả và nhiều loại cây lấy gỗ như nghiến, trai, đinh hương... phát triển tốt trên đất này. Tuy nhiên cần quan tâm đến các giải pháp chống sỏi mòn, bảo vệ đất về mùa khô, cải tạo nâng cao độ phì nhiêu của đất để sản xuất lâu bền.

- *Đất tầng mỏng (E):*

*Đất tầng mỏng chua điển hình (Ec):*

Diện tích 31,28 ha chiếm 0,06% diện tích đất tự nhiên, tập trung ở các xã miền núi, do quá trình đốt nương làm rẫy đất bị rửa trôi, xói mòn mạnh nên tầng đất cứng, chặt, có tầng đất <30 cm, đất nghèo dinh dưỡng, cần có biện pháp trồng rừng, phục hồi rừng, bảo vệ môi trường đất, giữ ẩm, giữ màu, phục hồi độ phì nhiêu của đất.

- *Đất nhân tác (NT):*

*Đất ruộng bậc thang vùng đồi núi glây nông (NTct-g1):*

Diện tích 1021,16 ha, chiếm 1,97% diện tích đất tự nhiên, có tầng đất từ 0-40 cm thường bị glây và hàm lượng hữu cơ cao từ 1,27 -1,55%, phản ứng chua của đất pH<sub>KCl</sub> từ 4,5 – 4,6, đạm tổng số trung bình từ 0,101 – 0,15%, lân tổng số trung bình từ 0,06 – 0,10%. Đất ruộng bậc thang vùng đồi núi thích hợp cho việc trồng lúa nước và hoa màu, cần có hệ thống thủy lợi cung cấp nước thường xuyên để trồng 3 vụ, trồng 2 vụ lúa 1 vụ màu.

\* *Tài nguyên nước.*

- *Nước mặt.*

Thành phố Móng Cái có tiềm năng nước mặt rất lớn, sông Ka Long là sông chính cung cấp nguồn tài nguyên nước mặt cho Thành phố. Các sông, hồ tự nhiên được cung cấp thường xuyên một lượng nước rất lớn đảm bảo khá hiệu quả cho việc cấp, thoát nước.

Lượng nước mặt ở Móng Cái khá phong phú và phân phối đều theo không gian, dòng chảy sông ngòi chia làm 2 mùa rõ rệt. Mùa lũ từ tháng 5 đến tháng 9, mùa kiệt từ tháng 10 và kết thúc vào tháng 4 năm sau. Lượng nước lũ chiếm từ 75 -80% lượng nước cả năm, do địa hình núi cao, sông ngắn, dốc không có trung lưu, thành phố đã xây dựng các hồ đập để điều tiết dòng chảy như: Hồ Tràng Vinh

diện tích lưu vực 70.8 km<sup>2</sup>, tổng lượng nước ứng với tần suất thiết kế 125 triệu m<sup>3</sup>. Hồ Quát Đông diện tích lưu vực 13 km<sup>2</sup>, dung tích hữu ích 10.5 triệu m<sup>3</sup>. hồ Kim Tinh dung tích hữu ích 2 triệu m<sup>3</sup>. Hồ Đoan Tĩnh dung tích hữu ích 1.5 triệu m<sup>3</sup>... trong đó hồ Tràng Vinh và hồ Quát Đông là lớn nhất, có khả năng cung cấp nước dồi dào cho thành phố. (Nguồn: XN nước Móng Cái- Công ty THHH kinh doanh nước sạch Quảng Ninh).

*- Nước ngầm.*

Hiện trạng nước dưới đất của Thành phố hiện nay chưa được đánh giá đầy đủ chính xác. Với 7 tầng chứa nước dưới đất tại Thành phố, chỉ có 4 tầng có chứa nước nhạt có khả năng khai thác cho mục đích dân sinh, kinh tế ở một số khu vực còn hạn chế. Những năm gần đây nước dưới đất đã được khai thác khá nhiều nhưng chủ yếu là quy mô nhỏ và tầng khai thác là chủ yếu tầng nông (độ sâu 150 m trở lại). Hiện nay phần lớn các giếng khoan và giếng đào đều khai thác nước ngầm tầng nông, nhất là khu vực nông thôn. Nhìn chung phần lớn chất lượng nước dưới đất ở tầng nông khá tốt, hơi cứng, thuộc dạng canxi carbonate cao và ở một số vùng đồi núi. Ngoài ra đã có dấu hiệu ô nhiễm vi sinh ở một số giếng ngầm tầng nông và hàm lượng sắt trong nước ngầm tầng nông cũng khá cao ở một số khu vực, chính vì vậy cần có các biện pháp xử lý nước trước khi sử dụng cho sinh hoạt.

Nguồn nước ngầm, nước mặt của Móng Cái nếu được đầu tư khai thác sẽ đáp ứng đủ nhu cầu nước cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, du lịch và sinh hoạt của nhân dân trong hiện tại và tương lai.

*\* Tài nguyên rừng và thảm thực vật*

*- Tài nguyên rừng:*

Theo số liệu thống kê đất đai năm 2015 Móng Cái hiện có 27.115,97 ha chiếm 52,19% diện tích đất tự nhiên, trong đó rừng phòng hộ 14.340,64 ha chiếm 52,88% diện tích đất có rừng, rừng sản xuất 12.777,33 ha chiếm 47,12% diện tích đất có rừng.

Rừng tự nhiên chiếm 35,44% diện tích rừng, phân bố chủ yếu ở vùng cao thuộc 3 xã Hải Sơn, Bắc Sơn, Quảng nghĩa và các xã có rừng ngập mặn ven biển, rừng tự nhiên ở cấp rừng nghèo và rừng trung bình.

Trữ lượng rừng tự nhiên, có khoảng 90.000 m<sup>3</sup> gỗ, ngoài ra còn tre, nứa, dóc. Tuy vậy cũng còn một số rừng nguyên sinh được bảo vệ, thích hợp cho phát triển các loại hình du lịch sinh thái trong tương lai.

Rừng trồng chiếm 64,56% diện tích rừng, được phân bố ở các phường, xã: Bắc Sơn, Hải Sơn, Quảng nghĩa, Hải Tiến, Hải Đông, Hải Yên và hai xã đảo, chủ yếu là rừng trồng thông, keo, có trữ lượng khoảng 76 ngàn m<sup>3</sup> gỗ.

Nhìn chung trữ lượng rừng của Thành phố trong những năm gần đây có xu hướng tăng dần do trồng rừng, một số khu rừng tự nhiên và rừng trồng do khai thác nhiều, mức độ sinh khối của rừng chưa đủ bù đắp lượng gỗ bị khai thác.

- *Thảm thực vật:*

+ Vùng đồi núi có hệ sinh thái đa dạng đã hình thành và phát triển một thảm thực vật phong phú có nhiều lớp thực vật sinh trưởng và phát triển. Do có sự can thiệp của con người trong quá trình khai thác rừng trước đây đã làm cho thảm thực vật dần bị cạn kiệt. Đến nay được sự quan tâm bảo vệ của các cấp chính quyền nên các thảm thực vật đang ở giai đoạn phục hồi và phát triển mạnh, có thể chia thành 4 cấp thảm thực vật như sau:

Thảm thực vật tái sinh: Được phục hồi sau khi bị khai thác rừng làm nương rẫy, do vậy thảm thực vật này cây thường thấp, đường kính nhỏ, tán cây bé, độ ẩm và tầng dày kém so với thảm rừng gỗ xanh.

Thảm rừng hỗn giao tre nứa: Hình thành sau khi bị khai thác, đốt cháy, các loại thân gỗ tái sinh chậm thay thế bằng các loại tre, nứa... cho nên độ ẩm tầng dày kém.

Thảm rừng cây lùm bụi, đồi cỏ: Đây là vùng đồi bị khai thác nhiều lần không phát triển được tạo nên cây lùm bụi như: Sim, mua, cỏ tranh...do có độ che phủ thấp cho nên hay xảy ra xói mòn và rửa trôi. Hiện nay đã được phủ kín bằng các loại cây như keo, bạch đàn và một số các loại cây ăn quả như vải, nhãn, hồng, cam, quýt... mang lại hiệu quả kinh tế và tăng độ che phủ cho đất.

+ Vùng đất bằng: Đây là vùng sản xuất nông nghiệp, thảm thực vật chủ yếu là các loại cây trong nhóm nông nghiệp phục vụ nhu cầu về lương thực, nhờ có sản xuất nông nghiệp mà vùng này luôn được thay đổi làm cho thảm thực vật trở nên phong phú và đa dạng.

+ Vùng cửa sông, ven biển: Thảm thực vật chủ yếu là thông, phi lao và cây sù, vẹt ngập mặn, trong lòng sông chủ yếu là rong tảo sinh sống, đây là vùng chịu nhiều tác động của con người trong quá trình khai thác sử dụng tài nguyên đã làm ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường, nhất là môi trường nước.

\* *Tài nguyên biển*

Móng Cái có thềm lục địa rộng lớn gần gấp 2 lần diện tích đất nổi của thành phố có nhiều vũng vịnh, bãi triều ven biển và rừng ngập mặn tạo nên nguồn hải sản khá phong phú như; Mực ống, tôm, cua, cá, nhuyễn thể, bào ngư, ốc biển,

ngọc trai... có giá trị dinh dưỡng và kinh tế cao. khả năng cho phép khai thác hàng năm từ 10-15 ngàn tấn; trong đó khai thác cá nổi khoảng từ 7- 9 ngàn tấn/năm. Ngoài những loài hải sản quý hiếm có giá trị trên biển Móng Cái còn có bãi biển Trà Cổ, Bình Ngọc tạo lên tua du lịch biển hấp dẫn thu hút cho du khách đến thăm quan, nghỉ dưỡng.

*\* Tài nguyên du lịch và văn hoá*

- Tài nguyên du lịch: Móng Cái là thành phố được nghiên cứu và đánh giá là loại hình du lịch tự nhiên, được xếp vào một trong 4 trung tâm du lịch của tỉnh Quảng Ninh, đây là điều kiện thuận lợi để thu hút thêm nhiều lượt khách du lịch đến thăm quan nghỉ mát tận hưởng vẻ đẹp thiên nhiên. Các điểm thu hút khách du lịch trong thời gian qua phải kể đến như: Bãi biển Trà Cổ có rất nhiều tiềm năng để phát triển các khách sạn, nhà hàng ẩm thực có sức thu hút khách du lịch rất cao. Bãi biển Trà Cổ dài và đẹp với những bãi cát dài phẳng, sạch đẹp rất thích hợp cho việc tắm biển, lướt ván, khu nghỉ mát Bình Ngọc, đảo Vĩnh Thực, Vĩnh Trung, hồ Quất Đông. ....

*Trà Cổ:* Trà Cổ là bãi biển dài nhất Việt Nam, trải dài hơn 17km với rất nhiều đụn cát cao đến 3-4 mét. Bãi biển này được ngợi ca là một trong những bãi biển hoang sơ nhất của Việt Nam. Trà Cổ cũng là bãi biển của Việt Nam gần với biên giới Trung Quốc nhất, chỉ cách Móng Cái 8km và cách Hạ Long 170km. Sân Golf Quốc tế Móng Cái được đặt tại vị trí nằm ngay trung tâm bãi biển Trà Cổ, nơi nghỉ mát, du ngoạn nổi tiếng trong cả nước. Sân Golf được xây dựng theo tiêu chuẩn quốc tế, chạy dọc theo bờ biển dài 3km, có hướng gió luôn thay đổi, độ khó cao và mang tính thách thức lớn. Sân golf quốc tế Móng Cái là sân golf bờ biển đầu tiên ở Việt Nam với hai sân riêng biệt: một sân tập luyện và một sân thi đấu. Khu vực này còn có tòa biệt thự phục vụ ăn uống, nghỉ ngơi cho những người chơi golf và có nhiều xe hướng dẫn tham quan *Đảo Vĩnh Thực:* Đảo Vĩnh Thực có diện tích khoảng 18 km<sup>2</sup>, nằm ở phía Nam thành phố Móng Cái. Nơi đây còn khá hoang sơ và không có các dịch vụ du lịch hiện đại. Trên đảo hiện có khoảng 2.500 người dân sinh sống, hầu hết làm nông nghiệp và đánh bắt thủy sản. Hiện tại các đơn vị khai thác cá nhân đã cho vận hành nhiều chuyến tàu ra đảo hàng ngày. Một chuyến tàu ra đảo mất khoảng 10 phút. Các nhà nghỉ tư nhân cung cấp chỗ ở cho khách du lịch; và đảo cũng đã được hòa mạng lưới điện quốc gia vào đầu năm 2000.

*Ngũ hồ, núi rừng:* Thành phố Móng Cái giàu tài nguyên thiên nhiên có cảnh quan hùng vĩ và tiềm năng lớn để phát triển du lịch sinh thái. Ngũ hồ có cảnh quan tự nhiên trong lành, mát mẻ, làn nước xanh soi bóng mây trời rừng núi, rất thích hợp cho du lịch sinh thái, picnic giành cho giới trẻ ưa khám phá. Những điểm đến chính bao gồm ngũ hồ: Tràng Vinh, Quất Đông, Đoàn Tĩnh,



Kim Tinh, Phình Hồ, và Núi Tổ Chim; Núi Pa Nai (Hải Sơn), các khu rừng ở Hải Sơn, Bắc Sơn và rừng ngập mặn. Đỉnh Panai với quần thể rừng nguyên sinh, hang động, bãi đá kỳ thú.

*Các trung tâm mua sắm:* Thành phố Móng Cái cũng có nhiều trung tâm mua sắm trong đó Chợ Trung tâm Móng Cái là một trong những khu chợ biên giới lớn nhất miền Bắc Việt Nam. Những sản phẩm chính bày bán cho du khách gồm có sản phẩm may sẵn và các thiết bị gia dụng phong phú, đa dạng. Đây là điểm đến của những thương nhân bán buôn khắp miền Bắc Việt Nam đồng thời cũng là điểm đến của khách du lịch. Các trung tâm mua sắm khác của Móng Cái gồm có Móng Cái Plaza, Trung tâm Thời trang, Trung tâm thương mại Đông Thăng, Chợ 2, Chợ Togi và Trung tâm thương mại Vinh Cơ.

Ngoài các điểm du lịch trong thành phố, Móng Cái còn có thể mở rộng, liên kết với các địa phương khác trong và ngoài tỉnh (thành phố Hạ Long, Vân Đồn, Cát Bà...) và đặc biệt hơn nữa là liên kết với nước bạn như Trung Quốc và các nước trong khu vực Đông Nam Á để hình thành các tour du lịch hấp dẫn khác...

*\* Tài nguyên khoáng sản và vật liệu xây dựng*

Thành phố Móng Cái có các loại khoáng sản chủ yếu là khoáng sản vật liệu xây dựng nằm rải rác trên địa bàn Thành phố cụ thể gồm các địa điểm như sau:

- Cát thủy tinh: Địa điểm tại Vĩnh Thực diện tích 0,5 km<sup>2</sup> trữ lượng tài nguyên dự báo 0,1 triệu m<sup>3</sup>.

- Titan (ilmenit) sa khoáng: Địa điểm tại Vĩnh Thực diện tích 2,5 km<sup>2</sup> trữ lượng tài nguyên dự báo 50 nghìn tấn, tại bình Ngọc diện tích 6,0 km<sup>2</sup> trữ lượng tài nguyên dự báo 68 nghìn tấn.

- Sét gạch ngói: Chủ yếu tại phường Hải Yên, Ninh Dương diện tích 4,0 km<sup>2</sup> trữ lượng tài nguyên dự báo 2,73 triệu m<sup>3</sup>.

- Đá granit ốp lát: Địa điểm tại Lục Phủ diện tích 2,0 km<sup>2</sup> trữ lượng tài nguyên dự báo 35 triệu m<sup>3</sup>.

- Đá xây dựng: Địa điểm phía tây bắc phường Hải Yên diện tích 1,5 km<sup>2</sup> trữ lượng tài nguyên dự báo 20 triệu m<sup>3</sup>.

- Cát, sỏi xây dựng: diện tích khoảng 76 km<sup>2</sup> trữ lượng tài nguyên dự báo 15 triệu m<sup>3</sup> phân bố rộng khắp trên địa bàn thành phố, chủ yếu ở ven sông, suối và ven biển.

*Nguồn: Báo cáo đề án tổng hợp tài liệu địa chất, khoáng sản và hoạt động khoáng sản tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020.*

*\* Tài nguyên nhân văn, văn hoá*

Lịch sử hình thành và phát triển của thành phố Móng Cái gắn liền với lịch sử đấu tranh giữ nước của dân tộc Việt Nam.

Thành phố Móng Cái hiện có 14 dân tộc anh em cùng sinh sống, trong đó dân tộc kinh chiếm 94,70%, các dân tộc thiểu số khác chiếm 5,30% gồm dân tộc Dao, Tày, Hoa, Sán Chay, Sán Dìu, Nùng, Thái. Mỗi dân tộc đều có tiếng nói, phong tục tập quán và những nét sinh hoạt văn hóa riêng đang được bảo tồn và phát triển.

Phát huy truyền thống cách mạng của cha ông qua các thời kỳ dựng nước và giữ nước, nhân dân Móng Cái luôn kề vai sát cánh cùng quân dân cả nước chống giặc ngoại xâm, giữ vững chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, đồng thời năng động sáng tạo, tiếp thu khoa học công nghệ tiên tiến, xây dựng thành phố xanh, sạch, đẹp, phát triển theo hướng hiện đại, cùng cả nước thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

Thiên nhiên ban tặng cho thành phố Móng Cái nhiều phong cảnh đẹp, ở địa đầu của Tổ quốc, có nhiều di tích lịch sử, văn hoá lại nằm trong địa bàn trọng điểm phát triển du lịch của cả nước. Móng Cái đa dạng về các thành phần dân tộc mang đậm nét văn hoá đặc sắc, có đức tính cần cù, đoàn kết, mến khách. Điều này đã làm phong phú tài nguyên du lịch và nhân văn của nơi địa đầu tổ quốc biên cương này.

Móng Cái là địa phương có nhiều di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh. Hiện trên toàn thành phố có 59 di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh, gồm: 40 di tích lịch sử; 05 di tích kiến trúc nghệ thuật; 8 địa điểm khảo cổ; 6 danh lam thắng cảnh. Trong số các di tích, có 4 di tích được xếp hạng cấp quốc gia là đình Trà Cổ (1974), chùa Nam Thọ và chùa Xuân Lan (1999), đền Xã Tắc (2020); 09 di tích lịch sử cấp tỉnh là đình Tràng Vỹ (2011), đình Vạn Ninh (2011), Đình Bầu (2012), Đồi Trần Phú (2012); Đền Biên phòng 209 Pò Hèn (2014), Đền Thác Mã đại vương (2017), Di tích Lưu niệm Bác Hồ tại phường Trà Cổ, thành phố Móng Cái năm 1961 (2017); Địa điểm thành lập Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam đầu tiên của thành phố Móng Cái (2019), đình Bình Ngọc (2020). Ngoài ra, thành phố Móng Cái còn có trên 40 di sản văn hóa phi vật thể đã được kiểm kê, phân loại, trong đó có 02 di sản văn hóa phi vật thể được đưa vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia là: Hát nhà tơ - Hát múa cửa đình và lễ hội truyền thống đình Trà Cổ.

Nét văn hóa tại các làng chài ở Trà Cổ đã được lưu giữ, phần lớn người dân của phường Trà Cổ vẫn sống bằng nghề đánh bắt gần bờ. Gần Móng Cái là vậy nhưng Trà Cổ chưa chịu ảnh hưởng của đô thị hóa, người dân Trà Cổ vẫn giữ phong cách của dân làng chài, hiền lành và thân thiện. Ngoài ra còn có các bản làng đồng bào dân tộc thiểu số tại vùng cao Bắc Sơn - Hải Sơn, cũng có những nét văn hóa đặc trưng cần được bảo tồn và lưu giữ.

Lễ hội đình Trà Cổ là một trong những lễ hội cấp thành phố, cũng là sản phẩm du lịch văn hoá tâm linh độc đáo của Móng Cái. Phần lễ chính có nghi lễ rước Ông Voi vào đình và chương trình nghệ thuật được tổ chức liên tục trong cả 3 đêm hội tại sân đình Trà Cổ, đình Tràng Vỹ. Phần hội có nhiều trò chơi dân gian được tổ chức tại bãi biển và sân đình, như: Đua bè, đan lưới, đẩy đòn, kéo co, cờ thẻ, ca bài chòi, đánh trống, chọi gà...

## **1.2. Phân tích, đánh giá về hiện trạng môi trường và biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất.**

### **1.2.1. Phân tích hiện trạng môi trường**

#### *\* Môi trường đất*

Trong thời gian qua, môi trường đất trên địa bàn Thành phố chưa được đánh giá tình hình ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên với mức độ đô thị hoá như hiện nay, lượng chất thải phát sinh thải vào môi trường đất ngày càng nhiều và các áp lực về phát triển kinh tế, xã hội, hoạt động sản xuất nông nghiệp nên chất lượng môi trường đất sẽ bị ảnh hưởng và tác động. Ngoài ra, do tập quán canh tác của người dân và việc sử dụng phân bón, nông dược bảo vệ thực vật đã tác động đến môi trường nói chung, trong đó có môi trường đất. Kết quả phân tích dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong đất trồng lúa trên địa bàn Tỉnh như sau:

Kết quả phân tích dư lượng thuốc BVTV trong đất trồng lúa cho thấy hầu hết các chỉ tiêu đều có giá trị nằm trong quy chuẩn cho phép hoặc không phát hiện. Tuy nhiên, có một số thông số vượt so với quy chuẩn cho phép điều này cho thấy việc sử dụng thuốc BVTV không theo khuyến cáo của nhà sản xuất, sử dụng quá nhiều về lâu dài chắc chắn sẽ tác động tiêu cực đến chất lượng môi trường đất.

#### *\* Môi trường nước mặt.*

- Chất lượng nước sông Ka Long nơi có nhiều tàu thuyền qua lại chỉ số pH chỉ đạt 6,4, thấp hơn so với QCVN 08:2008/BTNMT. Các kim loại nặng như Pb, Cd, Hg đều nằm trong QCVN, tuy nhiên hàm lượng thủy ngân trong nước sông Bắc Luân nơi tàu bè qua lại buôn bán giữa Việt Nam và Trung Quốc vượt gấp 2 lần QCVN. (Nguồn: Chi cục Môi trường Quảng Ninh).

- Khu vực có hệ thống kênh thủy lợi gồm kênh chính Tràng Vinh dẫn nước từ hồ Tràng Vinh về với tổng chiều dài khoảng 18 km, kênh mương cấp I với tổng chiều dài khoảng 81,2 km, kênh mương cấp II với tổng chiều dài 216,5 km và kênh cấp III và mương nội đồng với tổng chiều dài 409,5 km. Khu vực có 13 hồ chứa với tổng dung tích trữ dự tính 100,07 triệu m<sup>3</sup> nước. Tuyến kè 2 bờ sông Ka

Long đoạn qua trung tâm thành phố dài khoảng 1,7 km đã hoàn thành, với cao trình bờ kè +4,5-6,5 m.

- Hệ thống thoát nước và vệ sinh môi trường:

Thành phố Móng Cái đang sử dụng hệ thống thoát nước thải chung với nước mưa, chưa có hệ thống thoát nước thải riêng, nước thải chưa được xử lý đạt tiêu chuẩn thải trực tiếp ra nguồn tiếp nhận.

Hệ thống thoát nước thải chưa được xây dựng hoàn chỉnh, khu vực nội thị, hệ thống thoát nước đảm bảo tiêu thoát 65% lượng thải của toàn thành phố. Khu vực nội thành các hộ dân đều xây dựng bể tự hoại. các khu nhà trọ, nhà tạm còn thiếu các công trình vệ sinh, cộng với khu vực ngoại thành, tỷ lệ hộ dân chưa sử dụng nhà vệ sinh đạt tiêu chuẩn vẫn còn cao, trong những năm tới thành phố cần nghiên cứu xây dựng hệ thống nước thải và nhà máy xử lý nước thải khu vực tây Ka Long, đông Ka Long và khu Trà Cỏ.

*\* Hiện trạng môi trường không khí*

Tình trạng ô nhiễm MTKK ở Thành phố mang tính cục bộ, ở các khu vực sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, các làng nghề, các đô thị, trên các tuyến đường giao thông chính ...

- Khí thải từ hoạt động giao thông được xem là một nguồn gây ô nhiễm lớn đối với môi trường không khí trên địa bàn, đặc biệt ở các khu đô thị, khu đông dân cư, vận chuyển hàng hóa và hành khách.

- Khí thải từ khu công nghiệp và các cơ sở sản xuất công nghiệp, chủ yếu là khí thải phát sinh từ các công đoạn sản xuất như đốt nhiên liệu, khí thải lò hơi, hóa chất bay hơi,...

- Khí thải từ hoạt động xây dựng do nhu cầu xây dựng các khu chung cư, khu đô thị mới, cầu đường, sửa chữa nhà, vận chuyển vật liệu xây dựng và phế thải xây dựng, ... Các hoạt động như đào lấp đất, đập phá công trình cũ, vật liệu xây dựng bị rơi vãi trong quá trình vận chuyển thường gây ô nhiễm bụi đối với môi trường xung quanh.

- Khí thải từ hoạt động dân sinh đối với khu dân cư vẫn tồn tại hoạt động đun nấu sử dụng các nguyên liệu, nhiên liệu như củi, than, trấu, ... gây ô nhiễm trực tiếp cho hộ gia đình hoặc vài hộ xung quanh ở vùng nông thôn.

- Khí thải từ các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp, làng nghề. Đối với làng nghề rất đa dạng các loại hình sản xuất và phân bố ở một số khu vực, do sản xuất với qui mô nhỏ và theo lối thủ công nên vấn đề xử lý khí thải, mùi hôi chưa được quan tâm, làm phát sinh mùi hôi ở các khu vực có cơ sở sản xuất nước mắm,

sản xuất thức ăn gia súc, ... Tuy kết quả vượt quy chuẩn môi trường không lớn, nhưng sẽ góp phần gây ô nhiễm môi trường.

- Khí thải từ hoạt động trồng trọt do sử dụng nhiều loại nông dược bảo vệ thực vật, phân bón hóa học và việc đốt rơm rạ thải trên đồng ruộng sau khi thu hoạch.

- Khí thải từ hoạt động giết mổ, chăn nuôi gia súc. Phần lớn các cơ sở này có xây dựng hệ thống xử lý nước thải, phân (túi, hầm Biogas kết hợp ao sinh học), nhưng hầu hết chưa đạt tiêu chuẩn môi trường, chủ yếu là thông số coliform (vi sinh).

*\* Thu gom và sử lý chất thải rắn:*

Hiện tại thành phố đã có hệ thống thu gom chất thải rắn của các hộ dân và khu chợ, tỷ lệ thu gom khu vực nội thị đạt khoảng 90%. Chất thải rắn được thu gom, vận chuyển tới bãi đổ Lục Lâm phường Hải Hòa. Công nghệ xử lý là chôn lấp kết hợp với đốt để giảm khối tích rác thải, đến nay bãi rác này đã quá tải không còn khả năng tiếp nhận thêm, vị trí bãi rác gần với nguồn nước gây ô nhiễm và ảnh hưởng đến cảnh quan chung, hiện nay thành phố đã khảo sát địa điểm xây dựng nhà máy và khu sử lý rác thải tại phía bắc xã Quảng nghĩa diện tích khoảng 24 ha.

Bệnh viện thành phố với quy mô 120 giường đã được xây dựng hệ thống xử lý nước thải và lò đốt chất thải rắn.

Đánh giá chung: Đến nay Môi trường không khí, môi trường nước biển tại các khu du lịch tương đối tốt, chưa có dấu hiệu ô nhiễm môi trường. Các vấn đề ô nhiễm chỉ xuất hiện ở quy mô cục bộ và mức độ yếu, các vấn đề này hoàn toàn có thể khắc phục được nếu có các biện pháp sử lý, giáo dục cộng đồng dân cư tốt, các biện pháp sử lý kịp thời và nâng cao năng lực quản lý nhà nước về môi trường.

**1.2.2. Phân tích, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến việc sử dụng đất.**

*\* Phân tích, đánh giá về nước biển dâng, xâm nhập mặn:*

Thành phố Móng Cái nằm ở vùng ven biển, chịu ảnh hưởng trực tiếp của hiện tượng biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Bình thường rừng ngập mặn khi đạt độ thành thực đã vươn lên khỏi mặt nước lúc triều cường, do ngâm lâu trong nước biển, trong khi sinh khối của các loài cây ngập mặn ở khu vực chỉ là hữu hạn; vì vậy, các khu vực ven biển như Quảng Nghĩa, Hải Tiến, Hải Đông, Hải Yên, Ninh Dương, Hải Xuân, Hải Hòa, Trà Cổ, Bình Ngọc, cùng với 2 xã đảo là Vĩnh Trung và Vĩnh Thực, khả năng các loài cây ngập mặn đại trà như sù, vẹt có chiều cao hạn chế sẽ khó thích ứng được, các chức năng ưu việt như phòng hộ đê biển, cung cấp môi sinh an lành sẽ suy giảm đáng kể.

Biến đổi khí hậu và nước biển dâng sẽ tác động đến sinh kế của cộng

đồng dân cư ven biển. Nghề nuôi trồng thủy sản gặp nhiều khó khăn, người dân thường xuyên phải đầu tư vốn đầu tư hạ tầng kỹ thuật để sẵn sàng ứng phó với các điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt xảy ra. Vì vậy diện tích đất nuôi trồng thủy sản sẽ có nhiều biến động, khó thực hiện theo kế hoạch đã đề ra, ảnh hưởng đến đời sống của những người làm nghề thủy sản ở xã đảo và các xã ven biển. Nước biển dâng cũng ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất nông nghiệp do xâm nhập mặn tại các xã ven biển.

Biến đổi khí hậu còn làm tăng tần suất, cường độ, tính biến động và tính cực đoan như giông, bão tố, lốc, các thiên tai gây nên sự thay đổi đột ngột về thời tiết, lũ lụt, ngập úng hay hạn hán, rét hại, dịch bệnh, sâu bệnh, sẽ có tác động tới các mặt khác nhau của đời sống xã hội, từ đó ảnh hưởng đến hiệu quả của việc sử dụng đất. Biến đổi khí hậu làm cho năng suất cây trồng, vật nuôi trên một đơn vị diện tích giảm mạnh, thậm chí mất mùa, ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển kinh tế xã hội đã đề ra.

*\* Phân tích, đánh giá về sa mạc hóa, xói mòn, sạt lở đất:*

Thành phố Móng Cái có địa miền núi ven biển, khu vực miền núi phía bắc (xã Hải Sơn, Bắc Sơn...) địa hình chia cắt mạnh, độ dốc lớn, phương thức canh tác còn lạc hậu phụ thuộc nhiều vào các yếu tố thời tiết. Trong những năm gần đây, với những biến đổi bất thường của khí hậu đã ảnh hưởng lớn đến việc sử dụng đất của địa phương, làm giảm năng suất cây trồng vật nuôi, hiệu quả sử dụng đất thấp.

Biến đổi khí hậu tác động trực tiếp là nguyên nhân gây ra các hiện tượng lũ lụt, ngập úng, sạt lở đất, xâm thực của sông và xói mòn đất về mùa mưa; hạn hán về mùa khô, rét hại bất thường. Biến đổi khí hậu còn tác động đến môi trường sinh thái tạo điều kiện thuận lợi cho các loại dịch bệnh hại có điều kiện thuận lợi phát triển và gây hại đến cây trồng vật nuôi.

Vì vậy trong quy hoạch sử dụng đất cần tính đến ảnh hưởng của biến đổi khí hậu để vừa đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra, đồng thời phải thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn.

### **1.3. Phân tích, đánh giá các nguồn lực của thành phố Móng Cái và tỉnh tác động trực tiếp đến việc kế hoạch sử dụng đất của cấp huyện.**

#### **1.3.1. Khái quát thực trạng phát triển kinh tế - xã hội**

*(Nguồn: Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2024; phương hướng nhiệm vụ năm 2025)*

Thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2024 - năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng để hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra tại Nghị quyết Đại hội

Đảng Thành phố lần thứ XXIV, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2025, trong bối cảnh Thành phố có nhiều thuận lợi kinh tế - xã hội, giữ vững đà tăng trưởng nhiều năm liền; tình hình, chính trị, trật tự an toàn xã hội đảm bảo tạo điều kiện tốt để phát triển; niềm tin của Nhân dân, doanh nghiệp đối với Đảng bộ, chính quyền được củng cố và ngày càng nâng lên... Tuy nhiên, bên cạnh đó Thành phố vẫn phải đối diện với không ít khó khăn, thách thức: Một số Quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết chậm được phê duyệt; cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch chậm do một số dự án đầu tư ngoài ngân sách mang tính động lực chưa được các doanh nghiệp triển khai như kế hoạch, cam kết nên chưa phát huy tốt tiềm năng, thế mạnh của địa phương; thị trường bất động sản hồi phục chậm, giá nguyên vật liệu tăng; tình hình thời tiết cực đoan, bão số 3, mưa kéo dài nhiều ngày đã ảnh hưởng đến tiến độ xây dựng, giải ngân các dự án đầu tư xây dựng cả khu vực trong và ngoài nhà nước; dịch tả châu phi xảy ra tại một số xã, phường làm ảnh hưởng đáng kể đến đàn gia súc trên địa bàn. Bên cạnh đó, thành phố vừa tiếp tục tập trung giải quyết những vấn đề phức tạp mới phát sinh, vừa phải xử lý, khắc phục các tồn tại được chỉ ra qua hoạt động kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán của các cơ quan có thẩm quyền.

Song, do có sự nhận diện, dự báo đúng tình hình, bám sát sự chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XXIV, Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 12/12/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố; Nghị quyết số 190/NQ-HĐND ngày 19/12/2023 của HĐND Thành phố với chủ đề công tác năm 2024 “*Hoàn thành các quy hoạch, nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế; phát triển văn hóa, con người giàu bản sắc Móng Cái*”, UBND Thành phố đã tập trung chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo yêu cầu, kế hoạch và đạt được kết quả tích cực, nhiều chỉ tiêu quan trọng đã đạt và vượt kế hoạch đề ra.

### **1.3.2. Thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực có liên quan đến việc sử dụng đất.**

(*Nguồn: Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2024; phương hướng nhiệm vụ năm 2025*)

\* *Công tác quy hoạch, giải phóng mặt bằng:*

- Hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh phê duyệt 4/5 quy hoạch phân khu còn lại (A4.1, D1, A5, A6); đã được phê duyệt quy hoạch phân khu A4.1, triển khai lập quy hoạch phân khu A3; triển khai lập, điều chỉnh quy hoạch chi tiết các dự án động lực để thu hút đầu tư, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển;

- Triển khai 36 dự án GPMB (bao gồm cả 18 dự án chuyển tiếp từ năm 2023); đã phê duyệt 83 phương án, thực hiện chi trả bồi thường cho 129 hộ dân, với số tiền là 53,8 tỷ đồng (gồm cả dự án phê duyệt năm 2023); tổ chức 06 đợt bốc thăm đất tái định cư cho 23 hộ/ 24 ô đất, thu về NSNN số tiền 24,28 tỷ đồng, giao đất cho 01 hộ dân tại Thôn Lục Chấn, xã Bắc Sơn.

\* *Nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư, phát triển chiều sâu các ngành kinh tế có lợi thế, nhất là xây dựng các sản phẩm mới về du lịch:*

- Kinh tế tiếp tục duy trì tốc độ phát triển, tăng so với cùng kỳ, giá trị sản xuất (giá so sánh năm 2010) các ngành kinh tế ước cả năm đạt 21.831 tỷ đồng, đạt 100%KH, tăng 26%CK (đạt chỉ tiêu Nghị quyết). Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ trên địa bàn ước đạt 11.268 tỷ đồng, tăng 10,5%CK; doanh thu vận tải, bốc xếp ước đạt 599 tỷ đồng, tăng 37%CK. Thành lập mới 211 doanh nghiệp, ước cả năm thành lập mới 230 doanh nghiệp, tăng 12%CK (Vượt chỉ tiêu Nghị quyết), thu hút thêm 773 doanh nghiệp XNK, nâng tổng số doanh nghiệp làm thủ tục XNK trên địa bàn lên 1.350 doanh nghiệp (tăng 338 doanh nghiệp so với CK). Kim ngạch XNK tiếp tục là bức tranh sáng trong nền kinh tế Thành phố ước đạt 15,3 tỷ USD (XK 8,4 tỷ USD, NK 6,9 tỷ USD), trong đó làm thủ tục tại Hải Quan Móng Cái ước đạt 4,1 tỷ USD (kim ngạch XK đạt 2,6 tỷ USD, kim ngạch NK đạt 1,5 tỷ USD), tăng 20% CK. Khách du lịch đến Móng Gái đạt trên 3,55 triệu lượt khách, tăng 53%CK, tăng 9% KH Tỉnh giao, ước hết năm 2024 đạt trên 4 triệu lượt khách, nộp NSNN về dịch vụ du lịch ước đạt trên 250 tỷ đồng, tăng trên 80%CK; Thu NSNN tốt, đứng đầu toàn Tỉnh, đến ngày 30/11 thu nội địa đạt 1.553,8 tỷ đồng, ước cả năm đạt 1.713 tỷ đồng, đạt 149% dự toán Tỉnh, đạt 119,7% dự toán Thành phố, bằng 74,3%CK (Vượt chỉ tiêu Nghị quyết): thu từ ngành Hải quan đạt 2.194,7 tỷ đồng, ước cả năm đạt 2.355 tỷ đồng, đạt 146,7% dự toán, tăng 40%CK/ ước hết năm 2024, riêng tiền thu từ đất đứng thứ 2 toàn Tỉnh. Tổng chi ngân sách đạt 901,892 tỷ đồng, ước cả năm đạt 1.427,56 tỷ đồng, đạt 121,2% dự toán Tỉnh, đạt 113,2% dự toán Thành phố, bằng 95,9% CK, tỷ trọng chi đầu tư phát triển ước đạt 38% trong tổng chi ngân sách trên địa bàn năm 2024 (Vượt chỉ tiêu Nghị quyết); Tổng kế hoạch đầu tư công năm 2024 của thành phố Móng Cái là 606.501,4 triệu đồng, phân bổ cho 149 dự án, công trình. Giá trị khối lượng thực hiện đạt 272,63 tỷ đồng, bằng 53,4% CK, ước cả năm đạt 500,000 tỷ đồng, bằng 101,3% CK; giá trị giải ngân đầu tư xây dựng cơ bản đạt 225,9 tỷ đồng, đạt 49% KH, bằng 53% CK; ước cả năm đạt 440 tỷ đồng (không bao gồm vốn kéo dài), đạt 95,3%KH, bằng 66,9% CK;

\* *Tập trung huy động nguồn lực để hoàn thành nhiệm vụ nâng cấp 03 xã (Hải Xuân, Hải Tiến, Hải Đông) lên phường:*

Tiếp tục chỉ đạo các xã tập trung thực hiện các giải pháp hoàn thiện các tiêu chí để đẩy nhanh tiến độ nâng cấp xã lên phường (xã Hải Xuân đạt 15/15 tiêu chí; xã Hải Đông 10/15 tiêu chí; xã Hải Tiến đạt 8/15 tiêu chí); tập trung chỉnh trang đô thị, hệ thống chiếu sáng, cây xanh, vệ sinh môi trường, ... tuyên truyền vận động Nhân dân sử dụng nước sạch; cấp giấy CNQSD đất cho các hộ dân trước khi



lên phường. Đã phân bổ nguồn vốn năm 2024 trên 33,9 tỷ đầu tư cho 9 dự án để hoàn thiện các tiêu chí cho 3 xã lên phường. Chỉ đạo các phòng, ban, ngành Thành phố hướng dẫn, đôn đốc, giám sát việc thực hiện các tiêu chí phân đấu lên phường của các xã, định kỳ báo cáo UBND Thành phố để có giải pháp chỉ đạo kịp thời.

\* *Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức* nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín phục vụ nhân dân và sự phát triển của Thành phố gắn với tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, chuẩn bị một bước nhân sự cho Đại hội Đảng các cấp: Hoàn thành việc sắp xếp cán bộ sau khi thực hiện chủ trương dừng mô hình Bí thư Đảng ủy, đồng thời là Chủ tịch UBND tại 16/16 xã, phường; hoàn thành việc sáp nhập 02 phường (Hòa Lạc - Trần Phú) đảm bảo theo lộ trình, chỉ đạo của Tỉnh

\* *Chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh:*

Dịch vụ, du lịch phát triển mạnh, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng tiệm cận chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XXIV ; Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng được chú trọng: diện tích rừng trồng tập trung đạt 500 ha, đạt 111%KH, tăng 16,3%CK, (Lim, Giỏi, Lát: 2,102 ha); tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 41% (đạt chỉ tiêu Nghị quyết).

Triển khai hiệu quả Đề án tái cơ cấu ngành sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp theo hướng phát huy lợi thế của địa phương, nâng cao giá trị, phát triển bền vững, tổng diện tích gieo trồng đạt 6.000 ha đạt 99%KH, bằng 97%CK; tổng sản lượng lương thực đạt 15.436,9 tấn, đạt 90,32%KH, bằng 98%CK. Phát triển chăn nuôi theo hướng tập trung, tổng đàn gia súc, gia cầm đạt 233.100 con, đạt 96,6%KH, bằng 94,7%CK . Sản lượng thủy sản đạt 21.039 tấn, ước cả năm đạt 25.920 tấn, đạt 128%KH, bằng 102%CK;

Công tác phòng chống thiên tai, chống cháy rừng được quan tâm; triển khai thực hiện dự án khảo sát, kiểm định an toàn đập, hồ chứa; lập phương án ứng phó tình huống khẩn cấp, phương án bảo vệ đập, hồ và lập quy trình vận hành hồ chứa hiện do UBND các xã, phường quản lý trên địa bàn Thành phố giai đoạn 1; đảm bảo an toàn tính mạng con người và hạn chế thấp nhất thiệt hại tài sản nhân dân trong mùa mưa bão năm 2024, nhất là cơn bão số 3;

Chương trình xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh được duy trì (tiếp tục phát huy vai trò chủ thể của người dân và sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị; thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 14/3/2022 về phát triển sản phẩm OCOP gắn với chiến lược “3 cây - 2 con - 1 điểm đến ”; thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 9/5/2022 về xây dựng Nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu: giữ vững 100% xã đạt chuẩn Nông thôn mới, trong đó đã hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận thêm xã Quảng Nghĩa và xã Hải Đông đạt NTM nâng cao năm 2023, xã Hải Tiến đạt NTM nâng cao, xã Hải Xuân đạt NTM kiểu mẫu năm 2024; triển khai xây dựng hoàn thành 04 thôn đạt chuẩn NTM (đạt chỉ tiêu Nghị quyết); 7/7 phường đạt chuẩn đô thị văn minh; trình Sở Xây dựng

thẩm định chương trình phát triển đô thị thành phố Móng Cái đến năm 2030, quy chế quản lý kiến trúc đô thị, quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn làm cơ sở để quản lý trật tự xây dựng, đảm bảo mỹ quan đô thị và nông thôn. Tỷ lệ đô thị hóa ước hết năm 2024 đạt 73%, đạt chỉ tiêu Nghị quyết.

*\* Phát triển văn hóa, con người giàu bản sắc Móng Cái, nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân theo tiêu chí "Hạnh phúc":*

Tập trung các giải pháp triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 17-NQ/TU30/10/2023 của BCH Đảng bộ tỉnh “Về xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Quảng Ninh trở thành nguồn lực nội sinh, động lực cho phát triển nhanh, bền vững”; xây dựng hình ảnh con người Móng Cái văn minh, thân thiện; triển khai thực hiện quy định ứng xử văn hóa công sở trong đội ngũ cán bộ (theo Quy định số 1612-QĐ/TV ngày 12/9/2024 của Tỉnh ủy). Tiếp tục triển khai các giải pháp bảo tồn, phát huy các di sản văn hóa, gắn với phát triển các sản phẩm du lịch văn hóa, tâm linh; các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao được tổ chức sôi nổi, rộng khắp, phục vụ hiệu quả nhiệm vụ chính trị của địa phương, nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho Nhân dân; thành lập Đoàn tham gia các Hội thi, cuộc thi do Tỉnh tổ chức, đạt kết quả tốt; Truyền hình, thông tấn báo chí tiếp tục phát triển cả về số lượng và chất lượng; thông tin kịp thời các hoạt động chính trị - xã hội, tình hình kinh tế đất nước và đời sống của Nhân dân; công tác thanh, kiểm tra lĩnh vực Văn hóa được quan tâm, qua kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính đối với các cơ sở vi phạm. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo chuyên biến tích cực; ưu tiên các nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, đến nay mạng lưới trường lớp phát triển đa dạng với đủ các loại hình, cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của Nhân dân, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy, học các trường học đảm bảo kiên cố hóa, đạt chuẩn, đồng bộ, hiện đại; đến nay toàn Thành phố có 55/55 trường học kiên cố hóa, tỷ lệ lớp kiên cố hóa đạt 91,8% tăng 3,8%CK; tỷ lệ trường chuẩn quốc gia đạt 92,5%, ước hết năm 2024 đạt 96% (đạt chỉ tiêu Nghị quyết); công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy được quan tâm triển khai;

*\* Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, trọng tâm là quản lý quy hoạch, đất đai, xây dựng, đô thị, tài nguyên, khoáng sản, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu:*

- Tập trung chỉ đạo thực hiện chỉnh trang đô thị, vệ sinh môi trường nhất là một số khu vực trung tâm, tuyến đường chính, các điểm du lịch theo tinh thần Chỉ thị số 18-CT/TU của Thành ủy, theo đó, các ngành chức năng, xã, phường tổ chức 757 cuộc với 39.041 lượt người tham gia; kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm công trình xây dựng, lấn chiếm lòng đường, vỉa hè.

- Quyết liệt chỉ đạo công tác điều hành thu - chi ngân sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý thu ngân sách nhà nước, bảo đảm thu đúng, thu đủ, nuôi dưỡng nguồn thu, tăng tỷ trọng các nguồn thu bền vững; triệt để tiết kiệm các khoản chi, tăng chi đầu tư phát triển; hoàn thành việc xây dựng Đề án tự cân đối thu, chi ngân sách trên địa bàn. Chỉ đạo tập trung thực hiện các giải pháp tăng tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công theo tiến độ; chủ động rà soát, báo cáo UBND

Tỉnh và các Sở, ngành cho ý kiến tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc đối với các dự án và các nhiệm vụ phát triển Kinh tế - Xã hội trên địa bàn; công tác quản lý tài sản nhà nước được gắn với công tác lập và chấp hành ngân sách, đảm bảo phù hợp với quá trình đầu tư xây dựng mới, mua sắm và xử lý tài sản. Thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu nhà nước, báo cáo Tỉnh xin chủ trương đấu giá nhà đất, tạo nguồn chi đầu tư phát triển. Tập trung đẩy nhanh tiến độ giải quyết tồn tại về đất đai trên địa bàn, triển khai Đề án giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho Nhân dân, đã cấp được 6.538 giấy chứng nhận QSDĐ, đạt 101,6%KH, bằng 93,3%CK, ước hết năm 2024 cấp được 6.600 giấy, đạt 103,1%KH, bằng 94,7%CK.

- Thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Tỉnh về di dời, giải tỏa các cơ sở NTTS trên biển không theo quy hoạch, hoàn thiện Phương án NTTS trên biển để triển khai thực hiện giao, cho thuê mặt nước NTTS; tiếp tục chỉ đạo thay thế phao xóp trong NTTS bằng vật liệu thân thiện với môi trường, đảm bảo quy chuẩn; xử lý cơ bản dứt điểm tình trạng lấn chiếm bãi triều mặt nước NTTS trái phép, tăng cường công tác kiểm tra, xử lý vi phạm trong khai thác thủy sản bất hợp pháp trên địa bàn Thành phố.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với việc khai thác tài nguyên nước, khai thác, kinh doanh, vận chuyển đất, đá, vật liệu xây dựng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Công tác quản lý nhà nước về Tài nguyên nước, khoáng sản, môi trường tiếp tục được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện và đạt được những kết quả tích cực, qua đó, đưa công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản trên địa bàn Thành phố từng bước đi vào nề nếp.

- Công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai tiếp tục được quan tâm; chỉ đạo kịp thời công tác phòng chống cơn bão số 3 (yagi) và khắc phục hậu quả sau bão, đảm bảo an toàn tuyệt đối về tính mạng và hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về tài sản của người dân. Đẩy mạnh công tác quản lý môi trường kinh doanh du lịch, tổ chức kiểm tra 123 cơ sở, xử lý 52 cơ sở, nộp ngân sách là 826,5 triệu đồng; triển khai phát triển các sản phẩm du lịch mới trên địa bàn. Giải quyết hồ sơ tại Trung tâm HCC có nhiều tiến bộ, các TTHC tiếp tục được cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định; thường xuyên rà soát, tái cấu trúc quy trình, phân cấp, ủy quyền tối đa cho cán bộ thẩm định, phê duyệt hồ sơ ngay tại Trung tâm, đã tiếp nhận 47.826 hồ sơ, ước hết năm 2024 đạt 56.354 hồ sơ; tổng số hồ sơ được giải quyết đúng và trước hạn thuộc thẩm quyền hồ sơ đạt 98,37% (tăng 1,36% CK), ước hết năm 2024 đạt 98,5%; hồ sơ thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đạt 99%, ước hết năm 2024 đạt 99,5%; số hóa hồ sơ đầu vào đạt 100%, tăng 3%CK; trả kết quả điện tử đạt 86,73% (tăng 30,05% so với CK). Cấp xã số tiếp nhận 9.661 hồ sơ, ước hết năm 2024 đạt 11.256 hồ sơ; hồ sơ giải quyết đúng và trước hạn đạt 99%, số hóa đầu vào đạt 100%, số hóa kết quả đạt 95,14%. Triển khai có hiệu quả biên lai điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt... tỷ lệ đánh giá hài lòng và rất hài lòng qua nền tảng số đạt trên 99%;

\* *Mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, hội nhập, hợp tác phát triển:* Quán triệt, triển khai thực hiện có hiệu quả nhận thức chung lãnh đạo cấp

cao hai Đảng, hai nước Việt Nam – Trung Quốc, triển khai các nội dung Biên bản ghi nhớ giữa Thành ủy Móng Cái (Việt Nam) với Thành ủy Đông Hưng (Trung Quốc) “về thiết lập cơ chế hợp tác toàn diện”; thường xuyên hội đàm, trao đổi với thành phố Đông Hưng và Khu Phòng Thành (Trung Quốc); Thành phố đã tích cực duy trì kết nối, hợp tác hữu nghị cùng với thành phố Đông Hưng và khu Phòng Thành (Trung Quốc), đã tổ chức thực hiện 26 đoàn ra/đoàn vào, tổ chức 02 cuộc hội đàm và duy trì thông tin, kết nối đường dây nóng, điện đàm, trao đổi những vấn đề phát sinh liên quan đến các lĩnh vực biên giới, cửa khẩu,.., kịp thời phối hợp xử lý; thúc đẩy, tổ chức các hoạt động giao lưu, hợp tác trực tiếp với thành phố Đông Hưng. Thống nhất phương án và triển khai dự án kè sông biên giới giữa hai bên; phối hợp tổ chức tuần lễ hoạt động Triển lãm Thương mại - Du lịch và Hợp tác ngành nghề Trung - Việt (Đông Hưng - Móng Cái) năm 2024); thực hiện tốt công tác phối hợp phòng chống tội phạm qua biên giới, duy trì mối đoàn kết, hữu nghị, kịp thời trao đổi, xử lý linh hoạt, đúng quy định các sự việc phát sinh trên khu vực biên giới; các cơ quan, đơn vị, xã, phường trên địa bàn thành phố đã tổ chức các hoạt động trao đổi, giao lưu đối ngoại, ngoại giao nhân dân; hoạt động xuất nhập cảnh, du lịch qua biên giới có tín hiệu tốt, tổng lượt người xuất nhập cảnh năm 2024 (đến 30/11/2024) đạt 6.269.307 lượt, tăng 64% so với cùng kỳ năm 2023; trong đó: Nhập cảnh 3.139.839 lượt (tăng 64,5% so với cùng kỳ năm 2023), xuất cảnh 3.129.468 lượt (tăng 63,3% so với cùng kỳ năm 2023).

### **1.3.3. Tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất.**

#### **a) Hiện trạng dân số**

Dân số thành phố có 108.489 người, trong đó nữ 53.294 người chiếm 49,12% tổng dân số. Trong đó:

Dân số đô thị có 65.913 người chiếm 60,75% dân số toàn thành phố, với 19.105 hộ, bình quân 3,45 người/ hộ.

Dân số nông thôn có 42.576 người, chiếm 39,24% dân số toàn thành phố, với 11.053 hộ dân, bình quân 3,85 người/hộ.

Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên của thành phố 1,2%/năm, dân số cơ học chiếm 0,6% tổng dân số.

Dân số khu vực đô thị tăng trưởng với tốc độ 4,19%, trong đó khu vực nội thành thành phố Móng Cái đạt 2,67%, tăng dân số tại khu vực phường Ka Long, phường Ninh Dương, phường Hải Hòa và đặc biệt nhất là tại khu vực phường Hải Yên do KCN Hải Yên đi vào hoạt động thu hút một lực lượng lớn lao động đến làm việc và sinh sống tại phường. Tuy nhiên phường Trần Phú, phường Hòa Lạc

và phường Bình Ngọc có sự giảm dân số cơ học do dịch chuyển trong nội thành phố.

Mật độ dân số trung bình của thành phố khoảng 209 người/ km<sup>2</sup> nhưng phân bố không đều và có sự chênh lệch lớn giữa các phường trung tâm với các xã, phường. Mật độ dân số tập trung cao tại các phường trung tâm thành phố như Hòa Lạc 6.211 người/km<sup>2</sup>; Ka Long 5.158 người/km<sup>2</sup> và Trần Phú 3.822 người/km<sup>2</sup>, các phường còn lại dao động từ 300-960 người/km<sup>2</sup>, khu vực ngoại thành mật độ dân số trung bình khoảng 107 người/km<sup>2</sup>, thấp nhất là xã Hải Sơn 18 người/ km<sup>2</sup>, xã Bắc Sơn 34 người/ km<sup>2</sup>.

#### b) Lao động và việc làm, thu nhập

Lực lượng lao động thành phố tham gia các hoạt động kinh tế là 75.183 người, trong đó số lao động có việc làm tăng thêm là 3.400 người. Nhân dân cơ bản có mức sống khá trở lên, thành phố không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2022-2025; triển khai các giải pháp giúp 52 hộ nghèo, cận nghèo theo kế hoạch (Giảm 01 hộ nghèo, còn 16 hộ nghèo thuộc diện bảo trợ xã hội; giảm 51 hộ cận nghèo, hiện nay còn 64 hộ cận nghèo, các cơ quan, UBND xã phường đang triển khai thực hiện các giải pháp hỗ trợ giảm nghèo năm 2023 ; tiến hành rà soát, triển khai kế hoạch xóa nhà ở tạm, nhà ở dột nát trên địa bàn thành phố.

Về chất lượng nguồn lao động: Những năm gần đây, chất lượng lao động thành phố đã từng bước được cải thiện, trình độ văn hóa của lực lượng lao động ngày được nâng cao. Số lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật tăng nhanh trong các ngành kinh tế, đặc biệt là trong các ngành công nghiệp - xây dựng, dịch vụ - thương mại.

Thu nhập bình quân đầu người năm năm 2023 đạt trên 8.200 USD. Đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện và nâng cao, quốc phòng an ninh được giữ vững. Tuy nhiên mức thu nhập trên không đồng đều còn có sự chênh lệch lớn giữa các khu vực đô thị với khu vực nông thôn, giữa các ngành kinh tế, giữa khu vực Nhà nước với doanh nghiệp tư nhân.

Năm 2023, tổng thu ngân sách nhà nước của thành phố Móng Cái đạt cao nhất từ trước đến nay, với 4.880 tỷ đồng, tăng 30,3% so với năm 2022. Trong đó: Thu nội địa đạt 2.285 tỷ đồng; thu từ ngành Hải quan đạt 1.660 tỷ đồng, đạt 125% so dự toán, bằng 127,2% so cùng kỳ; Riêng ngành thương mại, dịch vụ tăng 114,1% so với năm trước.... Tổng chi ngân sách nhà nước năm 2023 đạt 1.150.276 triệu đồng (tiêu chuẩn đối với đô thị loại I từ cân đối đủ - cân đối dư). Cân đối thu chi ngân sách thành phố Móng Cái đảm bảo cân đối dư: Đánh giá đạt 2,0/2,0 điểm.

Thành phố thực hiện nhiều giải pháp giải quyết việc làm cho người lao động: hỗ trợ 62 doanh nghiệp thông báo tuyển dụng lao động, tư vấn hỗ trợ giải quyết việc làm cho 417 đối tượng chính sách, người lầm lỗi, người bị thu hồi đất, quân nhân xuất ngũ trên địa bàn; tạo việc làm mới cho 4.062 lao động, tăng 8% so CK, đạt 101% chỉ tiêu Nghị quyết, ước hết năm 2024 đạt 4.082 lao động, đạt 102% Nghị quyết; tỷ lệ lao động qua đào tạo 88%, đạt 100%KH, tăng 4,2%CK; tỷ lệ lao động qua đào tạo có chứng chỉ đạt 61,79%, đạt 100%KH, tăng 0,79% CK (đạt chỉ tiêu Nghị quyết). Chương trình giảm nghèo bền vững được triển khai mạnh mẽ, đến nay, Thành phố không còn hộ nghèo, hộ cận nghèo (giảm 57/57 = 100% hộ cận nghèo, vượt chỉ tiêu Nghị quyết). Chất lượng môi trường sống của Nhân dân được quan tâm chỉ đạo nâng lên rõ nét nhất là tỷ lệ sử dụng nước hợp vệ sinh của dân cư nông thôn và hộ dân đô thị sử dụng nước sạch ước đạt 100%(đạt chỉ tiêu Nghị quyết). Đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào dân tộc các vùng khó khăn được cải thiện.

#### **1.3.4. Phân tích, đánh giá nguồn lực, bối cảnh của cấp huyện, của tỉnh tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất.**

Tỉnh Quảng Ninh với diện tích lớn, tài nguyên thiên nhiên giàu có, hệ sinh thái tự nhiên phong phú, địa hình đa dạng vừa có biển, vừa có rừng, núi với nhiều di sản thiên nhiên nổi tiếng thế giới. Quảng Ninh cũng là một trong những địa phương có tỷ lệ đô thị hóa cao nhất cả nước với nhiều các khu đô thị mới gắn liền với công nghiệp, dịch vụ, vì vậy tốc độ đô thị hóa trong tỉnh cao, đặc biệt tại các thành phố Hạ Long, Móng Cái, Uông Bí, Cẩm Phả và thị trấn Cái Rồng (huyện Vân Đồn) với chủ trương đầu tư cơ sở hạ tầng để khai thác quỹ đất đã tạo ra nhiều nguồn thu đáng kể từ đất.

Trong suốt nhiều năm qua, Quảng Ninh là một trung tâm kinh tế biển mạnh, nòng cốt là các hoạt động cảng, du lịch và công nghiệp biển, phát triển các khu thương mại gắn với vành đai kinh tế ven biển vịnh Bắc Bộ. Có thể thấy, tỉnh Quảng Ninh sở hữu rất nhiều yếu tố và điều kiện thuận lợi, sở hữu đa dạng các nguồn tài nguyên biển đảo độc đáo thuận lợi cho phát triển du lịch biển, thủy sản, công nghiệp, cảng biển, an ninh quốc phòng và nhiều lĩnh vực kinh tế biển khác.

Khu vực KKT cửa khẩu Móng Cái với lợi thế đường cao tốc đang được xây dựng và các hoạt động kinh tế cửa khẩu, đã thu hút được các dự án đầu tư xây dựng công nghiệp, cảng biển, khu đô thị, thương mại dịch vụ. Quy hoạch chung xây dựng KKT Cửa khẩu Móng Cái đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 16/3/2021. Trong đó, định hướng phát triển KKT Cửa khẩu Móng Cái là KKT cửa khẩu trọng điểm quốc gia, trung tâm

phát triển kinh tế quan trọng của vùng Bắc Bộ, của vành đai kinh tế ven biển Bắc Bộ và hành lang kinh tế Côn Minh (Trung Quốc) - Hà Nội - Hải Phòng - Móng Cái (Việt Nam) - Phòng Thành (Trung Quốc). Là trung tâm kinh tế thương mại cửa khẩu, công nghiệp và cảng biển, logistics, dịch vụ tổng hợp của Quảng Ninh và vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ; cửa ngõ liên kết giữa khu vực ASEAN và Đông Bắc Á; khu du lịch quốc gia có tính chất du lịch biển đảo, thương mại cửa khẩu; đô thị biển hiện đại và bền vững; khu vực có vị trí đặc biệt về chiến lược, quan trọng về QP-AN.

Thành phố Móng Cái là Thành phố cửa khẩu biên giới, cửa ngõ liên vùng Vịnh Bắc Bộ, hành lang kinh tế Nam Ninh - Singapore, cầu nối quan trọng trong hợp tác kinh tế ASEAN - Trung Quốc,... có vị trí chiến lược quan trọng về kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại của tỉnh Quảng Ninh và cả nước. Là một trong hai trung tâm kinh tế của Tỉnh, có cửa khẩu quốc tế Móng Cái và nằm trong hai tuyến hành lang và một tuyến vành đai kinh tế trọng điểm giữa Việt Nam và Trung Quốc.

Thành phố Móng Cái được thiên nhiên ưu đãi với nhiều danh lam, thắng cảnh, là 1 trong 4 trung tâm du lịch trọng điểm của tỉnh Quảng Ninh. Với những lợi thế rõ ràng đó, thành phố biển giáp biên giới Việt-Trung này đang trở thành điểm đến thu hút sự quan tâm của hàng loạt doanh nghiệp bất động sản. Móng Cái có lợi thế là khu vực có hệ thống cảng biển nước sâu là cảng Vạn Gia, đây là thế mạnh để thúc đẩy phát triển và thu hút đầu tư.

Các loại đất lâm nghiệp (rừng phòng hộ, rừng sản xuất), đất trồng lúa, đất trồng cây lâu năm, cùng với đất ở, đất sử dụng cho hoạt động khai thác khoáng sản, đất khu công nghiệp và khu chế xuất có hiệu quả kinh tế và xã hội ở mức trung bình đến cao.

Trong những năm qua, được sự quan tâm của UBND tỉnh, UBND thành phố đã tập trung đầu tư các dự án hạ tầng kỹ thuật đô thị nhằm từng bước hoàn thiện các tiêu chí phát triển đô thị cho thành phố Móng Cái hướng tới đạt loại I trong tương lai.

Thành phố Móng Cái giữ vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế của tỉnh, là cửa ngõ thuận lợi để kết nối các nước ASEAN với Trung Quốc qua Cửa khẩu quốc tế Móng Cái. Thời gian qua, Móng Cái đã hoàn thành xây dựng và đưa vào hoạt động một số dự án, công trình động lực thúc đẩy phát triển KT-XH, như: Cầu phao tạm Km3+4 phường Hải Yên; cảng ICD Thành Đạt; cầu Bắc Luân II và đường dẫn; mở rộng, nâng cấp Cửa khẩu quốc tế Móng Cái; "Phát triển đô thị dọc hành lang tiêu vùng sông Mê Kông mở rộng lần thứ 2" .

Hiện nay, thành phố đang tập trung chuẩn bị thực hiện các dự án hạ tầng trọng điểm, động lực: Dự án đường ven biển đoạn từ KCN cảng biển Hải Hà đến Cầu Voi, xã Vạn Ninh đến tỉnh lộ 335 (giai đoạn 1); dự án đường kết nối cao tốc Vân Đồn - Móng Cái đến cảng Vạn Ninh (Vạn Gia), đây là các dự án được nhận

diện sẽ tạo bước đột phá, sức hút lớn đối với các nhà đầu tư. Cùng với cao tốc Vân Đồn - Móng Cái tạo ra trục giao thông có tính kết nối chiến lược quan trọng từ QL18A, đường ven biển, đường cao tốc Vân Đồn - Móng Cái xuống cảng Vạn Ninh và cửa khẩu Bắc Luân, tạo thuận lợi tối đa hoạt động vận tải hàng hóa đường bộ, đường biển, giao thương quốc tế qua cửa khẩu Móng Cái với các nước ASEAN và Trung Quốc, thúc đẩy KT-XH KKT Cửa khẩu Móng Cái phát triển nhanh, bền vững.

Phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, thông minh, bền vững, thu hút đầu tư vào Khu công nghiệp Hải Yên giai đoạn 4 - kết nối chặt chẽ với khu công nghiệp cảng biển Hải Hà; lập và triển khai quy hoạch các khu, cụm công nghiệp mới gắn với thu hút có chọn lọc các nhà đầu tư vào các ngành, lĩnh vực có lợi thế, sản phẩm công nghiệp xanh, sạch, có hàm lượng khoa học công nghệ và giá trị gia tăng cao như: Công nghiệp dệt may, chế biến nông - lâm - thủy sản, đồ uống, sản xuất, gia công sản phẩm công nghiệp... Hoàn thành di dời các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu dân cư trong đô thị.

Được xác định là trung tâm du lịch lớn của tỉnh Quảng Ninh bởi sự phong phú về cảnh quan, địa hình, lịch sử và văn hoá. Với hệ thống biển đảo và các loại hình du lịch văn hóa, sinh thái, Móng Cái được thiên nhiên ưu đãi với nhiều danh lam, thắng cảnh nổi tiếng, có bề dày lịch sử và nét văn hoá đặc thù của địa phương, đậm đà bản sắc dân tộc. Với gần 500 cơ sở lưu trú, nhà hàng, điểm mua sắm, vui chơi giải trí gắn với thư giãn độc đáo, hấp dẫn, Thành phố Móng Cái còn có phố đi bộ, khu ẩm thực, trung tâm mua sắm, trung tâm thương mại, chợ phong phú; du khách quốc tế qua cửa khẩu Quốc tế Bắc Luân có thể tiếp tục hành trình du lịch đến tham quan các tỉnh nội địa của Việt Nam hay sang Trung Quốc đều rất nhanh chóng, thuận tiện về thủ tục xuất nhập cảnh hay tự mình trải nghiệm với xe du lịch tự lái. Đầu tư thu hút các dự án về du lịch như: Biển tên Khu du lịch quốc gia Trà Cổ; Hoàn thành sửa chữa nâng cấp tuyến đường Móng Cái - Trà Cổ...; một số dự án lớn đang được ưu tiên tập trung triển khai đầu tư và đưa vào khai thác tạo sản phẩm du lịch như: Cột cờ, Đền Lạc Long Quân, biểu tượng Mẹ Âu Cơ tại quảng trường Sa Vĩ; Thư viện, Bảo tàng, khu liên hợp thể thao Thành phố; Khu du lịch nghỉ dưỡng Trà Cổ - Bình Ngọc, Khu du lịch phức hợp cao cấp Vĩnh Thực - Vĩnh Trung; đường ven biển Trà Cổ; cáp treo ra đảo Vĩnh Thực; biển tên khu du lịch quốc gia; cụm biểu tượng du lịch; Cột cờ và cải tạo, chỉnh trang núi Tổ Sơn; các dự án về phát triển kinh tế đêm (phố đi bộ, tuyến phố du lịch ven sông Ka Long).



## II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

### 2.1 Hiện trạng sử dụng đất theo từng loại đất

Tổng diện tích tự nhiên của thành phố năm 2024 có 51.979,10 ha được phân chia thành 16 đơn vị hành chính (xã, phường).

- Đất nông nghiệp: 37.995,23 ha, chiếm 73,10 % diện tích tự nhiên;
- Đất phi nông nghiệp: 8.194,51 ha, chiếm 15,77 % diện tích tự nhiên;
- Đất chưa sử dụng: 5.789,35 ha, chiếm 11,14 % diện tích tự nhiên.

#### 2.1.1. Đất nông nghiệp

- Đất trồng lúa: Diện tích là 3.160,34 ha chiếm 6,08 % diện tích tự nhiên.

+ *Đất chuyên trồng lúa nước*: Diện tích là 1.772,33 ha chiếm 3,41 % diện tích tự nhiên, được phân bổ ở các xã, phường như sau: Bình Ngọc 180,16 ha, Hải Hòa 291,13 ha, Hải Yên 213,31 ha, Ninh Dương 102,29 ha, Trà Cỏ 17,09 ha, Hải Đông 166,64 ha, Hải Tiến 189,87 ha, Hải Xuân 270,26 ha, Quảng Nghĩa 43,12 ha, Vạn Ninh 166,68 ha, Vĩnh Thực 108,58 ha, Vĩnh Trung 23,21 ha.

+ *Đất trồng lúa còn lại*: Diện tích là 1.388,00 ha chiếm 2,67 % diện tích tự nhiên, được phân bổ ở các xã, phường như sau: Hải Yên 81,06 ha, Ninh Dương 150,05 ha, Bắc Sơn 216,15 ha, Hải Đông 64,71 ha, Hải Sơn 139,45 ha, Hải Tiến 88,50 ha, Hải Xuân 114,01 ha, Quảng Nghĩa 189,50 ha, Vạn Ninh 53,95 ha, Vĩnh Thực 142,31 ha, Vĩnh Trung 148,31 ha.

- Đất trồng cây hàng năm khác: Diện tích là 990,73 ha chiếm 1,91 % diện tích tự nhiên, được phân bổ ở các xã, phường như sau: Bình Ngọc 76,35 ha, Hải Hòa 13,35 ha, Hải Yên 106,56 ha, Ninh Dương 29,29 ha, Trà Cỏ 14,13 ha, Bắc Sơn 40,53 ha, Hải Đông 156,93 ha, Hải Sơn 63,78 ha, Hải Tiến 58,20 ha, Hải Xuân 38,40 ha, Quảng Nghĩa 163,63 ha, Vạn Ninh 90,94 ha, Vĩnh Thực 88,36 ha, Vĩnh Trung 50,30 ha.

- Đất trồng cây lâu năm: Diện tích là 1.774,21 ha chiếm 3,41 % diện tích tự nhiên, được phân bổ ở các xã, phường như sau: Bình Ngọc 52,21 ha, Hải Hòa 289,99 ha, Hải Yên 387,56 ha, Ka Long 3,82 ha, Ninh Dương 108,56 ha, Trà Cỏ 26,83 ha, Trần Phú 0,51 ha, Bắc Sơn 196,98 ha, Hải Đông 134,05 ha, Hải Sơn 88,53 ha, Hải Tiến 75,62 ha, Hải Xuân 134,49 ha, Quảng Nghĩa 132,58 ha, Vạn Ninh 45,52 ha, Vĩnh Thực 55,63 ha, Vĩnh Trung 41,35 ha.

- Đất rừng phòng hộ: Diện tích là 15.142,26 ha chiếm 29,13 % diện tích tự nhiên, được phân bổ ở các xã, phường như sau: Bình Ngọc 178,92 ha, Hải Hòa

1.078,65 ha, Hải Yên 876,02 ha, Ninh Dương 13,91 ha, Trà Cỏ 513,25 ha, Bắc Sơn 2.431,11 ha, Hải Đông 967,14 ha, Hải Sơn 4.309,24 ha, Hải Tiến 893,77 ha, Hải Xuân 74,40 ha, Quảng Nghĩa 911,69 ha, Vạn Ninh 1.778,19 ha, Vĩnh Thực 159,12 ha, Vĩnh Trung 956,86 ha.

- Đất rừng sản xuất: Diện tích là 13.348,22 ha chiếm 25,68 % diện tích tự nhiên, được phân bổ ở các xã, phường như sau: Bình Ngọc 39,22 ha, Hải Yên 1.638,28 ha, Ninh Dương 115,65 ha, Trà Cỏ 22,14 ha, Bắc Sơn 1.400,87 ha, Hải Đông 1.486,56 ha, Hải Sơn 2.905,04 ha, Hải Tiến 1.011,09 ha, Quảng Nghĩa 3.137,73 ha, Vạn Ninh 8,15 ha, Vĩnh Thực 1.004,16 ha, Vĩnh Trung 579,33 ha.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Diện tích là 3.570,60 ha chiếm 6,87 % diện tích tự nhiên, được phân bổ ở các xã, phường như sau: Bình Ngọc 255,57 ha, Hải Hòa 836,34 ha, Hải Yên 279,78 ha, Ka Long 0,32 ha, Ninh Dương 177,23 ha, Trà Cỏ 111,45 ha, Bắc Sơn 1,50 ha, Hải Đông 401,04 ha, Hải Sơn 0,88 ha, Hải Tiến 142,19 ha, Hải Xuân 494,53 ha, Quảng Nghĩa 177,01 ha, Vạn Ninh 577,76 ha, Vĩnh Thực 30,48 ha, Vĩnh Trung 84,53 ha.

- Đất chăn nuôi tập trung: Diện tích là 8,88 ha chiếm 0,02 % diện tích tự nhiên, được phân bổ ở các xã, phường như sau: Hải Yên 6,48 ha, Ninh Dương 0,07 ha, Bắc Sơn 0,87 ha, Vạn Ninh 0,38 ha, Vĩnh Trung 1,08 ha.

### **2.1.2. Đất phi nông nghiệp**

- Đất ở tại nông thôn : Diện tích là 319,55 ha chiếm 0,61 % diện tích đất tự nhiên, được phân bổ ở các xã, phường như sau: Bắc Sơn 12,25 ha, Hải Đông 58,67 ha, Hải Sơn 12,11 ha, Hải Tiến 46,67 ha, Hải Xuân 78,44 ha, Quảng Nghĩa 22,18 ha, Vạn Ninh 49,82 ha, Vĩnh Thực 23,30 ha, Vĩnh Trung 16,10 ha.

- Đất ở tại đô thị: Diện tích là 422,10 ha chiếm 0,81 % diện tích đất tự nhiên, được phân bổ ở các xã, phường như sau: Bình Ngọc 28,52 ha, Hải Hòa 133,46 ha, Hải Yên 100,42 ha, Ka Long 36,87 ha, Ninh Dương 57,54 ha, Trà Cỏ 41,56 ha, Trần Phú 23,73 ha.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Diện tích là 37,04 ha chiếm 0,07 % diện tích đất tự nhiên, được phân bổ ở các xã, phường như sau: Bình Ngọc 0,81 ha, Hải Hòa 12,30 ha, Hải Yên 0,69 ha, Ka Long 0,81 ha, Ninh Dương 0,51 ha, Trà Cỏ 0,53 ha, Trần Phú 9,19 ha, Bắc Sơn 1,93 ha, Hải Đông 1,11 ha, Hải Sơn 0,48 ha, Hải Tiến 4,45 ha, Hải Xuân 1,16 ha, Quảng Nghĩa 0,47 ha, Vạn Ninh 0,91 ha, Vĩnh Thực 1,05 ha, Vĩnh Trung 0,65 ha.

- Đất quốc phòng: Diện tích là 264,89 ha chiếm 0,51% diện tích đất tự

nhiên, được phân bổ ở các xã, phường như sau: Bình Ngọc 0,29 ha, Hải Hòa 38,90 ha, Hải Yên 2,52 ha, Ka Long 1,85 ha, Ninh Dương 14,43 ha, Trà Cỏ 7,85 ha, Trần Phú 25,41 ha, Bắc Sơn 44,52 ha, Hải Đông 2,70 ha, Hải Sơn 63,39 ha, Hải Tiến 3,71 ha, Hải Xuân ha, Quảng Nghĩa 0,68 ha, Vĩnh Thực 53,27 ha, Vĩnh Trung 5,38 ha.

- Đất an ninh: Diện tích là 5,35 ha chiếm 0,01 % diện tích đất tự nhiên, được phân bổ ở các xã, phường như sau: Bình Ngọc 0,39 ha, Hải Hòa 1,72 ha, Hải Yên 0,61 ha, Ka Long 0,22 ha, Ninh Dương 0,16 ha, Trà Cỏ 1,19 ha, Trần Phú 0,89 ha, Bắc Sơn 0,17 ha.

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp: Diện tích là 229,20 ha chiếm 0,44 % diện tích tự nhiên. Trong đó:

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa: Diện tích là 29,70 ha chiếm 0,06 % diện tích đất tự nhiên, được phân bổ ở các xã, phường như sau: Bình Ngọc 0,60 ha, Hải Hòa 2,72 ha, Hải Yên 2,79 ha, Ka Long 1,02 ha, Ninh Dương 1,09 ha, Trà Cỏ 5,93 ha, Trần Phú 3,12 ha, Bắc Sơn 0,47 ha, Hải Đông 0,73 ha, Hải Sơn 0,618 ha, Hải Tiến 2,20 ha, Hải Xuân 6,14 ha, Quảng Nghĩa 0,58 ha, Vạn Ninh 0,57 ha, Vĩnh Thực 0,70 ha, Vĩnh Trung 0,41 ha.

+ Đất xây dựng cơ sở xã hội: Diện tích là 0,04 ha được phân bổ ở phường Hải Hòa .

+ Đất xây dựng cơ sở y tế: Diện tích là 8,36 ha chiếm 0,02 % diện tích tự nhiên, được phân bổ ở các xã, phường như sau: Bình Ngọc 0,13 ha, Hải Hòa 0,67 ha, Hải Yên 0,18 ha, Ka Long 0,03 ha, Ninh Dương 5,73 ha, Trà Cỏ 0,18 ha, Trần Phú 0,13 ha, Bắc Sơn 0,25 ha, Hải Đông 0,16 ha, Hải Sơn 0,20 ha, Hải Tiến 0,08 ha, Hải Xuân 0,08 ha, Quảng Nghĩa 0,12 ha, Vạn Ninh 0,10 ha, Vĩnh Thực 0,20 ha, Vĩnh Trung 0,13 ha.

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: Diện tích là 77,08 ha chiếm 0,15 % diện tích đất tự nhiên, được phân bổ ở các xã, phường như sau: Bình Ngọc 3,77 ha, Hải Hòa 9,56 ha, Hải Yên 15,07 ha, Ka Long 5,71 ha, Ninh Dương 7,70 ha, Trà Cỏ 2,62 ha, Trần Phú 5,31 ha, Bắc Sơn 2,15 ha, Hải Đông 3,77 ha, Hải Sơn 2,28 ha, Hải Tiến 5,32 ha, Hải Xuân 3,56 ha, Quảng Nghĩa 3,33 ha, Vạn Ninh 3,81 ha, Vĩnh Thực 1,74 ha, Vĩnh Trung 1,37 ha.

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao: Diện tích là 113,35 ha chiếm 0,22 % diện tích đất tự nhiên, được phân bổ ở các xã, phường như sau: Bình Ngọc 0,76 ha, Hải Hòa 0,63 ha, Hải Yên 0,54 ha, Ninh Dương 2,99 ha, Trà Cỏ 96,15 ha,

Trần Phú 0,78 ha, Bắc Sơn 0,55 ha, Hải Đông 1,92 ha, Hải Sơn 0,49 ha, Hải Tiến 1,57 ha, Hải Xuân 0,01 ha, Quảng Nghĩa 1,08 ha, Vạn Ninh 2,05 ha, Vĩnh Thực 2,21 ha, Vĩnh Trung 1,62 ha.

+ Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác: Diện tích là 0,67 ha phân bố ở phường Ninh Dương.

- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: Diện tích là 747,25 ha chiếm 1,44 % diện tích đất tự nhiên.

+ Đất khu công nghiệp: Diện tích là 79,59 ha chiếm 0,15 % diện tích đất tự nhiên, được phân bố ở phường Hải Yên.

+ Đất thương mại, dịch vụ: Diện tích là 346,76 ha chiếm 0,67 % diện tích đất tự nhiên, được phân bố ở các xã, phường như sau: Bình Ngọc 0,36 ha, Hải Hòa 76,58 ha, Hải Yên 115,93 ha, Ka Long 9,15 ha, Ninh Dương 16,52 ha, Trà Cỏ 72,73 ha, Trần Phú 19,58 ha, Bắc Sơn 24,22 ha, Hải Đông 0,20 ha, Hải Sơn 0,29 ha, Hải Tiến 6,18 ha, Hải Xuân 1,79 ha, Quảng Nghĩa 3,21 ha.

+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Diện tích là 126,83 ha chiếm 0,24 % diện tích đất tự nhiên, được phân bố ở các xã, phường như sau: Bình Ngọc 4,06 ha, Hải Hòa 2,13 ha, Hải Yên 13,05 ha, Ka Long 16,35 ha, Ninh Dương 60,28 ha, Hải Đông 0,26 ha, Hải Sơn 3,45 ha, Hải Tiến 12,18 ha, Hải Xuân 6,63 ha, Vạn Ninh 6,39 ha, Vĩnh Thực 1,51 ha, Vĩnh Trung 0,55 ha.

+ Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: Diện tích là 194,07 ha chiếm 0,37 % diện tích đất tự nhiên, được phân bố ở các xã, phường như sau: Bình Ngọc 0,09 ha, Hải Yên 22,65 ha, Ninh Dương 4,02 ha, Trà Cỏ 0,04 ha, Hải Tiến 5,89 ha, Hải Xuân 2,32 ha, Quảng Nghĩa 159,07 ha.

- Đất sử dụng vào mục đích công cộng: Diện tích là 2.258,96 ha chiếm 4,35 % diện tích đất tự nhiên. Trong đó:

+ Đất công trình giao thông: Diện tích là 1.631,89 ha chiếm 3,14 % diện tích đất tự nhiên, được phân bố ở các xã, phường như sau: Bình Ngọc 64,58 ha, Hải Hòa 186,07 ha, Hải Yên 182,89 ha, Ka Long 52,03 ha, Ninh Dương 88,01 ha, Trà Cỏ 53,27 ha, Trần Phú 54,14 ha, Bắc Sơn 109,20 ha, Hải Đông 108,11 ha, Hải Sơn 68,21 ha, Hải Tiến 138,02 ha, Hải Xuân 126,12 ha, Quảng Nghĩa 168,20 ha, Vạn Ninh 118,57 ha, Vĩnh Thực 44,68 ha, Vĩnh Trung 69,80 ha.

+ Đất công trình thủy lợi: Diện tích là 516,64 ha chiếm 0,99 % diện tích đất tự nhiên, được phân bố ở các xã, phường như sau: Bình Ngọc 48,96 ha, Hải

Hòa 69,32 ha, Hải Yên 69,78 ha, Ka Long 1,52 ha, Ninh Dương 14,81 ha, Trà Cỏ 12,95 ha, Trần Phú 1,66 ha, Bắc Sơn 2,96 ha, Hải Đông 54,30 ha, Hải Sơn 8,39 ha, Hải Tiến 17,31 ha, Hải Xuân 36,69 ha, Quảng Nghĩa 27,37 ha, Vạn Ninh 103,58 ha, Vĩnh Thực 37,95 ha, Vĩnh Trung 9,10 ha.

+ Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên: Diện tích là 0,24 ha, được phân bổ ở các xã, phường như sau: Trà Cỏ 0,17 ha, Vạn Ninh 0,07 ha.

+ Đất công trình xử lý chất thải: Diện tích là 63,02 ha chiếm 0,12 % diện tích đất tự nhiên, được phân bổ ở các xã, phường như sau: Hải Hòa 2,09 ha, Hải Yên 3,84 ha, Hải Đông 1,34 ha, Hải Sơn 6,47 ha, Hải Tiến 6,79 ha, Hải Xuân 5,96 ha, Quảng Nghĩa 36,14 ha, Vạn Ninh 0,01 ha, Vĩnh Thực 0,21 ha, Vĩnh Trung 0,16 ha.

+ Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng: Diện tích là 2,55 ha, được phân bổ ở các xã, phường như sau: Bình Ngọc 0,01 ha, Hải Hòa 0,06 ha, Ka Long 0,01 ha, Ninh Dương 1,40 ha, Trà Cỏ 0,01 ha, Trần Phú 0,11 ha, Bắc Sơn 0,12 ha, Hải Đông 0,61 ha, Hải Sơn 0,01 ha, Hải Tiến 0,03 ha, Hải Xuân 0,03 ha, Quảng Nghĩa 0,03 ha, Vạn Ninh 0,06 ha, Vĩnh Thực 0,06 ha.

+ Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin: Diện tích là 1,47 ha, được phân bổ ở các xã, phường như sau: Bình Ngọc 0,02 ha, Hải Hòa 0,02 ha, Hải Yên 0,03 ha, Ninh Dương 0,01 ha, Trà Cỏ 0,25 ha, Trần Phú 0,17 ha, Bắc Sơn 0,09 ha, Hải Đông 0,11 ha, Hải Tiến 0,51 ha, Hải Xuân 0,04 ha, Quảng Nghĩa 0,02 ha, Vạn Ninh 0,04 ha, Vĩnh Thực 0,11 ha, Vĩnh Trung 0,06 ha.

+ Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối: Diện tích là 14,63 ha chiếm 0,03 % diện tích đất tự nhiên, được phân bổ ở các xã, phường như sau: Bình Ngọc 0,08 ha, Hải Hòa 0,85 ha, Hải Yên 0,28 ha, Ka Long 0,85 ha, Ninh Dương 0,43 ha, Trần Phú 5,01 ha, Hải Đông 6,35 ha, Hải Sơn 0,23 ha, Hải Xuân 0,19 ha, Quảng Nghĩa 0,36 ha.

+ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng: Diện tích là 28,51 ha chiếm 0,05 % diện tích đất tự nhiên, được phân bổ ở các xã, phường như sau: Bình Ngọc 0,22 ha, Hải Hòa 10,32 ha, Hải Yên 4,61 ha, Ka Long 0,47 ha, Ninh Dương 2,02 ha, Trà Cỏ 2,46 ha, Trần Phú 5,99 ha, Hải Sơn 0,08 ha, Hải Xuân 1,80 ha, Quảng Nghĩa 0,34 ha, Vĩnh Trung 0,19 ha.

- Đất tôn giáo: Diện tích là 10,77 ha chiếm 0,02 % diện tích đất tự nhiên,

được phân bổ ở các xã, phường như sau: Bình Ngọc 0,14 ha, Hải Yên 4,66 ha, Ka Long 0,40 ha, Ninh Dương 0,54 ha, Trà C  2,00 ha, Hải Xuân 2,32 ha, Vạn Ninh 0,71 ha.

- Đất tín ngưỡng : Diện tích là 10,72 ha chiếm 0,02 % diện tích đất tự nhiên, được phân bổ ở các xã, phường như sau: Bình Ngọc 0,88 ha, Hải Hòa 0,49 ha, Hải Yên 0,41 ha, Ka Long 1,23 ha, Ninh Dương 0,16 ha, Trà C  1,65 ha, Trần Phú 0,01 ha, Hải Đông 0,70 ha, Hải Tiến 0,66 ha, Hải Xuân 1,77 ha, Quảng Nghĩa 0,57 ha, Vạn Ninh 1,53 ha, Vĩnh Thực 0,58 ha, Vĩnh Trung 0,08 ha.

- Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt: Diện tích là 237,13 ha chiếm 0,46 % diện tích đất tự nhiên, được phân bổ ở các xã, phường như sau: Bình Ngọc 35,12 ha, Hải Hòa 8,33 ha, Hải Yên 27,41 ha, Ninh Dương 8,11 ha, Trà C  34,43 ha, Bắc Sơn 3,54 ha, Hải Đông 26,21 ha, Hải Tiến 10,59 ha, Hải Xuân 30,54 ha, Quảng Nghĩa 16,74 ha, Vạn Ninh 19,00 ha, Vĩnh Thực 16,59 ha, Vĩnh Trung 0,52 ha.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: Diện tích là 3.649,46 ha chiếm 7,02 % diện tích đất tự nhiên. Trong đó:

+ Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá : Diện tích là 1.114,15 ha chiếm 2,14 % diện tích đất tự nhiên, được phân bổ ở các xã, phường như sau: Hải Yên 64,27 ha, Ninh Dương 11,85 ha, Trà C  0,10 ha, Bắc Sơn 355,49 ha, Hải Đông 153,55 ha, Hải Sơn 358,47 ha, Hải Tiến 33,76 ha, Vạn Ninh 59,42 ha, Vĩnh Thực 50,14 ha, Vĩnh Trung 27,11 ha.

+ Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Diện tích là 2.535,31 ha chiếm 4,88 % diện tích đất tự nhiên, được phân bổ ở các xã, phường như sau: Bình Ngọc 95,80 ha, Hải Hòa 689,38 ha, Hải Yên 37,96 ha, Ka Long 23,46 ha, Ninh Dương 90,74 ha, Trà C  129,87 ha, Trần Phú 17,90 ha, Bắc Sơn 105,95 ha, Hải Đông 70,21 ha, Hải Sơn 66,15 ha, Hải Tiến 251,15 ha, Hải Xuân 161,95 ha, Quảng Nghĩa 613,90 ha, Vạn Ninh 97,96 ha, Vĩnh Trung 82,94 ha.

- Đất phi nông nghiệp khác : Diện tích là 2,10 ha, được phân bổ ở các xã, phường như sau: Hải Xuân 0,59 ha, Vạn Ninh 1,50 ha.

### **2.1.2. Đất chưa sử dụng**

Diện tích đất chưa sử dụng là 5.789,35 ha, chiếm 11,14 % diện tích tự nhiên, được phân bổ ở các xã, phường như sau: Bình Ngọc 30,60 ha, Hải Hòa 281,41 ha, Hải Yên 238,35 ha, Ka Long 2,50 ha, Ninh Dương 43,04 ha, Trà C  146,23 ha, Trần Phú 1,15 ha, Bắc Sơn 78,67 ha, Hải Đông 557,24 ha, Hải Sơn

74,85 ha, Hải Tiến 436,23 ha, Hải Xuân 29,21 ha, Quảng Nghĩa 65,03 ha, Vạn Ninh 2.820,28 ha, Vĩnh Thực 297,42 ha, Vĩnh Trung 689,83 ha.

## 2.2. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024:

Căn cứ Quyết định số: 512/QĐ-UBND ngày 15/02/2024 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố Móng Cái.

Ủy ban nhân dân thành phố Móng Cái đã triển khai việc giao đất, thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất theo phương án kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

**Bảng 1: Các công trình đã thực hiện kế hoạch năm 2024**

TT	Tên công trình	Địa điểm (đến cấp xã; phường)	Diện tích KH đã thực hiện (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 341 (Quốc lộ 18C) từ Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái đến Khu kinh tế cửa khẩu Bắc Phong Sinh - Giai đoạn 2	Các xã: Xã Bắc Sơn, Xã Hải Sơn	32,27
2	Sửa chữa, nâng cấp đê từ Cầu Voi xã Vạn Ninh đến Miếu Tàu phường Ninh Dương, thành phố Móng Cái	Phường Ninh Dương	3,63
3	Dự án cấp điện lưới quốc gia cho đảo Trần, huyện Cô Tô và đảo Cái Chiên, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh.	Xã Vĩnh Thực	0,06
4	Chợ truyền thống, kho bảo quản, bãi tập kết hàng hóa, khu trưng bày và giới thiệu sản phẩm Ocop	Xã Hải Đông	2,90
5	Hồ chứa nước Đầm Ván	Xã Vĩnh Thực	8,46
6	Đất ở tái định cư và nhà ở xã hội phục vụ một số dự án phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn thành phố Móng Cái	Phường Hải Hòa	6,14

**Bảng 2. Các công trình được duyệt trong kế hoạch năm 2024 chưa thực hiện, không đưa vào kế hoạch năm 2025**

STT	Hạng mục	Diện tích	Lí do không thực hiện	Địa điểm (đến cấp xã; phường)
1	Điểm tái định cư xóm Vạn Xuân, xã Hải Xuân, thành phố Móng Cái	0,47	Quyết định số 5799/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND thành phố Móng Cái Về việc huỷ bỏ tổng mặt bằng lô 1, điểm quy hoạch tại định cư xóm Vạn Xuân, xã Hải Xuân, thành phố Móng Cái.	Xã Hải Xuân
2	Dự án Bến cảng tổng hợp Vạn Ninh thuộc cụm cảng quốc tế Vạn Gia mở rộng tại xã Vạn Ninh, thành phố Móng Cái (giao đất lần 1 giai đoạn 1 là: 14,6096 ha; giao đất lần 2 giai đoạn 1 là: 18,20918 Ha).	400,00	Đã giao đất xong	Xã Vạn Ninh
3	Trường Cao đẳng nghề mở Hồng Cẩm - TKV tại phường Hải Yên	11,44	Loại bỏ theo Khoản 7 Điều 76 Luật Đất đai 2024	Phường Hải Yên
4	Khu đất mẫu giáo thuộc khu dân cư đô thị phía Bắc khách sạn Hồng Vân và Ngã ba Xoáy Nguồn, phường Ka Long	0,63	Thực hiện theo Quy hoạch dự án đã được phê duyệt	Phường Ka Long
5	Nhà trực vận hành điện số 2 TP.Móng Cái	0,03	Loại bỏ theo Khoản 7 Điều 76 Luật Đất đai 2024	Phường Trà Cổ
6	Chống quá tải các trạm Biến áp, xây dựng xuất tuyến trung áp và cải tạo lưới điện khu vực thành phố Móng Cái năm 2024	0,16	Thực hiện theo Quy hoạch dự án đã được phê duyệt	Các xã, phường: xã Hải Xuân, phường Hải Yên, phường KaLong, phường Hoà Lạc, phường Hải Hoà, phường Ninh Dương
7	Cải tạo đường dây 471 E5.7 Nối lưới với xuất tuyến 490 E5.7 Cấp điện cho khu vực phường Hải Yên, thành phố Móng Cái	0,13	Thực hiện theo Quy hoạch dự án đã được phê duyệt	Các phường: Hải Yên, Ninh Dương
8	Chợ Nông thôn	1,02	Loại bỏ theo Khoản 7 Điều 76 Luật Đất đai 2024	Xã Bắc Sơn



9	Chợ ASEAN, tại phường Hải Hòa, thành phố Móng Cái	0,67	Không có chủ trương đầu tư	Phường Hải Hòa
10	Hạ tầng điểm dân cư khu Cửa Điền	1,12	Chưa có NQ HĐND	Phường Ninh Dương
11	Khu dân cư Bắc đại lộ Hòa Bình	9,53	Điều chỉnh Quy hoạch	Các phường: Phường Hải Hòa, Phường Trần Phú
12	Khu Đô Thị tại phường Hải Hòa, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh (GD 2)	31,53	Chưa có chủ trương đầu tư	Phường Hải Hòa
13	Khu đô thị thương mại dịch vụ - thể dục thể thao tại phường Hải Hòa, thành phố Móng Cái	132,30	Chưa có chủ trương đầu tư	Phường Hải Hòa
14	Khu phức hợp đô thị, công viên cây xanh kết hợp thương mại, dịch vụ	15,34	Đang trình danh mục công trình đưa vào đấu thầu	Xã Hải Xuân
15	Nhà máy chế biến cát đen (quặng TITAN)	4,20	Loại bỏ theo Khoản 7 Điều 76 Luật Đất đai 2024	Xã Quảng Nghĩa
16	Tổ hợp sản xuất công nghiệp phía Nam sông Lục Lâm tại phường Hải Hòa, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	56,85	Hủy bỏ theo thông báo số 308/TB-BQLKKT ngày 20/10/2023 của BQLKKT Về việc chấm dứt hoạt động đầu tư dự án Tổ hợp sản xuất công nghiệp phía Nam sông Lục Lâm, tại phường Hải Hoà, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh do Công ty Cổ phần đầu tư khu công nghiệp Vinhomes làm chủ đầu tư.	Phường Hải Hoà
17	Vùng nuôi trồng thủy sản tập trung thành phố Móng Cái - Khu nuôi ao đầm xã Quảng Nghĩa	138,85	Thực hiện theo Điều 123 Luật Đất đai 2024	Xã Quảng Nghĩa
18	Vùng nuôi trồng thủy sản tập trung thành phố Móng Cái - Khu nuôi ao đầm xã Hải Đông	81,06	Thực hiện theo Điều 123 Luật Đất đai 2024	Xã Hải Đông
19	Vùng nuôi trồng thủy sản tập trung thành phố Móng Cái - Khu nuôi ao đầm xã Hải Xuân	94,68	Thực hiện theo Điều 123 Luật Đất đai 2024	Xã Hải Xuân

	Xuân			
20	Vùng nuôi trồng thủy sản tập trung thành phố Móng Cái - Khu nuôi ao đầm xã Vạn Ninh.	39,77	Thực hiện theo Điều 123 Luật Đất đai 2024	Xã Vạn Ninh
21	Vùng nuôi trồng thủy sản tập trung thành phố Móng Cái - Khu nuôi ao đầm phường Ninh Dương.	33,20	Thực hiện theo Điều 123 Luật Đất đai 2024	Phường Ninh Dương
22	Mở rộng khu bến bãi KM3 +Km4 sông Ka Long	48,70	Đang điều chỉnh quy hoạch	Phường Hải Yên
23	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu tại khu 7	0.20		Phường Hải Yên
24	Cửa hàng xăng dầu tại khu 7, phường Hải Yên	0.25		Phường Hải Yên
25	Cửa hàng xăng dầu Nam cầu Máng tại xã Hải Xuân, thành phố Móng Cái	0.25		Xã Hải Xuân
26	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tại phường Ninh Dương (Dự án kho hàng hóa và xưởng)	1.93		Phường Ninh Dương
27	Khu bến cảng, kho bãi hàng hóa và vật liệu xây dựng tại phường Ninh Dương, thành phố Móng Cái	6.05		Phường Ninh Dương
28	Mỏ đất, đá làm vật liệu san lấp tại khu 2, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái	43.66		Phường Hải Yên
29	Nạo vét sông Mẩn Thí, đoạn từ cửa sông (vị trí phân lưu giữa sông Sau và sông Mẩn Thí) tới cầu Trà Bình, xã Hải Xuân và phường Bình Ngọc thành phố Móng Cái	59.92		Phường Hải Xuân, Phường Trà Cỏ, Phường Bình Ngọc

**Bảng 3. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024**

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng sử dụng đất năm 2023	Diện tích KH được duyệt (ha) - QĐ 512 ngày 15/02/2024 của UBND tỉnh QN	Diện tích thực hiện kế hoạch năm 2024 (ha)	So sánh kết quả thực hiện kế hoạch năm 2024 với diện tích kế hoạch được duyệt năm 2024		So sánh kết quả thực hiện kế hoạch năm 2024 với diện tích hiện trạng năm 2023	
						Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)	Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)	(8)=(6)/(5)*100%	(9)=(6)-(4)	(10)=(6)/(4)*100%
	<b>Tổng diện tích tự nhiên</b>		<b>51.979,10</b>	<b>52.016,36</b>	<b>51.979,10</b>	<b>-37,27</b>	<b>99,93</b>		<b>100,00</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>38.017,83</b>	<b>37.367,85</b>	<b>37.995,23</b>	<b>627,38</b>	<b>101,68</b>	<b>-22,60</b>	<b>99,94</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3163	2.980,83	3.160,34	179,51	106,02	-2,66	99,92
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	1.772,63	1.625,04	1.772,33	147,29	109,06	-0,30	99,98
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	1.390,37	1.355,79	1.388,00	32,21	102,38	-2,37	99,83
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	993,31	945,96	990,73	44,77	104,73	-2,58	99,74
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.778,40	1.670,44	1.774,21	103,77	106,21	-4,19	99,76
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	15.147,18	15.077,48	15.142,26	64,78	100,43	-4,92	99,97
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD							
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	13.356,05	13.255,65	13.348,22	92,57	100,70	-7,83	99,94
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>							
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	3.571,01	3.428,62	3.570,60	141,98	104,14	-0,41	99,99
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	8,88	8,88	8,88		100,00		100,00
1.9	Đất làm muối	LMU							
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH							
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>8.163,58</b>	<b>9.308,87</b>	<b>8.194,51</b>	<b>1.114,35</b>	<b>88,03</b>	<b>30,93</b>	<b>100,38</b>
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	319,29	330,66	319,55	-11,11	96,64	0,26	100,08
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	417,96	465,66	422,10	-43,57	90,64	4,14	100,99
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	37,04	56,55	37,04	-19,52	65,49		100,00
2.4	Đất quốc phòng	CQP	265,27	323,40	264,89	-58,51	81,91	-0,38	99,86
2.5	Đất an ninh	CAN	5,35	6,65	5,35	-1,30	80,45	0,00	100,05
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	216,12	244,39	229,20	-15,19	93,79	13,08	106,05
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	16,61	18,90	29,70	10,80	157,16	13,09	178,82
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	0,04	0,04	0,04		100,00	0,00	92,27

2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	8,36	8,47	8,36	-0,12	98,64	0,00	99,98
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	77,09	84,33	77,08	-7,25	91,41	-0,01	99,99
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	113,35	131,87	113,35	-18,52	85,96	0,00	100,00
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH							
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT							
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT							
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG							
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	0,67	0,78	0,67	-0,11	85,90		100,00
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	747,30	951,05	747,25	-203,81	78,57	-0,05	99,99
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	79,59	117,81	79,59	-38,22	67,55	0,00	99,99
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN							
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT							
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	346,79	409,34	346,76	-62,58	84,71	-0,03	99,99
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	126,85	219,04	126,83	-92,20	57,91	-0,02	99,99
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	194,07	204,87	194,07	-10,80	94,73	0,00	100,00
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	2.243,16	2.991,35	2.258,96	-732,40	75,52	15,80	100,70
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	1.610,80	2.333,44	1.631,89	-701,55	69,93	21,09	101,31
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	512,13	503,05	516,64	13,58	102,70	4,51	100,88
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT							
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC							
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	0,24	0,24	0,24		100,00	0,00	100,71
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	63,02	72,97	63,02	-9,95	86,36	0,00	100,00
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	2,51	2,58	2,55	-0,03	98,69	0,04	101,55
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	1,47	1,47	1,47	0,00	100,00	0,00	99,81
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	11,73	15,67	14,63	-1,04	93,39	2,90	124,75
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	41,26	61,93	28,51	-33,41	46,04	-12,75	69,10
2.9	Đất tôn giáo	TON	10,77	12,12	10,77	-1,34	88,92	0,00	100,04
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	10,72	10,72	10,72	0,00	100,00	0,00	99,99
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	237,13	240,83	237,13	-3,70	98,47	0,00	100,00

2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	3.651,38	3.659,85	3.649,46	-10,39	99,72	-1,92	99,95
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	1.114,15	1.112,30	1.114,15	1,85	100,17	0,00	100,00
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	2.537,23	2.547,55	2.535,31	-12,23	99,52	-1,92	99,92
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	2,10	1,95	2,10	0,15	107,58		100,00
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>5797,69</b>	<b>5.339,64</b>	<b>5.789,35</b>	<b>449,70</b>	<b>108,42</b>	<b>-8,34</b>	<b>99,86</b>
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	5535,95		5.529,77	5.529,77			
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	259,58		259,58	259,58			
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS							
3.4	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS							

## 2.2.1. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024

### 2.2.1.1. Đất nông nghiệp:

Hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp của thành phố năm 2023 là 38.017,83 ha, theo kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt diện tích đất nông nghiệp năm 2024 của thành phố là 37.367,85 ha, kết quả thực hiện kế hoạch là 37.995,23 ha, tổng diện tích đất nông nghiệp năm 2024 cao hơn 627,38 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, giảm 2,60 ha so với hiện trạng năm 2023. Cụ thể các chỉ tiêu đất nông nghiệp như sau:

#### - Đất trồng lúa:

Đất trồng lúa theo kế hoạch được duyệt năm 2024 là 2980,8 ha, kết quả thực hiện là 3160,3 ha, diện tích đất trồng lúa cao hơn 179,51 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Diện tích đất trồng lúa năm 2023 là 3163 ha, như vậy cuối năm 2024 diện tích đất giảm 2,66 ha so với năm trước.

Trong đó: đất chuyên trồng lúa theo kế hoạch được duyệt năm 2024 là 1.625,04 ha, kết quả thực hiện là 1.772,33 ha, cao hơn 147,29 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Năm 2023 diện tích đất chuyên trồng lúa là 1.772,63 ha, cuối năm 2024 diện tích giảm 0,30 ha.

#### - Đất trồng cây hàng năm khác:

Đất trồng cây hàng năm khác theo kế hoạch được phê duyệt năm 2024 là 945,96 ha, kết quả thực hiện là 990,73 ha, cao hơn 44,77 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Năm 2023 diện tích đất trồng cây hàng năm là 993,31 ha, cuối năm 2024 diện tích giảm 2,58 ha.

Diện tích đất trồng cây hàng năm khác cao hơn diện tích kế hoạch được

duyet là do một số dự án thu hồi đất trồng cây hàng năm chưa triển khai đúng theo kế hoạch đặt ra như: Khu đô thị Mới Hải Yên (phần mở rộng); Khu tái định cư tại khu 5, phường Hải Yên; Khu nhà ở xã hội tại phường Hải Yên; Khu dân cư thôn 10A, 10B, xã Hải Xuân....

*- Đất trồng cây lâu năm:*

Đất trồng cây lâu năm theo kế hoạch được phê duyệt năm 2024 là 1.670,44 ha, kết quả thực hiện 1.774,21 ha, cao hơn 103,77 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Năm 2023 diện tích đất trồng cây lâu năm là 1.778,40 ha, cuối năm 2024 diện tích giảm 4,19 ha.

Diện tích đất trồng cây lâu năm cao hơn diện tích kế hoạch được duyệt là do một số dự án thu hồi đất trồng cây lâu năm vẫn đang trong quá trình triển khai chưa hoàn thành như: Khu đô thị Mới Hải Yên (phần mở rộng); Khu tái định cư tại khu 5, phường Hải Yên; Đất ở tái định cư phục vụ các dự án phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn phường Hải Yên; Khu nhà ở xã hội tại phường Hải Yên; Dự án khu thương mại, tài chính, lưu chuyển hàng hóa, kho bãi, sản xuất khu vực hai bên đường dẫn Cầu Bắc Luân II tại phường Hải Hòa; Di chuyển các doanh nghiệp ảnh hưởng bởi dự án khu đô thị mới Ninh Dương; Khu đô thị mới Ninh Dương (giai đoạn 1); Khu Kiểm soát liên ngành cầu Bắc Luân II gắn với khu dịch vụ thương mại (GD 1)...

*- Đất rừng phòng hộ:*

Diện tích đất rừng phòng hộ năm 2023 là 15.147,18 ha theo kế hoạch được phê duyệt năm 2024 là 15.077,48 ha, kết quả thực hiện 15.142,26 ha, cao hơn 64,78 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, diện tích giảm 4,92 ha so với hiện trạng năm trước. Diện tích đất rừng phòng hộ cao hơn diện tích kế hoạch được duyệt là do một số dự án thu hồi đất rừng phòng hộ chưa hoặc đang trong quá trình triển khai thực hiện như: Đất Quốc phòng phường Hải Hòa, Trà Cỏ; Đường kết nối từ đường cao tốc Tiên Yên - Móng Cái đến cảng Vạn Ninh (Vạn Gia); Cải tạo sửa chữa tuyến đường dạo ven biển Trà Cỏ, phường Trà Cỏ; Bãi đổ vật liệu thải dự án: Đường kết nối từ đường cao tốc Vân Đồn - Móng Cái đến cảng Vạn Ninh (Vạn Gia); Dự án khu thương mại, tài chính, lưu chuyển hàng hóa, kho bãi, sản xuất khu vực hai bên đường dẫn Cầu Bắc Luân II tại phường Hải Hòa...

*- Đất rừng sản xuất:*

Diện tích đất rừng sản xuất năm 2023 là 13.356,05 ha, theo kế hoạch được phê duyệt năm 2024 là 13.255,65 ha, kết quả thực hiện là 13.348,22 ha, cao hơn 92,57 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, giảm 7,83 ha so với hiện trạng năm trước. Diện tích đất rừng sản xuất cao hơn diện tích kế hoạch được duyệt là do

một số dự án thu hồi đất rừng sản xuất vẫn đang trong quá trình triển khai thực hiện như: Đất Quốc phòng xã Hải Đông, phường Hải Yên, xã Hải Sơn; Mở rộng Nghĩa trang nhân dân thành phố Móng Cái tại phường Hải Yên; Khu đô thị mới Ninh Dương (giai đoạn 1); Di chuyển các doanh nghiệp ảnh hưởng bởi dự án khu đô thị mới Ninh Dương tại phường Ninh Dương, ....

*- Đất nuôi trồng thủy sản*

Diện tích đất nuôi trồng thủy sản năm 2023 là 3.571,01 ha, theo kế hoạch được duyệt năm 2024 là 3.428,62 ha, kết quả thực hiện là 3.570,60 ha, cao hơn 141,98 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, giảm 0,41 ha so với hiện trạng năm trước. Diện tích đất nuôi trồng thủy sản cao hơn diện tích kế hoạch được duyệt là do một số dự án thu hồi đất nuôi trồng thủy sản chưa triển khai đúng theo kế hoạch đặt ra như: Đất Quốc phòng phường Hải Hoà; Đường kết nối từ đường cao tốc Tiên Yên - Móng Cái đến cảng Vạn Ninh (Vạn Gia); Khu đô thị Mới Hải Yên (phần mở rộng); Khu tái định cư tại khu 5, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái; Khu dân cư thôn 10A, 10B, xã Hải Xuân; Dự án khu thương mại, tài chính, lưu chuyển hàng hóa, kho bãi, sản xuất khu vực hai bên đường dẫn Cầu Bắc Luân II tại phường Hải Hòa; Khu đô thị mới Ninh Dương (giai đoạn 1)....

**2.2.1.2. Đất phi nông nghiệp:**

Đất phi nông nghiệp theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt là 9.308,87 ha, kết quả thực hiện 8.194,51 ha, diện tích thực hiện thấp hơn 1114,35 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được phê duyệt. Diện tích đất phi nông nghiệp năm 2023 là 8.163,58 ha, như vậy đến cuối năm 2024 diện tích tăng 30,93 ha.

Kết quả thực hiện thấp hơn so với kế hoạch được phê duyệt là do có nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan dẫn đến các dự án vẫn đang trong quá trình triển khai thực hiện nên chỉ tiêu đất phi nông nghiệp chưa thực hiện được theo như phương án đề ra. Kết quả thực hiện được phân bổ cụ thể cho từng chỉ tiêu như sau:

*- Đất ở tại nông thôn:*

Diện tích đất ở tại nông thôn năm 2023 là 319,29 ha, theo kế hoạch được phê duyệt năm 2024 là 330,66 ha, kết quả thực hiện là 319,55 ha, diện tích thực hiện thấp hơn 11,11 ha so với kế hoạch được duyệt và tăng 0,26 ha so với diện tích hiện trạng năm trước. Kết quả thực hiện thấp so với kế hoạch được phê duyệt do những dự án quy hoạch các khu dân cư, khu tái định cư, các điểm dân cư... vẫn đang trong quá trình triển khai thực hiện.

*- Đất ở tại đô thị:*

Diện tích đất ở tại đô thị năm 2023 là 417,96 ha, theo kế hoạch được phê duyệt năm 2024 là 465,66 ha, kết quả thực hiện là 422,10 ha, diện tích thực hiện thấp hơn 43,57 ha so với kế hoạch được duyệt và tăng 4,14 ha so với hiện trạng năm trước. Kết quả thực hiện thấp so với kế hoạch được phê duyệt do nhiều dự án khu dân cư đô thị mới, khu tái định cư, quy hoạch khu đô thị ... vẫn đang trong quá trình triển khai thực hiện.

- *Đất xây dựng trụ sở cơ quan:*

Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan năm 2023 là 37,04 ha, theo kế hoạch được phê duyệt năm 2024 là 56,55 ha, kết quả thực hiện là 37,04 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm trước, diện tích thực hiện thấp hơn 19,52 ha so với kế hoạch được duyệt.

Kết quả thực hiện thấp so với kế hoạch được phê duyệt do các dự án: Khu Kiểm soát liên ngành cầu Bắc Luân II gắn với khu dịch vụ thương mại GĐ1 tại phường Hải Hòa chưa thực hiện.

- *Đất quốc phòng*

Diện tích đất quốc phòng năm 2023 là 265,27 ha, theo kế hoạch được phê duyệt năm 2024 là 323,40 ha, kết quả thực hiện 264,89 ha, diện tích thực hiện thấp hơn 58,51 ha so với kế hoạch được phê duyệt, giảm 0,38 ha so với hiện trạng năm trước. Kết quả thực hiện thấp so với kế hoạch được phê duyệt do một số dự án chưa thực hiện được như: Đất quốc phòng tại xã Hải Sơn, phường Hải Yên, phường Hải Hoà, phường Trà C ; Trụ sở Ban chỉ huy quân sự phường Trà C .

- *Đất an ninh*

Diện tích đất an ninh theo năm 2023 là 5,35 ha, kế hoạch được phê duyệt năm 2024 là 6,65 ha, kết quả thực hiện 5,35 ha, diện tích không thay đổi so với hiện trạng năm 2023, diện tích thực hiện thấp hơn 1,30 ha so với kế hoạch được phê duyệt, nguyên nhân một số dự án về an ninh vẫn đang trong quá trình thực hiện như: Trụ sở Cảnh sát đường thủy tại phường Ka Long thành phố Móng Cái; Trụ sở Công an các xã Hải Sơn, Hải Tiến, Vạn Ninh, Hải Xuân, Vạn Ninh, Hải Yên, Hải Hòa, Quảng Nghĩa, Hải Đông, Vĩnh Trung, Vĩnh Thực; Trụ sở làm việc công an thành phố Móng Cái.

- *Đất xây dựng công trình sự nghiệp:*

Diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp năm 2023 là 216,12 ha, theo kế hoạch được phê duyệt năm 2024 là 244,39 ha, kết quả thực hiện 229,20 ha, diện tích giảm so 13,08 ha với hiện trạng năm 2023, diện tích thực hiện thấp hơn 15,19 ha so với kế hoạch được duyệt.

+ Đất xây dựng cơ sở văn hoá: Diện tích đất xây dựng cơ sở văn hoá năm



2023 là 16,61 ha, theo kế hoạch được duyệt năm 2024 là 18,90 ha, kết quả thực hiện là 29,70 ha, diện tích thực hiện thấp hơn 10,80 ha so với kế hoạch được phê duyệt, diện tích giảm 13,09 ha so với hiện trạng năm trước. Kết quả thực hiện thấp do một số cơ sở văn hóa tại các khu dân cư, khu tái định cư vẫn đang trong quá trình thực hiện.

+ Đất xây dựng cơ sở y tế: Diện tích đất xây dựng cơ sở y tế năm 2023 là 8,36 ha, theo kế hoạch được duyệt năm 2024 là 8,47 ha, kết quả thực hiện là 8,36 ha, diện tích không thay đổi so với hiện trạng năm 2023, diện tích thực hiện thấp hơn 0,12 ha so với kế hoạch được phê duyệt.

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: Diện tích hiện trạng năm 2023 là 77,09 ha, theo kế hoạch được duyệt năm 2024 là 84,33 ha, kết quả thực hiện là 77,08 ha, diện tích giảm 0,01 ha so với hiện trạng năm 2023, diện tích thực hiện thấp hơn 7,25 ha so với kế hoạch được duyệt.

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao: Diện tích hiện trạng năm 2023 là 113,35 ha, theo kế hoạch được duyệt năm 2024 là 131,87 ha, kết quả thực hiện là 113,35 ha, diện tích không thay đổi so với hiện trạng năm trước, diện tích thực hiện thấp hơn -18,52 ha so với kế hoạch được duyệt. Kết quả thực hiện thấp do đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao nằm trong các dự án thuộc các khu đô thị, khu dân cư đang trong quá trình thực hiện.

+ Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác:

Diện tích hiện trạng năm 2023 là 0,67 ha, theo kế hoạch được phê duyệt năm 2024 là 0,78 ha, kết quả thực hiện là 0,67 ha, diện tích không thay đổi so với hiện trạng năm trước, diện tích thực hiện thấp hơn 0,11 ha so với kế hoạch được duyệt.

+ Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp:

Diện tích đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp năm 2023 là 747,30 ha, theo kế hoạch được phê duyệt năm 2024 là 951,05 ha, kết quả thực hiện 747,25 ha, diện tích thực hiện thấp hơn 203,81 ha so với kế hoạch được duyệt, diện tích giảm 0,05 ha so với hiện trạng năm trước.

+ Đất khu công nghiệp:

Diện tích đất khu công nghiệp năm 2023 là 79,59 ha, theo kế hoạch được phê duyệt năm 2024 là 117,81 ha, kết quả thực hiện 79,59 ha, diện tích không thay đổi so với hiện trạng năm 2023, diện tích thực hiện thấp hơn 38,22 ha, nguyên nhân do dự án Khu công nghiệp Hải Yên vẫn đang trong quá trình triển khai thực hiện.

+ Đất thương mại, dịch vụ:

Diện tích đất thương mại, dịch vụ năm 2023 là 346,79 ha, theo kế hoạch được phê duyệt năm 2024 là 409,34 ha, kết quả thực hiện 346,76 ha, diện tích thực hiện thấp hơn 62,58 ha so với kế hoạch được duyệt, giảm 0,03 ha so với hiện trạng năm trước. Kết quả thực hiện thấp là do các dự án như: Dự án khu thương mại, tài chính, lưu chuyên hàng hóa, kho bãi, sản xuất khu vực hai bên đường dẫn Cầu Bắc Luân II tại phường Hải Hòa; Di chuyển các doanh nghiệp ảnh hưởng bởi dự án khu đô thị mới Ninh Dương tại phường Ninh Dương, phường Hải Yên; Khu dịch vụ thương mại Hải Hòa;...đang trong quá trình triển khai thực hiện.

+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:

Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp năm 2023 là 126,85 ha, theo kế hoạch được phê duyệt năm 2024 là 219,04 ha, kết quả thực hiện 126,83 ha, diện tích thực hiện thấp hơn 92,20 ha so với kế hoạch được duyệt, giảm 0,02 ha so với hiện trạng năm trước.

+ Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản:

Diện tích đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản năm 2023 là 194,07 ha, theo kế hoạch được phê duyệt năm 2024 là 204,87 ha, kết quả thực hiện là 194,07 ha, diện tích không thay đổi so với hiện trạng năm 2023, thấp hơn 10,80 ha so với kế hoạch được duyệt. Kết quả thực hiện thấp nguyên nhân do dự án Mở khai thác đất phục vụ san lấp mặt bằng thi công các dự án đầu tư công trên địa bàn thành phố Móng Cái giai đoạn trung hạn 2021-2025 (mỏ số 11); Khai thác cát làm vật liệu san lấp tại phường Bình Ngọc (1.41ha luồng đấu nối) đang trong thời gian thực hiện.

- Đất sử dụng vào mục đích công cộng:

Diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng năm 2023 là 2.243,16 ha, theo kế hoạch được phê duyệt năm 2024 là 2.991,35 ha, kết quả thực hiện 2.258,96 ha, diện tích thực hiện thấp hơn 732,40 ha so với kế hoạch được duyệt, tăng 15,80 ha so với hiện trạng năm trước. Cụ thể các chỉ tiêu cho đất sử dụng vào mục đích công cộng được phân phối như sau:

+ Đất giao thông: Diện tích hiện trạng năm 2023 là 1.610,80 ha, theo kế hoạch được duyệt năm 2024 là 2.333,44 ha, kết quả thực hiện là 1.631,89 ha, diện tích thực hiện thấp hơn 701,55 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được phê duyệt, tăng 21,09 ha so với hiện trạng năm trước.

+ Đất thủy lợi: Diện tích hiện trạng năm 2023 là 512,13 ha, theo kế hoạch được duyệt năm 2024 là 503,05 ha, kết quả thực hiện là 516,64 ha, diện tích thực hiện cao hơn 13,58 ha so với kế hoạch được phê duyệt, tăng 4,51 ha so với hiện trạng năm trước.

+ Đất công trình xử lý chất thải: Diện tích hiện trạng năm 2023 là 63,02 ha Phương án kế hoạch được duyệt năm 2024 là 72,97 ha, kết quả thực hiện 63,02 ha, diện tích không thay đổi so với hiện trạng năm 2023, diện tích thực hiện thấp hơn 9,95 ha so với kế hoạch được duyệt.

+ Đất công trình năng lượng: Diện tích hiện trạng năm 2023 là 2,51 ha, theo kế hoạch được duyệt năm 2024 là 2,58 ha, kết quả thực hiện là 2,55 ha, diện tích thực hiện thấp hơn 0,03 ha so với kế hoạch được duyệt, tăng 0,04 ha so với hiện trạng năm trước.

+ Đất chợ: Diện tích hiện trạng năm 2023 là 11,73 ha, theo kế hoạch phê duyệt năm 2024 đất chợ là 15,67 ha, kết quả thực hiện 14,63 ha, diện tích thực hiện thấp hơn 1,04 ha so với kế hoạch được duyệt, diện tích không thay đổi so với hiện trạng năm 2023.

+ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng:

Diện tích hiện trạng năm 2023 là 41,26 ha, theo kế hoạch được phê duyệt năm 2024 là 61,93 ha, kết quả thực hiện là 28,51 ha, diện tích thực hiện thấp hơn 33,41 ha so với kế hoạch được duyệt, diện tích không thay đổi so với hiện trạng năm 2023. Kết quả thực hiện thấp do các dự án quy hoạch các khu dân cư, khu đô thị, các điểm tái định cư ... vẫn đang trong quá trình triển khai thực hiện.

- Đất tôn giáo: Diện tích hiện trạng năm 2023 là 10,77 ha, theo kế hoạch được duyệt năm 2024 là 12,12 ha, kết quả thực hiện là 10,77 ha, diện tích thực hiện thấp hơn 1,34 ha so với kế hoạch được duyệt, diện tích không thay đổi so với hiện trạng năm 2023. Kết quả thực hiện thấp do dự án Dự án phục hồi di tích chùa Linh Sơn, phường Hải Yên đang trong quá trình triển khai thực hiện.

- Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, đất cơ sở lưu giữ tro cốt: Diện tích hiện trạng năm 2023 là 237,13 ha, theo kế hoạch được duyệt năm 2024 là 240,83 ha kết quả thực hiện là 237,13 ha, diện tích thực hiện thấp hơn 3,70 ha so với kế hoạch được duyệt, diện tích không thay đổi so với hiện trạng năm trước.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: Diện tích hiện trạng năm 2023 là 3.651,38 ha, theo kế hoạch được phê duyệt năm 2024 là 3.659,85 ha, kết quả thực hiện là 3.649,46 ha, diện tích thực hiện thấp hơn so với kế hoạch được phê duyệt là 10,39 ha, giảm 1,92 ha so với hiện trạng năm 2023. Trong đó:

+ Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá: theo kế hoạch được phê duyệt năm 2024 là 1.112,30 ha, kết quả thực hiện là 1.114,15 ha, diện tích thực hiện cao hơn so với kế hoạch được phê duyệt là 1,85 ha.

+ Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối: theo kế hoạch được

phê duyệt năm 2024 là 2.547,55 ha, kết quả thực hiện là 2.535,31 ha, diện tích thực hiện thấp hơn 12,23 ha so với kế hoạch được duyệt, diện tích giảm 1,92 ha so với hiện trạng năm trước.

*- Đất phi nông nghiệp khác:*

Diện tích hiện trạng đất phi nông nghiệp khác năm 2023 là 2,10 ha, theo kế hoạch được phê duyệt năm 2024 là 1,95 ha, kết quả thực hiện là 2,10 ha, diện tích không thay đổi so với hiện trạng năm 2023, diện tích thực hiện cao hơn 0,15 ha so với kế hoạch được phê duyệt.

\* Diện tích các chỉ tiêu đất phi nông nghiệp đều thực hiện đạt thấp hơn các chỉ tiêu đất phi nông nghiệp được phê duyệt nguyên nhân do nhiều công trình dự án trong kỳ kế hoạch 2024 vẫn đang trong quá trình triển khai thực hiện, dẫn đến việc thu hồi, chuyển mục đích từ đất nông nghiệp và đất chưa sử dụng để sử dụng vào cho mục đích phi nông nghiệp là chưa hoàn thành, do đó mà chỉ tiêu các loại đất phi nông nghiệp đều đạt thấp.

**2.2.1.3. Đất chưa sử dụng:**

Diện tích đất chưa sử dụng năm 2023 là 5.797,69 ha, theo kế hoạch được phê duyệt năm 2024 là 5.339,64 ha, kết quả thực hiện là 5.789,35 ha, diện tích thực hiện cao hơn 49,70 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, giảm 8,34 ha so với hiện trạng năm trước. Kết quả thực hiện thấp do nhiều dự án lấy vào đất chưa sử dụng để sử dụng cho mục đích nông nghiệp và phi nông nghiệp vẫn đang trong quá trình triển khai thực hiện như: Đường kết nối từ đường cao tốc Tiên Yên - Móng Cái đến cảng Vạn Ninh (Vạn Gia); Khu dân cư đô thị mới tại Km5, P.Hải Yên; Dự án khu thương mại, tài chính, lưu chuyển hàng hóa, kho bãi, sản xuất khu vực hai bên đường dẫn Cầu Bắc Luân II tại phường Hải Hòa; Mở khai thác đất phục vụ san lấp mặt bằng thi công các dự án đầu tư công trên địa bàn thành phố Móng Cái giai đoạn trung hạn 2021-2025 (mỏ số 11)...

**2.2.2. Đánh giá kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024**

**2.2.2.1. Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp:**

Diện tích đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp theo kế hoạch được phê duyệt là 657,37 ha, kết quả thực hiện chuyển 25,26 ha, đạt 3,84 %, trong đó:

- Diện tích đất trồng lúa chuyển sang đất phi nông nghiệp theo kế hoạch được phê duyệt là 178,66 ha, kết quả thực hiện chuyển 2,66 ha, đạt 1,49 %.

- Diện tích đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất phi nông nghiệp theo kế hoạch được phê duyệt là 43,28 ha, kết quả thực hiện chuyển 2,58 ha, đạt 5,97 %.

- Diện tích đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp theo kế hoạch được phê duyệt là 104,03 ha, kết quả thực hiện chuyển 4,18 ha, đạt 4,02 %.

- Diện tích đất rừng phòng hộ chuyển sang đất phi nông nghiệp theo kế hoạch được phê duyệt là 64,52 ha, kết quả thực hiện chuyển 4,92 ha, đạt 7,62 %.

- Diện tích đất sản xuất chuyển sang đất phi nông nghiệp theo kế hoạch được phê duyệt là 98,91 ha, kết quả thực hiện chuyển 7,83 ha, đạt 7,92 %.

- Diện tích đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang đất phi nông nghiệp theo kế hoạch được phê duyệt là 167,97 ha, đã thực hiện chuyển 0,41 ha đạt 0,25 %.

#### **2.2.2.2. Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp:**

Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt chuyển đổi cơ cấu trong nội bộ đất nông nghiệp là 9,48 ha, chưa thực hiện chuyển.

#### **2.2.2.3. Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở:**

Theo kế hoạch năm 2024 chuyển đổi 27,88 ha đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở, chưa thực hiện chuyển.

#### **2.2.3. Đánh giá kết quả thu hồi đất**

\* Đất nông nghiệp diện tích thu hồi theo kế hoạch được phê duyệt năm 2024 là 620,42 ha, kết quả thực hiện thu hồi 22,59 ha đạt 3,64 %, cụ thể:

- Đất trồng lúa: diện tích thu hồi theo kế hoạch được phê duyệt là 178,66 ha, kết quả thực hiện thu hồi 2,66 ha đạt 1,49 %.

- Đất trồng cây hàng năm khác: diện tích thu hồi theo kế hoạch được phê duyệt là 38,67 ha, kết quả thu hồi 2,58 ha đạt 6,68 %.

- Đất trồng cây lâu năm: diện tích thu hồi theo kế hoạch được phê duyệt là 78,57 ha, kết quả thu hồi 4,18 ha đạt 5,33 %.

- Đất rừng phòng hộ: diện tích thu hồi theo kế hoạch được phê duyệt là 64,52 ha, kết quả thu hồi 4,92 ha đạt 7,62 %.

- Đất rừng sản xuất: diện tích thu hồi theo kế hoạch được phê duyệt là 98,91 ha, kết quả thu hồi 7,83 ha đạt 7,92 %.

- Đất nuôi trồng thủy sản: diện tích thu hồi theo kế hoạch được phê duyệt là 162,84 ha, kết quả thu hồi 0,41 ha đạt 0,25 %.

\* Đất phi nông nghiệp diện tích thu hồi theo kế hoạch được phê duyệt là 148,52 ha, kết quả thu hồi 6,36 ha đạt 29,68 % so với kế hoạch được duyệt, cụ thể:

- Đất ở tại nông thôn: diện tích thu hồi theo kế hoạch được phê duyệt là 9,30 ha, kết quả thu hồi 1,25 ha đạt 13,44 %.
- Đất Quốc phòng: diện tích thu hồi theo kế hoạch được phê duyệt là 6,31 ha, kết quả thu hồi 0,38 ha đạt 6,01 %.
- Đất thương mại, dịch vụ: diện tích thu hồi theo kế hoạch được phê duyệt là 9,06 ha, kết quả thu hồi 0,03 ha đạt 0,39 %.
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: diện tích thu hồi theo kế hoạch được phê duyệt là 5,04 ha, kết quả thu hồi 0,02 ha đạt 0,41%.
- Đất sử dụng vào mục đích công cộng: diện tích thu hồi theo kế hoạch được phê duyệt là 26,78 ha, kết quả thu hồi 2,74 ha đạt 10,23 %.
- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: diện tích thu hồi theo kế hoạch được phê duyệt là 16,09 ha, kết quả thu hồi 1,92 ha đạt 11,96 %.

#### **2.2.4. Đánh giá kết quả thực hiện việc đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng cho các mục đích:**

Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp: chỉ tiêu kế hoạch được phê duyệt là 449,51 ha, kết quả thực hiện là 6,17 ha đạt 1,37 %.

Nhìn chung kết quả chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, chuyển đất chưa sử dụng vào sử dụng trong năm kế hoạch 2024 đạt chưa cao do: nhiều công trình trong năm kế hoạch 2024 đăng ký nhưng không có điều kiện thực hiện do các nhà đầu tư khó khăn về vốn, thay đổi chủ đầu tư, điều chỉnh quy hoạch, đang hoàn thiện các thủ tục xin thuê đất, có những công trình kéo dài chưa hoàn thiện. . .

### **2.3. Đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất**

#### *a) Hiệu quả kinh tế của việc sử dụng đất*

Đất trồng lúa diện tích là 3.160,34 ha, trong đó diện tích đất chuyên trồng lúa nước là 1.772,33 ha chiếm 3,41 % diện tích đất tự nhiên, năng suất đạt 42,8 tạ/năm, đất trồng lúa cần đầu tư thâm canh mở rộng cây vụ đông áp dụng tiến bộ khoa học vào sản xuất để tăng năng xuất và nâng cao hệ số sử dụng đất.

Đối với loại hình đất cây lâu năm cho tổng giá trị 3.097 triệu đồng/ năm, bình quân đạt 2,4 triệu đồng/ ha/năm.

Loại hình đất lâm nghiệp: Nhìn chung đất lâm nghiệp cho giá trị sản phẩm chủ yếu ở các loại hình trồng và chăm sóc rừng, khai thác gỗ phục vụ cho công nghiệp giấy, thu nhập sản phẩm từ rừng và dịch vụ lâm nghiệp với tổng giá trị đạt 10.865 triệu đồng/ năm.

Với diện tích 990,73 ha đất cây hàng năm khác, việc sử dụng loại đất này chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế của thành phố, các loại cây có giá trị kinh tế cao phát triển chưa nhiều, nên giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích còn thấp. Do đó cần đẩy mạnh đầu tư thâm canh tăng vụ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng hình thành các vùng chuyên canh tập trung để sản xuất, tạo ra các sản phẩm có giá trị kinh tế cao.

Ngoài ra trên địa bàn thành phố còn nhiều loại hình sử dụng đất cho giá trị kinh tế cao như: loại hình sử dụng đất công nghiệp, thương mại, đất dịch vụ du lịch, đất sản xuất vật liệu xây dựng.

Với đặc thù là thành phố biên giới, hải đảo có bình quân diện tích đất trồng cây hàng năm 522 m<sup>2</sup>/người vì vậy việc sử dụng đất cần đi vào chuyên canh sản xuất theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, luân canh tăng vụ như 2 vụ lúa - màu, 2 lúa, 1lúa - màu, đảm bảo ổn định lương thực và thực phẩm, hướng tới xuất khẩu và cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, góp phần nâng cao mức sống của người dân nông nghiệp nông thôn.

*b) Hiệu quả xã hội.*

Cùng với những thành tựu đạt được về mặt kinh tế, việc sử dụng đất đã đạt được hiệu quả về xã hội như: ổn định đời sống xã hội cho hơn 23000 lao động nông, lâm nghiệp. Lương thực trên địa bàn được đảm bảo, đồng thời tạo việc làm cho gần 3000 lao động công nghiệp - xây dựng và khoảng 30000 lao động dịch vụ.

Phát triển hạ tầng đô thị đồng bộ, nâng cấp và mở rộng hệ thống giao thông, thủy lợi, các công trình văn hóa, giáo dục, y tế, thể thao đã được đầu tư xây dựng, góp phần tăng khả năng phục vụ sản xuất và đời sống của người dân.

Quá trình sử dụng đất đã làm thay đổi diện mạo thành phố, vùng nông nghiệp, nông thôn, đất đai được sử dụng phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hoá. Đất ở nông thôn được cải tạo, chỉnh trang phát triển theo hướng đô thị hoá, các khu dân cư đô thị được quy hoạch mới và xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ, tạo cho thành phố khang trang, sạch đẹp.

Cùng với các dự án đầu tư phát triển các cơ sở sản xuất kinh doanh tập trung, phát triển các đô thị mới được hình thành góp phần phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, đồng thời làm giá trị kinh tế đất tăng lên, giải quyết các vấn đề xã hội được ổn định, nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực.

*c) Hiệu quả về môi trường.*

Với đặc thù đất đai của thành phố đất đồi núi chiếm trên 55% địa hình phức tạp, đất dốc, do đó việc sử dụng toàn bộ diện tích đất dốc vào trồng rừng đã góp phần đáng kể vào việc hạn chế hiện tượng rửa trôi đất đai. Ngoài ra nhờ tích cực triển khai các dự án khuyến khích người dân đầu tư trồng rừng, chăm sóc, bảo vệ

rừng đã mang lại hiệu quả kinh tế cao, đặc biệt là hiệu quả về môi trường. Tuy nhiên trong quá trình sử dụng đất, đất đai bị tác động của các yếu tố tự nhiên, thực trạng phát triển kinh tế - xã hội và việc khai thác, sử dụng đất của con người.

Ô nhiễm môi trường do các hoạt động sản xuất nông nghiệp, đặc biệt trong quá trình lạm dụng các chất hóa học trong nông nghiệp đã và đang là nguyên nhân làm giảm số lượng của nhiều vi sinh vật có ích, làm giảm đa dạng sinh học.

Ô nhiễm môi trường do tập quán và do thói quen trong sinh hoạt của nhân dân, trong việc thu gom và sử lý chất thải.

Việc khai thác các loại tài nguyên như khai thác sét, cát, đá làm vật liệu xây dựng và vận chuyển đất đá tạo mặt bằng xây dựng phát triển sản xuất kinh doanh tập trung, đất đai bị rửa trôi dẫn đến hiện tượng bồi lắng ở các dòng chảy, đặc biệt là hệ thống bên cảng.

#### **2.4. Đánh giá những mặt được, tồn tại và nguyên nhân trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước**

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã trở thành công cụ để Nhà nước thống nhất quản lý về đất đai

Công tác quản lý đất đai theo kế hoạch sử dụng đất hàng năm ngày càng đi vào thực chất, góp phần tích cực cho việc sử dụng đất hợp lý và hiệu quả, trở thành một trong những căn cứ pháp lý quan trọng để Nhà nước thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, điều tiết thị trường đất đai.

Nhìn chung việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn thành phố Móng Cái đã đạt được những kết quả nhất định, tuy nhiên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất vẫn còn tồn tại đó là:

Một số hạng mục công trình đã có trong chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất hàng năm nhưng cơ quan chủ đầu tư chưa lập xong dự án và hồ sơ đất đai, phải lùi tiến độ chưa thực hiện được theo đúng kế hoạch đã đề ra. Một số chỉ tiêu như: đất khu công nghiệp, đất thương mại dịch vụ, các khu đô thị, khu dân cư...chưa thực hiện được. Bên cạnh đó một số dự án, công trình đã giải phóng mặt bằng xong nhưng chưa có hồ sơ giao đất, cho thuê đất hoặc chưa có vốn gây ảnh hưởng đến quá trình thi công.

Kết quả thực hiện chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp đạt thấp so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đất phi nông nghiệp thực hiện chưa đạt so với kế hoạch đề ra.



Công tác dự báo nhu cầu và xác định danh mục các công trình, dự án đầu tư đưa vào kế hoạch, nhất là các dự án sử dụng vào mục đích kinh doanh, thương mại thường không thể chính xác và luôn có sự thay đổi theo nhu cầu thị trường nên kế hoạch sử dụng đất phải điều chỉnh liên tục làm kéo dài thời gian lập và hoàn chỉnh hồ sơ.

Các dự án đầu tư còn phụ thuộc vào các nhà đầu tư. Một số chủ dự án đăng ký nhu cầu sử dụng đất còn mang tính chủ quan, chưa lường hết khó khăn trong công tác chuẩn bị đầu tư, về nguồn vốn lập và phê duyệt quy hoạch chi tiết, yêu cầu về bố trí trước các khu tái định cư nên không đủ điều kiện để được giao đất, thủ tục quản lý đầu tư xây dựng cơ bản phức tạp và chặt chẽ là nguyên nhân làm cho các chỉ tiêu kế hoạch thực hiện các dự án đấu giá quyền sử dụng đất và các dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước đạt thấp. Kế hoạch sử dụng đất hàng năm thường chưa tính hết khả năng về tài chính bởi phụ thuộc vào nhu cầu và khả năng đầu tư của xã hội và Nhà nước...(hiện nay đang thực hiện những giải pháp kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, cắt giảm ngân sách các dự án thông thường chỉ tập trung bố trí vốn cho một số dự án công trình cấp bách của xã hội) dẫn đến một số dự án, công trình không triển khai thực hiện được.

Công tác quản lý tài nguyên - môi trường chưa được quan tâm đúng mức, nhất là công tác quản lý đất đai, việc sử dụng đất không theo kế hoạch còn diễn ra ở một số xã, phường. Công tác theo dõi thực hiện kế hoạch được phê duyệt còn chưa được quan tâm đặc biệt là cấp xã, phường.

### III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025

#### 3.1. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất và xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất

##### 3.1.1. Chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất đã được xác định trong năm kế hoạch trước

Các chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm trước chưa thực hiện hết nhưng vẫn phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố, tiếp tục đưa vào thực hiện trong năm kế hoạch 2025, cụ thể như sau:

+ **Đất quốc phòng:** có 6 dự án chuyển tiếp sang kế hoạch năm 2025 là:

STT	Hạng mục	Địa điểm (đến cấp xã; phường)	Diện tích kế hoạch (ha)
1	Đất Quốc phòng	Xã Hải Đông, Phường Hải Yên	52,35
2	Đất Quốc phòng	Xã Hải Sơn	3,00
3	Đất Quốc phòng	Phường Hải Yên	3,46
4	Đất Quốc phòng	Phường Hải Hoà	3,00
5	Đất Quốc phòng	Phường Trà Cổ	3,02
6	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự phường Trà Cổ	Phường Trà Cổ	0,04

+ **Đất an ninh:** có 14 dự án được chuyển tiếp sang kế hoạch năm 2025 là:

STT	Hạng mục	Địa điểm (đến cấp xã; phường)	Diện tích kế hoạch (ha)
1	Trụ sở Cảnh sát đường thủy tại phường Ka Long thành phố Móng Cái	Phường Ka Long	0,09
2	Trụ sở Công an xã Bắc Sơn	Xã Bắc Sơn	0,17
3	Trụ sở Công an xã Hải Sơn	Xã Hải Sơn	0,16
4	Trụ sở Công an xã Quảng Nghĩa	Xã Quảng Nghĩa	0,21
5	Trụ sở Công an xã Hải Tiến	Xã Hải Tiến	0,02
6	Trụ sở Công an xã Hải Đông	Xã Hải Đông	0,28
7	Trụ sở Công an xã Hải Xuân	Xã Hải Xuân	0,20
8	Trụ sở Công an xã Vạn Ninh	Xã Vạn Ninh	0,15
9	Trụ sở Công an xã Vĩnh Trung	Xã Vĩnh Trung	0,24

10	Trụ sở Công an xã Vĩnh Thực	Xã Vĩnh Thực	0,25
11	Trụ sở làm việc công an thành phố Móng Cái	Phường Hải Hòa	4,32
12	Trụ sở Công an phường Hải Yên (đưa vào triển khai thực hiện thủ tục xin giao đất và cấp GCNQSDĐ)	Phường Hải Yên	0,45
13	Trụ sở Công an phường Hải Hòa (đưa vào triển khai thực hiện thủ tục xin giao đất và cấp GCNQSDĐ)	Phường Hải Hoà	0,34
14	Trụ sở Công an phường Bình Ngọc (đưa vào triển khai thực hiện thủ tục xin giao đất và cấp GCNQSDĐ)	Phường Bình Ngọc	0,38

+ **Đất giao thông**: có 7 dự án được chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là:

STT	Hạng mục	Địa điểm (đến cấp xã; phường)	Diện tích kế hoạch (ha)
1	Đường cao tốc Tiên Yên - Móng Cái	xã Quảng Nghĩa, xã Hải Tiên, xã Hải Đông, phường Hải Yên, phường Ninh Dương, xã Hải Xuân, phường Hải Hòa	191,63
2	Điều chỉnh bổ sung hạng mục đường đầu nối và cầu vượt ngang dự án đường Cao tốc Tiên Yên - Móng Cái	Các xã, phường: Xã Quảng Nghĩa, Xã Hải Tiên, Xã Hải Xuân, Phường Hải Yên, Phường Ninh Dương	4,01
3	Xây dựng kè bảo vệ khu vực cột mốc 1348(2)+150m đến mốc 1348(2)+950m và khu vực cột mốc 1352(2)+200m đến 1352(2)+700m thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Các xã: Xã Bắc Sơn, Xã Hải Sơn	6,90
4	Nâng cấp đường vào trung tâm xã Quảng Nghĩa	Xã Quảng Nghĩa	3,47
5	Đường kết nối từ đường cao tốc Tiên Yên - Móng Cái đến cảng Vạn Ninh (Vạn Gia), thành phố Móng Cái	Các xã, phường: Phường Ninh Dương, Xã Vạn Ninh	19,56
6	Cải tạo sửa chữa tuyến đường dạo ven biển Trà Cỏ, phường Trà Cỏ, thành phố Móng Cái	Phường Trà Cỏ	3,98

	(Đoạn từ Ngã ba ông Thái đến dự án Khu đô thị và Khu du lịch cao cấp Trà Cỏ)		
7	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường đi bến Cái Vĩnh và bến Cái Chàm, xã Vĩnh Trung	Xã Vĩnh Trung	2,61

+ **Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo:** có 4 dự án được chuyển tiếp sang kế hoạch năm 2025 là:

STT	Hạng mục	Địa điểm (đến cấp xã; phường)	Diện tích kế hoạch (ha)
1	Trường Mầm Non Hải Yên	Phường Hải Yên	0,86
2	Trường Mầm Non Hải Yên, thành phố Móng Cái (giai đoạn 1)	Phường Hải Yên	0,77
3	Xây dựng, nâng cấp Trường THCS Ninh Dương, phường Ninh Dương	Phường Ninh Dương	0,94
4	Trường THCS Bình Ngọc, thành phố Móng Cái	Phường Bình Ngọc	1,33

+ **Đất công trình xử lý chất thải:** có 2 dự án được chuyển tiếp sang kế hoạch năm 2025 là:

STT	Hạng mục	Địa điểm (đến cấp xã; phường)	Diện tích kế hoạch (ha)
1	Bãi đổ vật liệu thải dự án: Đường kết nối từ đường cao tốc Vân Đồn - Móng Cái đến cảng Vạn Ninh (Vạn Gia), thành phố Móng Cái	Xã Vạn Ninh	1,61
2	Nhà máy xử lý chất thải rắn và chôn lấp rác tại xã Quảng Nghĩa, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Xã Quảng Nghĩa	21,84

+ **Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng** có 01 dự án được chuyển tiếp sang kế hoạch năm 2025 là: Mở rộng Nghĩa trang nhân dân thành phố Móng Cái tại phường Hải Yên, thành phố Móng Cái 26,71 ha.

+ **Đất chợ:** có 1 dự án, công trình chuyển tiếp sang kế hoạch năm 2025 là: Chợ nông thôn mới xã Vạn Ninh 0,44 ha.

+ **Đất ở tại nông thôn:** có 10 dự án được chuyển tiếp sang kế hoạch năm 2025 là:

STT	Hạng mục	Địa điểm (đến cấp xã; phường)	Diện tích kế hoạch (ha)
1	Khu dân cư nông thôn mới tại thôn Lục Phủ, xã Bắc Sơn, thành phố Móng Cái (Điểm quy hoạch số 1, từ đầu đường bê tông vào bản Hợp Long).	Xã Bắc Sơn	0,38
2	Khu dân cư nông thôn mới tại thôn Thán Phún, xã Bắc Sơn, thành phố Móng Cái (Điểm quy hoạch số 4A).	Xã Bắc Sơn	0,67
3	Khu dân cư nông thôn mới tại thôn Thán Phún, xã Bắc Sơn, thành phố Móng Cái (Điểm quy hoạch số 4B).	Xã Bắc Sơn	0,47
4	Khu dân cư nông thôn mới tại thôn Pò Hèn, xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái (Điểm quy hoạch số 5, từ ngã 3 xóm Đồi Tây đến nhà ông Mả).	Xã Hải Sơn	0,24
5	Khu dân cư nông thôn mới tại thôn Pò Hèn, xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái (Điểm quy hoạch số 6A, cạnh cây xăng Hải Sơn).	Xã Hải Sơn	0,66
6	Khu dân cư nông thôn mới tại thôn Pò Hèn, xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái (Điểm quy hoạch số 6B, cạnh cây xăng Hải Sơn).	Xã Hải Sơn	0,24
7	Khu dân cư nông thôn mới tại thôn Thán Phún xã, xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái (Điểm quy hoạch số 7, thôn Thán Phún, xã Hải Sơn).	Xã Hải Sơn	0,40
8	Điểm Quy hoạch tại khu vực hai bên đường ra đê hàn, thôn 3, xã Vĩnh Trung, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.	Xã Vĩnh Trung	0,43
9	Điểm Quy hoạch tại thôn 1, xã Vĩnh Thực, thành phố Móng Cái (Điểm số 5)	Xã Vĩnh Thực	0,47
10	Điểm Quy hoạch tại thôn 1, xã Vĩnh Thực, thành phố Móng Cái (Điểm số 7)	Xã Vĩnh Thực	0,61

+ **Đất ở tại đô thị** : có 17 dự án được chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là:

STT	Hạng mục	Địa điểm (đến cấp xã; phường)	Diện tích kế hoạch (ha)
1	Khu dân cư đô thị mới tại Km5, P.Hải Yên (khu đô thị Bao Bì tổng dự án 28,93 ha, Đã giao đất giai đoạn 1 năm 2019 với diện tích: 20,10 ha)	Phường Hải Yên	8,82
2	Khu đô thị Mới Hải Yên (phần mở rộng)	Phường Hải Yên	7,93

3	Khu tái định cư tại khu 5, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Phường Hải Yên	9,70
4	Đất ở tái định cư phục vụ các dự án phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn phường Hải Yên	Phường Hải Yên	4,43
5	Khu nhà ở xã hội tại phường Hải Yên	Phường Hải Yên	11,60
6	Khu dân cư tại khu Hạ Long, phường Ninh Dương, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Phường Ninh Dương	9,06
7	Khu tái định cư tại khu Thượng Trung, phường Ninh Dương, thành phố Móng Cái	Phường Ninh Dương	10,69
8	Điểm tái định cư đường cao tốc Tiên Yên - Móng Cái tại khu Hồng Kỳ, phường Ninh Dương, thành phố Móng Cái	Phường Ninh Dương	2,15
9	Điểm tái định cư đường cao tốc Tiên Yên - Móng Cái tại khu Hòa Bình, phường Ninh Dương	Phường Ninh Dương	0,51
10	Điểm tái định cư đường cao tốc Tiên Yên - Móng Cái tại khu Hạ Long, phường Ninh Dương	Phường Ninh Dương	5,37
11	Khu dân cư khu Thượng Trung phường Ninh Dương	Phường Ninh Dương	7,13
12	Khu dân cư thôn 10A, 10B, xã Hải Xuân	Xã Hải Xuân	11,61
13	Điểm dân cư thôn 10B, thôn 5, thôn 8, xã Hải Xuân	Xã Hải Xuân	12,35
14	Di chuyển các doanh nghiệp ảnh hưởng bởi dự án khu đô thị mới Ninh Dương tại phường Ninh Dương, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái.		10,15
15	Dự án tái định cư Lô - X tại khu 7, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái	Phường Hải Yên	0,44
16	Dự án Tái định cư tại khu 7, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái	Phường Hải Yên	0,15
17	Khu đô thị mới Ninh Dương (giai đoạn 1)	Các phường: Phường Hải Yên, Phường Ninh Dương	40,62

+ **Đất tôn giáo:** có 1 dự án, công trình chuyển tiếp sang kế hoạch năm 2025 là: Dự án phục hồi di tích chùa Linh Sơn, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh: 5,77 ha.

+ **Đất thương mại dịch vụ:** có 3 dự án được chuyển tiếp sang kế hoạch năm 2025 là:

STT	Hạng mục	Địa điểm (đến cấp xã; phường)	Diện tích kế hoạch (ha)
1	Dự án khu thương mại, tài chính, lưu chuyển hàng hóa, kho bãi, sản xuất khu vực	Xã Hải Xuân	181,36

	hai bên đường dẫn Cầu Bắc Luân II tại phường Hải Hòa, thành phố Móng Cái		
2	Di chuyển các doanh nghiệp ảnh hưởng bởi dự án khu đô thị mới Ninh Dương tại phường Ninh Dương, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái.		10.15
3	Khu dịch vụ thương mại	Phường Hải Hoà	0.11

+ **Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:** có 1 dự án được chuyển tiếp sang kế hoạch năm 2025 là: Khu xử lý nước, cấp nước cho Khu công nghiệp Hải Yên và khu dân cư lân cận tại phường Hải Yên, thành phố Móng Cái: 0,95 ha.

+ **Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản:** có 2 dự án được chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là:

STT	Hạng mục	Địa điểm (đến cấp xã; phường)	Diện tích kế hoạch (ha)
1	Mở khai thác đất phục vụ san lấp mặt bằng thi công các dự án đầu tư công trên địa bàn thành phố Móng Cái giai đoạn trung hạn 2021-2025 (mỏ số 11). Cho thuê đất đợt 1 diện tích S= 300.043,8m <sup>2</sup> .	Xã Quảng Nghĩa	42,38
2	Khai thác cát làm vật liệu san lấp tại phường Bình Ngọc (1.41ha luồng đầu nổi).	Phường Bình Ngọc	81,00

+ **Đất xây dựng trụ sở cơ quan:** có 2 dự án được chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là:

STT	Hạng mục	Địa điểm (đến cấp xã; phường)	Diện tích kế hoạch (ha)
1	Khu Kiểm soát liên ngành cầu Bắc Luân II gắn với khu dịch vụ thương mại (GD 1)	Phường Hải Hoà	20,30
2	Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Móng Cái, tại phường Hải Hòa, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Phường Hải Hoà	0,61

### 3.1.2. Chỉ tiêu các loại đất theo nhu cầu của cấp huyện và cấp xã trong năm kế hoạch

Các chỉ tiêu trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 được đăng ký mới theo nhu cầu sử dụng đất bao gồm 9 dự án, công trình sau:

STT	Hạng mục	Địa điểm (đến cấp xã; phường)	Mã	Diện tích kế hoạch (ha)
-----	----------	-------------------------------	----	-------------------------

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Trụ sở Ban chỉ huy Quân sự xã Hải Sơn	Xã Hải Sơn	CQP, DGT	0.23
2	Kè bảo vệ bờ sông khu vực biên giới Mốc 1320/1(2) xã Hoàn Mô, huyện Bình Liêu và khu vực Mốc 1349/1(2)+299m đến 1349/1(2)+729m, xã Hải Sơn, thành phố Móng Cái	Xã Hải Sơn	DGT	4.17
3	Dự án đầu tư xây dựng khu vực vòng xuyên trên tuyến đường dẫn cầu Bắc Luân II	Phường Hải Hoà	DGT	4.81
5	Tuyến đường trục chính xã Hải Xuân, thành phố Móng Cái	Xã Hải Xuân	DGT	3.95
6	Trạm trung chuyển chất thải xây dựng, vật liệu đất đá tại xã Hải Xuân, thành phố Móng Cái	Xã Hải Xuân	DRA	2.79
7	Nâng cao khả năng truyền tải điện của đường dây 110kV Quảng Hà - Móng Cái - đoạn qua thành phố Móng Cái (NCKN TT đường dây 110kV Quảng Hà - Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh)	xã Quảng Nghĩa; xã Hải Tiến; xã Hải Đông; phường Hải Yên; phường Ninh Dương	DNL	1.94
8	Dự án Khu dân cư dọc tuyến biên giới sông KaLong, thành phố Móng Cái	Phường Hải Yên; Phường Ninh Dương; Phường KaLong	DGT; ODT	0.38

### a) Đất nông nghiệp:

Để đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội nói chung cũng như ngành nông nghiệp của thành phố nói riêng. Trên cơ sở nhu cầu đề xuất sử dụng đất của tổ chức cũng như trong quá trình điều tra thực tế thì đến cuối năm 2025 nhu cầu sử dụng vào đất nông nghiệp của các tổ chức trên địa bàn thành phố Móng Cái là 565,65 ha chuyển sang đất phi nông nghiệp.

- **Đất trồng lúa:** Năm 2024 đất trồng lúa trên địa bàn thành phố là 3.160,34 ha, đến cuối năm 2025 là 3.017,05 ha, giảm 143,28 ha so với hiện trạng.

Trong đó:

+ Đất chuyên trồng lúa năm 2024 là 1.772,33 ha, đến cuối năm 2025 là 1.656,88 ha, giảm 115,45 ha so với hiện trạng. Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 1.656,88 ha.

+ Đất trồng lúa còn lại năm 2024 là 1.388,00 ha, đến cuối năm 2025 là 1.360,17 ha, giảm 27,83 ha so với hiện trạng. Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 1.360,17 ha.

- **Đất trồng cây hàng năm khác:** Năm 2024 là 990,73 ha, đến cuối năm 2025 là 963,01 ha, giảm 27,72 ha so với hiện trạng. Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 963,01 ha.

- **Đất trồng cây lâu năm:** Năm 2024 là 1.774,21 ha, đến cuối năm 2025 là 1.708,62 ha, giảm 65,59 ha so với hiện trạng. Diện tích không thay đổi mục đích



so với hiện trạng là 1.708,62 ha.

- **Đất rừng phòng hộ:** Năm 2024 có 15.142,26 ha, đến cuối năm 2025 là 15.082,79 ha, giảm 59,48 ha so với hiện trạng. Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 15.082,79 ha.

- **Đất rừng sản xuất:** Năm 2024 là 13.348,22 ha, đến cuối năm 2025 là 13.212,44 ha, giảm 135,77 ha so với hiện trạng. Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 13.212,44 ha.

- **Đất nuôi trồng thủy sản:** Năm 2024 có 3.570,60 ha, đến cuối năm 2025 là 3.436,79 ha, nhu cầu dành cho đất nuôi trồng thủy sản trên địa bàn thành phố năm 2025 giảm 133,81 ha. Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 3.436,79 ha.

- **Đất chăn nuôi tập trung:** Năm 2024 có 8,88 ha, đến năm 2025 là 8,88 ha. Năm 2025 đất nông nghiệp khác trên địa bàn thành phố không có nhu cầu mở rộng.

#### **b) Đất phi nông nghiệp:**

Nhu cầu sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2025 của các tổ chức trên địa bàn thành phố tăng 631,05 ha cụ thể tăng vào các chỉ tiêu sau:

##### **- Đất ở tại nông thôn:**

Năm 2024, kế hoạch sử dụng đất ở tại nông thôn có 319,55 ha, đến năm 2025 là 313,73 ha, đất ở tại nông thôn thực giảm 5,83 ha (tăng 2,04 ha, giảm 7,86 ha). Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 311,69 ha.

Diện tích tăng thêm để thực hiện dự án: Khu dân cư nông thôn mới tại thôn Lục Phủ, xã Bắc Sơn; Khu dân cư nông thôn mới tại thôn Thán Phún, xã Bắc Sơn; Khu dân cư nông thôn mới tại thôn Pò Hèn, xã Hải Sơn; Khu dân cư nông thôn mới tại thôn Thán Phún xã, xã Hải Sơn; Điểm Quy hoạch tại khu vực hai bên đường ra đê hàn, thôn 3, xã Vĩnh Trung, thành phố Móng Cái; Điểm Quy hoạch tại thôn 1, xã Vĩnh Thực, thành phố Móng Cái (Điểm số 5); Điểm Quy hoạch tại thôn 1, xã Vĩnh Thực, thành phố Móng Cái (Điểm số 7).

##### **- Đất ở tại đô thị:**

Năm 2024, kế hoạch đất ở đô thị có 422,10 ha, đến năm 2025 là 437,51 ha, nhu cầu dành cho đất ở đô thị trên địa bàn thành phố năm 2025 thực tăng 15,42 ha (tăng 56,36 ha, giảm 40,95 ha). Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 381,15 ha.

Diện tích tăng thêm để thực hiện dự án: Khu dân cư đô thị mới tại Km5, P.Hải Yên; Khu đô thị Mới Hải Yên (phần mở rộng); Khu tái định cư tại khu 5, phường Hải Yên; Khu dân cư tại khu Hạ Long, phường Ninh Dương; Khu tái định cư tại khu Thượng Trung, phường Ninh Dương; Điểm tái định cư đường cao tốc Tiên Yên - Móng Cái tại khu Hồng Kỳ, phường Ninh Dương; Điểm tái định cư đường cao tốc Tiên Yên - Móng Cái tại khu Hòa Bình, phường Ninh Dương; Điểm tái định cư đường cao tốc Tiên Yên - Móng Cái tại khu Hạ Long, phường Ninh Dương; Khu dân cư khu Thượng Trung phường Ninh Dương...

##### **- Đất xây dựng trụ sở cơ quan**

Đất xây dựng trụ sở cơ quan năm 2024 có 37,04 ha, đến năm 2025 là 66,62

ha, nhu cầu dành cho đất xây dựng trụ sở cơ quan đến năm 2025 thực tăng 29,58 ha (tăng 30,55 ha; giảm 0,97 ha). Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 36,06 ha. Diện tích tăng thêm để thực hiện dự án Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Móng Cái tại phường Hải Hòa; Khu Kiểm soát liên ngành cầu Bắc Luân II gắn với khu dịch vụ thương mại (GD 1).

**- Đất Quốc phòng**

Đất quốc phòng trong năm 2024 có 264,89 ha, năm 2025 là 317,59 ha thực tăng 52,70 ha (tăng 61,84 ha; giảm 9,15 ha). Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 255,74 ha. Diện tích tăng thêm để thực hiện các dự án, công trình: Đất Quốc phòng tại xã Hải Đông và phường Hải Yên; Trụ sở Ban chỉ huy quân sự phường Trà C , Đất Quốc phòng tại xã, phường: Hải Sơn, phường Trà C , Hải Yên, Hải Hoà.

**- Đất an ninh**

Đất an ninh năm 2024 có 5,35 ha, năm 2025 là 10,43 ha, nhu cầu sử dụng đất so với hiện trạng tăng thêm 5,08 ha. Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 5,35 ha. Diện tích tăng thêm để xây dựng các dự án: Trụ sở Cảnh sát đường thủy tại phường Ka Long; Trụ sở Công an các xã, phường: xã Bắc Sơn, xã Hải Sơn, xã Quảng Nghĩa, xã Hải Tiến, xã Hải Đông, xã Hải Xuân, xã Vạn Ninh, xã Vĩnh Trung, xã Vĩnh Thực, Trụ sở làm việc công an thành phố Móng Cái tại phường Hải Hòa.

**- Đất xây dựng công trình sự nghiệp**

Đất xây dựng công trình sự nghiệp năm 2024 có 228,96 ha, năm 2025 là 232,18 ha, nhu cầu sử dụng đất so với hiện trạng thực tăng 3,22 ha (tăng 4,23 ha, giảm 1,01 ha). Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 227,95 ha. Cụ thể như sau:

+ **Đất xây dựng cơ sở văn hóa:** năm 2024 có 29,70 ha, đến năm 2025 là 30,49 ha, nhu cầu dành cho đất xây dựng cơ sở văn hóa đến năm 2025 thực tăng 0,79 ha (tăng 1,23 ha; giảm 0,43 ha). Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là: 29,27 ha. Diện tích tăng thêm để thực hiện công trình đất văn hóa nằm trong các dự án khu đô thị và khu tái định cư .

+ **Đất cơ sở dịch vụ về xã hội**

Đất cơ sở dịch vụ về xã hội năm 2024 có 0,04 ha, đến năm 2025 đất cơ sở dịch vụ về xã hội không có nhu cầu mở rộng.

+ **Đất xây dựng cơ sở y tế:** năm 2024 có 8,36 ha. Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là: 8,36 ha.

+ **Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo:** năm 2024 có 77,08 ha, đến năm 2025 là 81,35 ha, nhu cầu dành cho đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo đến năm 2025 thực tăng 4,26 ha (tăng 4,38 ha; giảm 0,12 ha). Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là: 76,97 ha. Diện tích tăng thêm để thực hiện công trình như: Trường Mầm Non Hải Yên; Trường THCS Bình Ngọc; Xây dựng, nâng cấp Trường THCS Ninh Dương; ...

+ **Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao:** năm 2024 có 113,35 ha, đến năm 2025 là 113,86 ha, nhu cầu dành cho đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao đến năm

2025 thực tăng 0,51 ha (tăng 0,99 ha; giảm 0,48 ha), diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là: 112,87 ha. Diện tích tăng thêm để thực hiện công trình, dự án trong các khu đô thị.

+ **Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác:** năm 2024 có 0,67 ha, đến năm 2025 là 0,65 ha, nhu cầu sử dụng đất giảm 0,02 ha. Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 0,65 ha.

**- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp:**

Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp năm 2024 có 747,25 ha, đến năm 2025 là 917,99 ha, nhu cầu sử dụng đất thực tăng 170,75 ha (tăng 183,46 ha, giảm 12,71 ha). Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 734,53 ha. Cụ thể như sau:

+ **Đất khu công nghiệp:** Năm 2024 có 79,59 ha, năm 2025 không có nhu cầu sử dụng cho đất khu công nghiệp. Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 79,59 ha.

+ **Đất thương mại, dịch vụ:** năm 2024 có 346,76 ha, đến năm 2025 là 374,38 ha, nhu cầu sử dụng đất cho mục đích thương mại dịch vụ so với hiện trạng thực tăng 27,62 ha (tăng 35,70 ha, giảm 8,08 ha). Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 338,67 ha. Diện tích tăng thêm để thực hiện các dự án, công trình: Di chuyển các doanh nghiệp ảnh hưởng bởi dự án khu đô thị mới Ninh Dương tại phường Ninh Dương; Dự án khu thương mại, tài chính, lưu chuyển hàng hóa, kho bãi, sản xuất khu vực hai bên đường dẫn Cầu Bắc Luân II tại phường Hải Hòa; Khu dịch vụ thương mại tại phường Hải Hoà...

+ **Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:** năm 2024 có 126,83 ha, đến năm 2025 là 217,26 ha, nhu cầu sử dụng đất so với hiện trạng thực tăng 90,42 ha (tăng thêm 93,57 ha; giảm 3,15 ha). Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là: 123,68 ha. Diện tích tăng thêm để thực hiện dự án Khu xử lý nước, cấp nước cho Khu công nghiệp Hải Yên và khu dân cư lân cận tại phường Hải Yên.

+ **Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản:** năm 2024 có 194,07 ha, đến năm 2025 là 246,77 ha, nhu cầu sử dụng đất thực tăng 52,70 ha (tăng 54,33 ha; giảm 1,63 ha). Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là: 2244,05 ha. Diện tích tăng thêm để thực hiện các dự án sau: Điềm khai thác đất phục vụ thi công dự án đường cao tốc Tiên Yên - Móng Cái thuộc địa bàn thành phố Móng Cái (điểm số 11); Khai thác cát làm vật liệu san lấp tại phường Bình Ngọc (1.41ha luồng đầu nôi).

**- Đất sử dụng vào mục đích công cộng**

Đất sử dụng vào mục đích công cộng năm 2024 có 2.258,96 ha, đến năm 2025 là 2.599,77 ha, nhu cầu dành cho đất phát triển hạ tầng trên địa bàn thành phố đến năm 2025 thực tăng 338,02 ha (tăng 352,93 ha, giảm 14,91 ha). Cụ thể như sau:

+ **Đất giao thông:** năm 2024 có 1.631,89 ha, đến năm 2025 là 1.960,25 ha, nhu cầu dành cho đất giao thông trên địa bàn thành phố đến năm 2024 thực tăng 325,57 ha (tăng 337,07 ha, giảm 11,50 ha). Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 1620,39 ha. Diện tích tăng thêm để thực hiện các dự án: Điều

chỉnh bổ sung hạng mục đường đầu nối và cầu vượt ngang dự án đường Cao tốc Tiên Yên - Móng Cái; Xây dựng kè bảo vệ khu vực cột mốc 1348(2)+150m đến mốc 1348(2)+950m và khu vực cột mốc 1352(2)+200m đến 1352(2)+700m ; Nâng cấp đường vào trung tâm xã Quảng Nghĩa; Đường kết nối từ đường cao tốc Tiên Yên - Móng Cái đến cảng Vạn Ninh (Vạn Gia); Cải tạo sửa chữa tuyến đường dạo ven biển Trà Cổ (Đoạn từ Ngã ba ông Thái đến dự án Khu đô thị và Khu du lịch cao cấp Trà Cổ); Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường đi bến Cái Vĩnh và bến Cái Chàm, xã Vĩnh Trung; Dự án đầu tư xây dựng khu vực vòng xuyên trên tuyến đường dẫn cầu Bắc Luân II...

+ **Đất thủy lợi:** năm 2024 có 516,64 ha, đến năm 2025 là 506,95 ha, nhu cầu sử dụng dành cho đất thủy lợi trên địa bàn thành phố đến năm 2024 thực giảm 9,68 ha (tăng 1,25 ha; giảm 10,94 ha). Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là: 505,70 ha.

+ **Đất di tích lịch sử văn hóa:** năm 2024 có 0,24 ha, đến năm 2025 là 0,24 ha. Năm 2025 đất di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn thành phố không có nhu cầu mở rộng.

+ **Đất công trình xử lý chất thải:** năm 2024 có 63,02 ha, đến năm 2025 là 69,62 ha, nhu cầu dành cho đất công trình xử lý chất thải đến năm 2025 thực tăng 6,60 ha (tăng 6,62 ha, giảm 0,02 ha). Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là: 63,00 ha. Diện tích tăng thêm để thực hiện công trình sau: Bãi đổ vật liệu thải dự án: Đường kết nối từ đường cao tốc Vân Đồn - Móng Cái đến cảng Vạn Ninh (Vạn Gia); Nhà máy xử lý chất thải rắn và chôn lấp rác tại xã Quảng Nghĩa, Trạm trung chuyển chất thải xây dựng, vật liệu đất đá tại xã Hải Xuân, Hải Yên.

+ **Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng:** năm 2024 có 2,55 ha, đến năm 2025 là 4,49 ha, nhu cầu sử dụng dành cho đất công trình năng lượng trên địa bàn thành phố đến năm 2025 thực tăng 1,94 ha (tăng 1,95 ha; giảm 0,02 ha). Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là: 2,53 ha. Diện tích tăng thêm để thực hiện các dự án: Nâng cao khả năng truyền tải điện của đường dây 110kV Quảng Hà - Móng Cái - đoạn qua thành phố Móng Cái (NCKN TT đường dây 110kV Quảng Hà - Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh).

+ **Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin:** năm 2024 có 1,47 ha, đến năm 2025 là 1,47 ha, không có nhu cầu mở rộng.

+ **Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối:** năm 2024 có 14,63 ha, đến năm 2025 là 14,65 ha, nhu cầu dành cho đất chợ đến năm 2025 thực tăng 0,01 ha (tăng 0,44 ha; giảm 0,43 ha). Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 14,21 ha. Diện tích tăng thêm để thực hiện công trình sau: Chợ nông thôn mới tại xã Vạn Ninh

+ **Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng:** năm 2024 có 28,51 ha, đến năm 2025 là 43,68 ha, nhu cầu dành cho đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng đến năm 2025 thực tăng 15,17 ha. Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 28,51 ha. Diện tích tăng thêm nằm trong các công trình, dự án khu dân cư, khu đô thị ...

- **Đất tôn giáo:** năm 2024 có 10,77 ha, đến năm 2025 là 12,12 ha, nhu cầu dành cho đất tôn giáo đến năm 2025 tăng thêm 1,35 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 10,77 ha. Diện tích tăng thêm để thực hiện dự án phục hồi di tích chùa Linh Sơn, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

- **Đất tín ngưỡng:** năm 2024 có 10,72 ha, kế hoạch năm 2025 đất tín ngưỡng không có nhu cầu mở rộng, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 10,72 ha.

- **Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt:** năm 2024 có 237,13 ha, đến năm 2025 là 241,51 ha, nhu cầu sử dụng dành cho đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt trên địa bàn thành phố đến năm 2025 thực tăng 4,38 ha (tăng 13,31 ha; giảm 8,93 ha). Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là: 228,20 ha. Diện tích tăng thêm để thực hiện dự án mở rộng Nghĩa trang nhân dân thành phố Móng Cái tại phường Hải Yên, thành phố Móng Cái.

- **Đất có mặt nước chuyên dùng:** năm 2024 có 3.649,46 ha, đến năm 2025 là 3.663,53 ha, nhu cầu sử dụng dành cho đất có mặt nước chuyên dùng trên địa bàn thành phố năm 2025 thực giảm 14,07 ha. Trống đó:

+ Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá: năm 2024 có 1.114,15 ha, đến năm 2025 là 1.115,20 ha, nhu cầu sử dụng đất thực tăng 1,05 ha (tăng 1,07 ha; giảm 0,01 ha). Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 1.114,14 ha.

+ Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối: năm 2024 có 2.535,31 ha, đến năm 2025 là 2.548,32 ha, trong năm kế hoạch 2025 diện tích đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối thực giảm 13,01 ha (giảm 26,40 ha, tăng 13,39 ha). Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 2.521,93 ha.

**- Đất phi nông nghiệp khác:**

Đất phi nông nghiệp khác năm 2024 có 2,10 ha, đến cuối năm 2025 đất phi nông nghiệp khác là 2,10 ha. Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 2,10 ha.

**3.1.3. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối để xác định các chỉ tiêu sử dụng đất**

**3.1.3.1. Đất nông nghiệp:**

Đất nông nghiệp năm 2024 có 37.995,23 ha, đến năm 2025 là 37.429,58 ha, diện tích không thay đổi mục đích sử dụng là 37.429,58 ha, diện tích thực giảm 565,65 ha, như vậy đến năm 2025 diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn thành phố chiếm 72,01 % tổng diện tích tự nhiên của thành phố.

**- Đất trồng lúa:**

Đất trồng lúa năm 2025 không có nhu cầu tăng thêm, diện tích giảm 143,28 ha do chuyển mục đích sử dụng sang các loại đất khác.

Tổng diện tích đất trồng lúa năm 2025 là 3.017,05 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bình Ngọc 180,14 ha, Hải Hòa 238,51 ha, Hải Yên 269,35 ha, Ninh Dương 215,73 ha, Trà Cỏ 17,09 ha, Bắc Sơn 214,79 ha, Hải Đông 231,27 ha, Hải Sơn 138,89 ha, Hải Tiến 276,48 ha, Hải Xuân 364,20 ha, Quảng Nghĩa 231,08 ha, Vạn Ninh 217,65 ha, Vĩnh Thực 250,56 ha, Vĩnh Trung 171,32 ha.

**- Đất trồng cây hàng năm khác**

Đất trồng cây hàng năm khác năm 2025 không có nhu cầu tăng thêm, diện tích giảm 27,72 ha do chuyển mục đích sử dụng sang các loại đất khác.

Tổng diện tích đất trồng cây hàng năm khác năm 2025 là 963,01 ha, được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bình Ngọc 76,35 ha, Hải Hòa 12,71 ha, Hải Yên 96,79 ha, Ninh Dương 22,17 ha, Trà Cỏ 14,13 ha, Bắc Sơn 40,53 ha, Hải Đông 156,69 ha, Hải Sơn 63,14 ha, Hải Tiến 57,43 ha, Hải Xuân 32,45 ha, Quảng Nghĩa 162,94 ha, Vạn Ninh 89,56 ha, Vĩnh Thực 87,86 ha, Vĩnh Trung 50,28 ha.

**- Đất trồng cây lâu năm**

Đất trồng cây lâu năm năm 2025 không có nhu cầu tăng thêm, diện tích giảm 65,59 ha do chuyển mục đích sử dụng sang các loại đất khác.

Tổng diện tích đất trồng cây lâu năm năm 2024 là 1.708,62 ha, được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bình Ngọc 52,21 ha, Hải Hòa 253,73 ha, Hải Yên 369,86 ha, Ka Long 3,82 ha, Ninh Dương 105,21 ha, Trà Cỏ 26,83 ha, Trần Phú 0,51 ha, Bắc Sơn 196,74 ha, Hải Đông 132,78 ha, Hải Sơn 85,46 ha, Hải Tiến 75,58 ha, Hải Xuân 133,26 ha, Quảng Nghĩa 130,40 ha, Vạn Ninh 45,28 ha, Vĩnh Thực 55,63 ha, Vĩnh Trung 41,35 ha.

**- Đất rừng phòng hộ**

Đất rừng phòng hộ trong năm kế hoạch không có nhu cầu tăng thêm, diện tích đất rừng phòng hộ giảm 59,48 ha do chuyển mục đích sử dụng sang các loại đất khác.

Tổng diện tích đất rừng phòng hộ năm 2025 là 15.082,79 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bình Ngọc 178,92 ha, Hải Hòa 1.061,69 ha, Hải Yên 865,81 ha, Ninh Dương 13,91 ha, Trà Cỏ 510,33 ha, Bắc Sơn 2.431,11 ha, Hải Đông 962,43 ha, Hải Sơn 4.309,24 ha, Hải Tiến 893,04 ha, Hải Xuân 74,40 ha, Quảng Nghĩa 893,35 ha, Vạn Ninh 1.772,57 ha, Vĩnh Thực 159,12 ha, Vĩnh Trung 956,86 ha.

**- Đất rừng sản xuất**

Đất rừng sản xuất trong năm kế hoạch không có nhu cầu tăng thêm, diện tích giảm 135,77 ha do chuyển mục đích sang các loại đất khác.

Tổng diện tích đất rừng sản xuất năm 2025 là 13.212,44 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bình Ngọc 39,22 ha, Hải Yên 1.558,36 ha, Ninh Dương 109,35 ha, Trà Cỏ 22,14 ha, Bắc Sơn 1.400,23 ha, Hải Đông 1.448,81 ha, Hải Sơn 2.900,29 ha, Hải Tiến 1.010,88 ha, Quảng Nghĩa 3.131,80 ha, Vạn Ninh 8,15 ha, Vĩnh Thực 1.004,16 ha, Vĩnh Trung 579,05 ha.

**- Đất nuôi trồng thủy sản:**

Đất nuôi trồng thủy sản năm 2025 diện tích giảm 133,81 ha do chuyển mục đích cho các loại đất sau:

- + Đất ở đô thị 4,07 ha
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,26 ha
- + Đất quốc phòng 0,32 ha
- + Đất an ninh 0,01 ha
- + Đất thương mại, dịch vụ 0,43 ha
- + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 44,32 ha
- + Đất công trình giao thông 56,48 ha
- + Đất công trình thủy lợi 0,11 ha
- + Đất công trình xử lý chất thải 2,37 ha
- + Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng 0,01 ha
- + Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 0,69 ha
- + Đất tôn giáo 0,03 ha
- + Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá 0,20 ha
- + Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 24,51 ha

Tổng diện tích đất nuôi trồng thủy sản năm 2025 là 3.436,79 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bình Ngọc 239,02 ha, Hải Hòa 773,17 ha, Hải Yên 266,64 ha, Ka Long 0,32 ha, Ninh Dương 175,49 ha, Trà Cỏ 103,17 ha, Bắc Sơn 1,50 ha, Hải Đông 381,77 ha, Hải Sơn 0,87 ha, Hải Tiến 141,18 ha, Hải Xuân 490,40 ha, Quảng Nghĩa 171,96 ha, Vạn Ninh 576,29 ha, Vĩnh Thực 30,48 ha, Vĩnh Trung 84,53 ha.

#### **- Đất chăn nuôi tập trung**

Đất nông nghiệp khác năm 2024 có 8,88 ha, đến năm 2025 diện tích đất không có nhu cầu tăng thêm, được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Hải Yên 6,48 ha, Ninh Dương 0,07 ha, Bắc Sơn 0,87 ha, Vạn Ninh 0,38 ha, Vĩnh Trung 1,08 ha.

#### **3.1.3.2. Đất phi nông nghiệp:**

Đất phi nông nghiệp năm 2024 có 8.194,51 ha, đến cuối năm 2025 là 8.828,36 ha, thực tăng 631,05 ha. Như vậy đến cuối năm 2025 diện tích đất phi nông nghiệp trên địa bàn thành phố chiếm 16,98 % tổng diện tích tự nhiên của thành phố. Cụ thể chỉ tiêu sử dụng đất phi nông nghiệp trong kế hoạch năm 2025 như sau:

#### **- Đất ở tại nông thôn**

Nhu cầu sử dụng đất ở tại nông thôn trên địa bàn thành phố năm 2025 tăng 2,04 ha. Diện tích tăng thêm được sử dụng từ các loại đất:

- + Đất trồng lúa 1,03 ha
- + Đất trồng cây hàng năm khác 0,39 ha
- + Đất trồng cây lâu năm 0,61 ha
- + Đất giao thông 0,01 ha

Đồng thời đất ở tại nông thôn cũng giảm 7,86 ha chuyển mục đích sử dụng sang các loại đất khác.

- + Đất ở tại đô thị 0,43 ha
- + Đất an ninh 0,05 ha
- + Đất giao thông 7,32 ha
- + Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 0,06 ha

Tổng diện tích đất ở tại nông thôn năm 2025 là ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bắc Sơn 12,92 ha, Hải Đông 58,67 ha, Hải Sơn 12,70 ha, Hải Tiến 46,26 ha, Hải Xuân 73,92 ha, Quảng Nghĩa 19,74 ha, Vạn Ninh 49,65 ha, Vĩnh Thực 23,77 ha, Vĩnh Trung 16,10 ha.

**- Đất ở tại đô thị**

Nhu cầu sử dụng đất ở đô thị trên địa bàn thành phố năm 2025 tăng 56,36 ha. Diện tích tăng thêm được sử dụng từ các loại đất:

- + Đất trồng lúa 16,56 ha.
- + Đất trồng cây hàng năm khác 5,65 ha
- + Đất trồng cây lâu năm 6,39 ha
- + Đất rừng sản xuất 3,22 ha
- + Đất nuôi trồng thủy sản 4,07 ha
- + Đất ở tại nông thôn 0,43 ha
- + Đất thương mại, dịch vụ 3,42 ha
- + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 2,17 ha
- + Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản 1,00 ha
- + Đất giao thông 2,39 ha
- + Đất thủy lợi 0,50 ha
- + Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt 6,25 ha

- + Đất chưa sử dụng 4,32 ha

Đồng thời đất ở tại đô thị cũng giảm 40,95 ha chuyển mục đích sử dụng sang các loại đất khác là:

- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan 11,90 ha
- + Đất an ninh 0,35 ha
- + Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,10 ha
- + Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao 0,17 ha
- + Đất thương mại, dịch vụ 3,51 ha
- + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 5,41 ha
- + Đất công trình giao thông 18,85 ha
- + Đất công trình thủy lợi 0,15 ha
- + Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 0,51 ha

Tổng diện tích đất ở tại đô thị năm 2025 là 437,51 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bình Ngọc 28,52 ha, Hải Hòa 106,72 ha, Hải Yên 118,76 ha, Ka Long 36,87 ha, Ninh Dương 71,87 ha, Trà Cổ 41,37 ha, Trần Phú 23,73 ha, Hải Xuân 9,67 ha.

**- Đất xây dựng trụ sở cơ quan**

Nhu cầu sử dụng đất xây dựng trụ sở cơ quan đến năm tăng 30,55 ha. Diện tích tăng thêm được sử dụng từ các loại đất sau:



+ Đất trồng lúa 8,43 ha.  
 + Đất trồng cây hàng năm khác 0,04 ha.  
 + Đất trồng cây lâu năm 1,24 ha.  
 + Đất nuôi trồng thủy sản 0,26 ha.  
 + Đất ở tại đô thị 11,90 ha  
 + Đất quốc phòng 6,39 ha  
 + Đất xây dựng cơ sở văn hóa 0,31 ha  
 + Đất công trình giao thông 1,76 ha  
 + Đất công trình thủy lợi 0,15 ha  
 + Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng 0,01 ha  
 + Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt 0,01 ha

ha  
 + Đất chưa sử dụng 0,06 ha  
 Diện tích giảm 0,97 ha do chuyển mục đích sử dụng sang các loại đất khác là:

- + Đất thương mại, dịch vụ 0,72 ha
- + Đất công trình giao thông 0,19 ha
- + Đất công trình thủy lợi 0,07 ha

Tổng diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan năm 2025 là 66,62 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bình Ngọc 0,81 ha, Hải Hòa 41,94 ha, Hải Yên 0,69 ha, Ka Long 0,81 ha, Ninh Dương 0,51 ha, Trà Cổ 0,53 ha, Trần Phú 9,19 ha, Bắc Sơn 1,93 ha, Hải Đông 1,11 ha, Hải Sơn 0,48 ha, Hải Tiến 4,45 ha, Hải Xuân 1,13 ha, Quảng Nghĩa 0,44 ha, Vạn Ninh 0,91 ha, Vĩnh Thực 1,05 ha, Vĩnh Trung 0,65 ha.

#### **- Đất quốc phòng**

Đất quốc phòng năm 2025 có nhu cầu tăng thêm 61,84 ha được sử dụng từ các loại đất sau:

- + Đất rừng phòng hộ 2,65 ha.
- + Đất rừng sản xuất 57,01 ha.
- + Đất nuôi trồng thủy sản 0,32 ha.
- + Đất giao thông 0,14 ha
- + Đất chưa sử dụng 1,73 ha.

Đồng thời diện tích giảm 9,15 ha do chuyển mục đích cho các loại đất sau:

- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan 6,39 ha.
- + Đất thương mại, dịch vụ 1,01 ha.
- + Đất giao thông 1,67 ha
- + Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 0,07 ha.

Tổng diện tích đất quốc phòng năm 2025 là 317,59 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bình Ngọc 0,29 ha, Hải Hòa 29,84 ha, Hải Yên 21,36 ha, Ka Long 1,85 ha, Ninh Dương 14,43 ha, Trà Cổ 10,88 ha, Trần Phú 25,41 ha, Bắc Sơn 44,52 ha, Hải Đông 39,68 ha, Hải Sơn 66,30 ha, Hải Tiến 3,71 ha, Quảng Nghĩa 0,68 ha, Vĩnh Thực 53,27 ha, Vĩnh Trung 5,38 ha.

#### **- Đất an ninh**

Đất an ninh năm 2025 có nhu cầu tăng 5,08 ha được sử dụng từ các loại đất sau:

- + Đất trồng lúa 2,75 ha
- + Đất trồng cây hàng năm khác 0,34 ha
- + Đất trồng cây lâu năm 0,47 ha
- + Đất nuôi trồng thủy sản 0,01 ha
- + Đất ở tại nông thôn 0,05 ha
- + Đất ở tại đô thị 0,35 ha
- + Đất cơ sở giáo dục - Đào tạo 0,09 ha
- + Đất cơ sở thể dục - thể thao 0,19 ha
- + Đất giao thông 0,29 ha
- + Đất thủy lợi 0,04 ha
- + Đất chưa sử dụng 0,49 ha

Tổng diện tích đất an ninh năm 2025 là 10,43 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bình Ngọc 0,39 ha, Hải Hòa 5,49 ha, Hải Yên 0,61 ha, Ka Long 0,31 ha, Ninh Dương 0,16 ha, Trà Cổ 1,19 ha, Trần Phú 0,89 ha, Bắc Sơn 0,17 ha, Hải Đông 0,20 ha, Hải Sơn 0,14 ha, Hải Xuân 0,20 ha, Quảng Nghĩa 0,14 ha, Vạn Ninh 0,12 ha, Vĩnh Thực 0,22 ha, Vĩnh Trung 0,20 ha.

**- Đất xây dựng công trình sự nghiệp**

Tổng diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp năm 2025 là 234,75 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bình Ngọc 6,59 ha, Hải Hòa 13,24 ha, Hải Yên 22,04 ha, Ka Long 6,76 ha, Ninh Dương 19,62 ha, Trà Cổ 104,88 ha, Trần Phú 9,34 ha, Bắc Sơn 3,43 ha, Hải Đông 6,58 ha, Hải Sơn 3,59 ha, Hải Tiến 9,17 ha, Hải Xuân 9,79 ha, Quảng Nghĩa 5,11 ha, Vạn Ninh 6,41 ha, Vĩnh Thực 4,66 ha, Vĩnh Trung 3,54 ha.

**+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa**

Nhu cầu sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa đến năm 2025 tăng 1,23 ha. Diện tích tăng thêm được sử dụng từ các loại đất:

- + Đất trồng lúa 0,47 ha
- + Đất trồng cây hàng năm khác 0,35 ha
- + Đất trồng cây lâu năm 0,38 ha
- + Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt 0,01

ha

Diện tích giảm 0,43 ha do chuyển mục đích cho các loại đất sau:

- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,31 ha
- + Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,04 ha
- + Đất thương mại, dịch vụ 0,07 ha
- + Đất công trình giao thông 0,01 ha

Tổng diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa năm 2025 là 30,49 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bình Ngọc 0,60 ha, Hải Hòa 2,34 ha, Hải Yên 3,39 ha, Ka Long 1,02 ha, Ninh Dương 1,67 ha, Trà Cổ 5,93 ha, Trần Phú 3,12 ha, Bắc Sơn 0,47 ha, Hải Đông 0,73 ha, Hải Sơn 0,618 ha, Hải Tiến 2,20 ha,

Hải Xuân 6,14 ha, Quảng Nghĩa 0,58 ha, Vạn Ninh 0,57 ha, Vĩnh Thực 0,69 ha, Vĩnh Trung 0,41 ha.

**+ Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội**

Đất cơ sở dịch vụ về xã hội năm kế hoạch không xác định chỉ tiêu tăng thêm, đến năm 2025 đất cơ sở dịch vụ về xã hội là 0,04 ha, phân bổ tại phường Hải Hòa.

**+ Đất xây dựng cơ sở y tế**

Đất xây dựng cơ sở y tế năm kế hoạch không xác định chỉ tiêu tăng thêm. Tổng diện tích đất cơ sở y tế năm 2025 là 8,36 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bình Ngọc 0,13 ha, Hải Hòa 0,67 ha, Hải Yên 0,18 ha, Ka Long 0,03 ha, Ninh Dương 5,73 ha, Trà Cổ 0,18 ha, Trần Phú 0,13 ha, Bắc Sơn 0,25 ha, Hải Đông 0,16 ha, Hải Sơn 0,20 ha, Hải Tiến 0,08 ha, Hải Xuân 0,08 ha, Quảng Nghĩa 0,12 ha, Vạn Ninh 0,10 ha, Vĩnh Thực 0,20 ha, Vĩnh Trung 0,13 ha.

**- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo**

Nhu cầu sử dụng đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo đến năm 2025 tăng 4,38 ha. Diện tích tăng thêm được sử dụng từ các loại đất:

- + Đất trồng lúa 0,59 ha
- + Đất trồng cây hàng năm khác 0,46 ha
- + Đất trồng cây lâu năm 0,61 ha
- + Đất ở tại đô thị 0,10 ha
- + Đất xây dựng cơ sở văn hóa 0,04 ha
- + Đất giao thông 0,23 ha
- + Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt 0,03

ha.

- + Đất chưa sử dụng 2,33 ha.

Diện tích giảm 0,12 ha do chuyển sang các loại đất:

- + Đất an ninh 0,09 ha
- + Đất giao thông 0,02 ha

Tổng diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo năm 2025 là 81,35 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bình Ngọc 5,10 ha, Hải Hòa 9,56 ha, Hải Yên 17,44 ha, Ka Long 5,71 ha, Ninh Dương 8,38 ha, Trà Cổ 2,62 ha, Trần Phú 5,31 ha, Bắc Sơn 2,15 ha, Hải Đông 3,77 ha, Hải Sơn 2,28 ha, Hải Tiến 5,32 ha, Hải Xuân 3,56 ha, Quảng Nghĩa 3,33 ha, Vạn Ninh 3,69 ha, Vĩnh Thực 1,74 ha, Vĩnh Trung 1,37 ha.

**- Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao**

Nhu cầu sử dụng đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao đến năm 2025 tăng 0,99 ha. Diện tích tăng thêm được sử dụng từ các loại đất sau:

- + Đất trồng cây hàng năm khác 0,33 ha
- + Đất trồng cây lâu năm 0,01 ha
- + Đất ở tại đô thị 0,17 ha
- + Đất thương mại dịch vụ 0,45 ha
- + Đất giao thông 0,02 ha

+ Đất thủy lợi 0,01 ha

Diện tích giảm 0,48 ha do chuyển sang các loại đất khác:

+ Đất an ninh 0,19 ha

+ Đất giao thông 0,30 ha

Tổng diện tích đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao năm 2025 là 113,86 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bình Ngọc 0,76 ha, Hải Hòa 0,63 ha, Hải Yên 1,04 ha, Ninh Dương 3,18 ha, Trà Cổ 96,15 ha, Trần Phú 0,78 ha, Bắc Sơn 0,55 ha, Hải Đông 1,92 ha, Hải Sơn 0,49 ha, Hải Tiến 1,57 ha, Hải Xuân 0,01 ha, Quảng Nghĩa 1,08 ha, Vạn Ninh 2,05 ha, Vĩnh Thực 2,03 ha, Vĩnh Trung 1,62 ha.

**+ Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác**

Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác năm 2025 không có nhu cầu tăng thêm. Diện tích giảm 0,02 ha do chuyển sang đất giao thông

Tổng diện tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp năm 2025 là 0,65 ha được phân bổ tại phường Ninh Dương.

**- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp**

Tổng diện tích đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp năm 2025 là 917,99 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bình Ngọc 4,52 ha, Hải Hòa 194,22 ha, Hải Yên 281,42 ha, Ka Long 25,50 ha, Ninh Dương 75,90 ha, Trà Cổ 70,57 ha, Trần Phú 19,58 ha, Bắc Sơn 24,22 ha, Hải Đông 0,46 ha, Hải Sơn 3,59 ha, Hải Tiến 24,24 ha, Hải Xuân 10,71 ha, Quảng Nghĩa 174,61 ha, Vạn Ninh 6,39 ha, Vĩnh Thực 1,51 ha, Vĩnh Trung 0,55 ha.

**+ Đất khu công nghiệp:**

Năm 2025 đất khu công nghiệp không có nhu cầu tăng thêm. Tổng diện tích đất khu công nghiệp năm 2025 là 79,59 ha được phân bổ tại phường Hải Yên.

**+ Đất thương mại, dịch vụ:**

Đất thương mại, dịch vụ năm 2025 có nhu cầu tăng 35,70 ha được sử dụng từ các loại đất sau:

+ Đất trồng lúa 13,25 ha

+ Đất trồng cây hàng năm khác 0,71 ha

+ Đất trồng cây lâu năm 9,69 ha

+ Đất rừng sản xuất 1,81 ha

+ Đất nuôi trồng thủy sản 0,43 ha

+ Đất ở tại đô thị 3,51 ha

+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,72 ha

+ Đất quốc phòng 1,01 ha

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa 0,07 ha

+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,15 ha

+ Đất giao thông 1,94 ha

+ Đất thủy lợi 0,14 ha

+ Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa 0,13 ha

+ Đất chưa sử dụng 2,14 ha

Đồng thời diện tích giảm 8,08 ha do chuyển mục đích sử dụng cho các loại

đất khác là:

- + Đất ở tại đô thị 3,42 ha
- + Đất cơ sở thể dục - thể thao 0,45 ha
- + Đất giao thông 4,12 ha
- + Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 0,09 ha

Tổng diện tích đất thương mại, dịch vụ năm 2025 là 374,38 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bình Ngọc 0,36 ha, Hải Hòa 100,48 ha, Hải Yên 123,25 ha, Ka Long 9,15 ha, Ninh Dương 14,40 ha, Trà Cổ 70,53 ha, Trần Phú 19,58 ha, Bắc Sơn 24,22 ha, Hải Đông 0,20 ha, Hải Sơn 0,29 ha, Hải Tiến 6,18 ha, Hải Xuân 2,51 ha, Quảng Nghĩa 3,21 ha.

**+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp**

Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp năm 2025 nhu cầu sử dụng đất tăng thêm 93,57 ha. Diện tích tăng thêm được sử dụng vào các loại đất sau:

- + Đất trồng lúa 6,25 ha.
- + Đất trồng cây hàng năm khác 0,36 ha.
- + Đất trồng cây lâu năm 14,98 ha.
- + Đất rừng phòng hộ 14,95 ha.
- + Đất nuôi trồng thủy sản 44,32 ha
- + Đất ở đô thị 5,41 ha.
- + Đất giao thông 2,40 ha.
- + Đất thủy lợi 2,61 ha.
- + Đất nghĩa trang, nghĩa địa 0,10 ha.
- + Đất chưa sử dụng 2,19 ha.

Đồng thời diện tích giảm 3,15 ha do chuyển mục đích sử dụng cho các loại đất khác là:

- + Đất ở đô thị 2,17 ha
- + Đất thương mại, dịch vụ 0,15 ha
- + Đất giao thông 0,83 ha

Tổng diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp năm 2025 là 217,26 ha, được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bình Ngọc 4,06 ha, Hải Hòa 93,74 ha, Hải Yên 14,00 ha, Ka Long 16,35 ha, Ninh Dương 58,44 ha, Hải Đông 0,26 ha, Hải Sơn 3,30 ha, Hải Tiến 12,18 ha, Hải Xuân 6,48 ha, Vạn Ninh 6,39 ha, Vĩnh Thực 1,51 ha, Vĩnh Trung 0,55 ha.

**+ Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản**

Năm 2025 nhu cầu sử dụng dành cho Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản trên địa bàn thành phố tăng thêm 54,33 ha. Diện tích tăng thêm được sử dụng từ các loại đất sau:

- + Đất rừng sản xuất 41,90 ha
- + Đất thủy lợi 0,05 ha
- + Đất chưa sử dụng 12,38 ha

Diện tích giảm 1,63 ha do chuyển sang các loại đất khác là:

- + Đất ở tại đô thị 1,00 ha
- + Đất giao thông: 0,32 ha

+ Đất công trình năng lượng 0,06 ha

+ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 0,25 ha

Tổng diện tích đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản năm 2025 là 246,77 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bình Ngọc 0,09 ha, Hải Yên 64,58 ha, Ninh Dương 3,05 ha, Trà Cổ 0,04 ha, Hải Tiến 5,89 ha, Hải Xuân 1,72 ha, Quảng Nghĩa 171,40 ha.

**- Đất sử dụng vào mục đích công cộng**

Đất sử dụng vào mục đích công cộng năm 2024 có 2.258,96 ha, đến năm 2025 là 2.599,77 ha và có các biến động như sau:

**+ Đất giao thông**

Tổng diện tích đất giao thông năm 2025 là 1.960,25 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bình Ngọc 64,58 ha, Hải Hòa 248,78 ha, Hải Yên 252,89 ha, Ka Long 52,03 ha, Ninh Dương 134,16 ha, Trà Cổ 56,48 ha, Trần Phú 54,14 ha, Bắc Sơn 112,90 ha, Hải Đông 141,08 ha, Hải Sơn 76,42 ha, Hải Tiến 155,32 ha, Hải Xuân 149,39 ha, Quảng Nghĩa 211,28 ha, Vạn Ninh 135,39 ha, Vĩnh Thực 45,03 ha, Vĩnh Trung 70,40 ha.

**+ Đất thủy lợi**

Nhu cầu sử dụng đất thủy lợi trên địa bàn thành phố đến năm 2025 tăng 1,25 ha. Diện tích tăng thêm được sử dụng từ các loại đất sau:

+ Đất trồng lúa 0,05 ha

+ Đất trồng cây hàng năm khác 0,22 ha

+ Đất trồng cây lâu năm 0,09 ha

+ Đất rừng sản xuất 0,09 ha

+ Đất nuôi trồng thủy sản 0,11 ha

+ Đất ở tại đô thị 0,15 ha

+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,07 ha

+ Đất giao thông 0,42 ha

+ Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt 0,02 ha

+ Đất chưa sử dụng 0,03 ha

Diện tích đất thủy lợi cũng giảm 10,94 ha do chuyển sang các loại đất khác.

Tổng diện tích đất thủy lợi năm 2025 là 505,38 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bình Ngọc 47,52 ha, Hải Hòa 66,66 ha, Hải Yên 65,82 ha, Ka Long 1,52 ha, Ninh Dương 14,13 ha, Trà Cổ 12,95 ha, Trần Phú 1,66 ha, Bắc Sơn 2,96 ha, Hải Đông 53,14 ha, Hải Sơn 8,37 ha, Hải Tiến 17,21 ha, Hải Xuân 36,04 ha, Quảng Nghĩa 26,90 ha, Vạn Ninh 103,46 ha, Vĩnh Thực 37,95 ha, Vĩnh Trung 9,10 ha.

**+ Đất có di tích lịch sử - văn hóa**

Đất di tích lịch sử văn hóa kế hoạch không xác định chỉ tiêu tăng thêm, đến năm 2025 đất di tích lịch sử văn hóa là 0,24 ha, phân bổ như sau: phường Trà Cổ 0,17 ha; xã Vạn Ninh 0,07 ha.

**+ Đất công trình xử lý chất thải**

Nhu cầu sử dụng đất công trình xử lý chất thải đến năm 2025 tăng 6,62 ha. Diện tích tăng thêm được sử dụng từ các loại đất:

- + Đất trồng lúa 2,50 ha
- + Đất trồng cây lâu năm 0,10 ha
- + Đất rừng phòng hộ 0,09 ha
- + Đất nuôi trồng thủy sản 2,37 ha
- + Đất giao thông 0,37 ha
- + Đất chưa sử dụng 1,18 ha

Tổng diện tích đất công trình xử lý chất thải năm 2025 là 69,62 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Hải Hòa 2,09 ha, Hải Yên 6,40 ha, Hải Đông 1,34 ha, Hải Sơn 6,47 ha, Hải Tiến 6,79 ha, Hải Xuân 8,76 ha, Quảng Nghĩa 36,12 ha, Vạn Ninh 1,28 ha, Vĩnh Thực 0,21 ha, Vĩnh Trung 0,16 ha.

#### **+ Đất công trình năng lượng**

Nhu cầu sử dụng đất công trình năng lượng trên địa bàn thành phố đến năm 2025 tăng 1,95 ha. Diện tích tăng thêm được sử dụng từ các loại đất sau:

- + Đất trồng lúa 0,16 ha.
- + Đất trồng cây hàng năm khác 0,14 ha.
- + Đất trồng cây lâu năm 0,35 ha.
- + Đất rừng sản xuất 0,98 ha
- + Đất nuôi trồng thủy sản 0,01 ha
- + Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản 0,06 ha
- + Đất công trình xử lý chất thải 0,02 ha
- + Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt 0,06 ha
- + Đất chưa sử dụng 0,17 ha

Tổng diện tích đất công trình năng lượng năm 2025 là 4,49 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bình Ngọc 0,01 ha, Hải Hòa 0,05 ha, Hải Yên 0,54 ha, Ka Long 0,01 ha, Ninh Dương 1,40 ha, Trà Cổ 0,01 ha, Trần Phú 0,11 ha, Bắc Sơn 0,12 ha, Hải Đông 0,93 ha, Hải Sơn 0,004 ha, Hải Tiến 0,41 ha, Hải Xuân 0,03 ha, Quảng Nghĩa 0,74 ha, Vạn Ninh 0,06 ha, Vĩnh Thực 0,06 ha.

#### **+ Đất công trình Bưu chính viễn thông**

Đất công trình bưu chính, viễn thông năm kế hoạch không xác định chỉ tiêu tăng thêm, đến năm 2025 đất công trình bưu chính, viễn thông là 1,47 ha, được phân bổ như sau: Bình Ngọc 0,02 ha, Hải Hòa 0,02 ha, Hải Yên 0,03 ha, Ninh Dương 0,01 ha, Trà Cổ 0,25 ha, Trần Phú 0,17 ha, Bắc Sơn 0,09 ha, Hải Đông 0,11 ha, Hải Tiến 0,51 ha, Hải Xuân 0,04 ha, Quảng Nghĩa 0,02 ha, Vạn Ninh 0,04 ha, Vĩnh Thực 0,11 ha, Vĩnh Trung 0,06 ha.

#### **+ Đất chợ**

Nhu cầu sử dụng đất chợ đến năm 2025 tăng 0,44 ha. Diện tích tăng thêm được sử dụng từ đất trồng lúa.

Diện tích giảm 0,43 ha chuyển sang đất giao thông.

Tổng diện tích đất chợ năm 2025 là 14,65 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bình Ngọc 0,08 ha, Hải Hòa 0,85 ha, Hải Yên 0,28 ha, Ka Long 0,85 ha, Trần Phú 5,01 ha, Hải Đông 6,35 ha, Hải Sơn 0,23 ha, Hải Xuân 0,19 ha, Quảng Nghĩa 0,36 ha, Vạn Ninh 0,44 ha.

#### **+ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng**

Nhu cầu sử dụng đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng đến năm 2025 tăng 15,17 ha. Diện tích tăng thêm được sử dụng từ các loại đất sau:

- + Đất trồng lúa 5,23 ha.
- + Đất trồng cây hàng năm khác 1,84 ha.
- + Đất trồng cây lâu năm 3,12 ha.
- + Đất rừng sản xuất 0,63 ha.
- + Đất nuôi trồng thủy sản 0,69 ha.
- + Đất ở tại nông thôn 0,06 ha.
- + Đất ở đô thị 0,51 ha.
- + Đất quốc phòng 0,07 ha.
- + Đất thương mại, dịch vụ 0,09 ha.
- + Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản 0,25 ha.
- + Đất giao thông 0,90 ha.
- + Đất thủy lợi 0,32 ha.
- + Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt 0,07 ha.
- + Đất chưa sử dụng 1,38 ha.

Tổng diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng năm 2025 là 43,68 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bình Ngọc 0,22 ha, Hải Hòa 15,05 ha, Hải Yên 9,88 ha, Ka Long 0,47 ha, Ninh Dương 4,39 ha, Trà Cổ 2,46 ha, Trần Phú 5,99 ha, Hải Sơn 0,08 ha, Hải Xuân 4,61 ha, Quảng Nghĩa 0,34 ha, Vĩnh Trung 0,19 ha.

#### **- Đất tôn giáo**

Nhu cầu sử dụng đất tôn giáo đến năm 2025 tăng thêm 1,35 ha. Diện tích tăng thêm được sử dụng từ các loại đất:

- + Đất trồng cây lâu năm 0,36 ha.
- + Đất rừng sản xuất 0,95 ha.
- + Đất nuôi trồng thủy sản 0,03 ha.
- + Đất giao thông 0,01 ha.

Tổng diện tích đất tôn giáo năm 2025 là 12,12 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bình Ngọc 0,14 ha, Hải Yên 6,01 ha, Ka Long 0,40 ha, Ninh Dương 0,54 ha, Trà Cổ 2,00 ha, Hải Xuân 2,32 ha, Vạn Ninh 0,71 ha.

#### **- Đất tín ngưỡng**

Năm 2025 đất tín ngưỡng không có nhu cầu tăng thêm.

Tổng diện tích đất tín ngưỡng năm 2025 là 10,72 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bình Ngọc 0,88 ha, Hải Hòa 0,49 ha, Hải Yên 0,41 ha, Ka Long 1,23 ha, Ninh Dương 0,16 ha, Trà Cổ 1,65 ha, Trần Phú 0,01 ha, Hải Đông 0,70 ha, Hải Tiến 0,66 ha, Hải Xuân 1,77 ha, Quảng Nghĩa 0,57 ha, Vạn Ninh 1,53 ha, Vĩnh Thực 0,58 ha, Vĩnh Trung 0,08 ha.

#### **- Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng**

Nhu cầu sử dụng đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng trên địa bàn thành phố đến năm 2025 tăng 13,31 ha. Diện tích tăng thêm được sử dụng từ các loại đất sau:

- + Đất trồng lúa 0,51 ha.



+ Đất trồng cây hàng năm khác 0,31 ha.

+ Đất trồng cây lâu năm 0,08 ha.

+ Đất rừng sản xuất 12,31 ha.

+ Đất giao thông 0,09 ha.

Diện tích giảm 8,93 ha do chuyển sang các loại đất khác:

+ Đất ở tại đô thị 6,25 ha

+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,01 ha

+ Đất văn hóa 0,01 ha

+ Đất giáo dục, đào tạo 0,03 ha

+ Đất thương mại, dịch vụ 0,13 ha

+ Đất cơ sở sản xuất kinh doanh 0,10 ha

+ Đất giao thông 2,25 ha

+ Đất thủy lợi 0,02 ha

+ Đất công trình năng lượng 0,06 ha

+ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 0,07 ha

Tổng diện tích đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng năm 2025 là 241,51 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bình Ngọc 35,12 ha, Hải Hòa 8,17 ha, Hải Yên 33,80 ha, Ninh Dương 6,98 ha, Trà Cổ 34,43 ha, Bắc Sơn 3,54 ha, Hải Đông 26,18 ha, Hải Tiến 10,59 ha, Hải Xuân 30,22 ha, Quảng Nghĩa 16,38 ha, Vạn Ninh 19,00 ha, Vĩnh Thực 16,58 ha, Vĩnh Trung 0,52 ha.

**- Đất có mặt nước chuyên dùng**

**+ Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá**

Nhu cầu đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá năm 2025 tăng 1,07 ha, diện tích tăng thêm được sử dụng vào các loại đất sau:

+ Đất trồng lúa 0,25 ha

+ Đất trồng cây lâu năm 0,37 ha

+ Đất nuôi trồng thủy sản 0,20 ha

+ Đất giao thông 0,08 ha

+ Đất thủy lợi 0,14 ha

+ Đất chưa sử dụng 0,03 ha

Diện tích giảm 0,01 ha do chuyển sang đất giao thông.

Tổng diện tích đất có mặt nước chuyên dùng năm 2025 là 1.115,20 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Hải Yên 64,60 ha, Ninh Dương 12,00 ha, Trà Cổ 0,10 ha, Bắc Sơn 355,49 ha, Hải Đông 153,55 ha, Hải Sơn 358,47 ha, Hải Tiến 33,75 ha, Hải Xuân 0,59 ha, Vạn Ninh 59,42 ha, Vĩnh Thực 50,14 ha, Vĩnh Trung 27,11 ha.

**+ Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối**

Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối năm 2025 tăng 26,40 ha được sử dụng vào các loại đất sau:

+ Đất nuôi trồng thủy sản 24,51 ha

+ Đất giao thông 0,45 ha

+ Đất thủy lợi 1,44 ha

+ Đất chưa sử dụng 0,01 ha

Đồng thời diện tích giảm 13,39 ha do chuyển sang đất giao thông.

Tổng diện tích đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối năm 2025 là 2.548,32 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bình Ngọc 113,79 ha, Hải Hòa 689,38 ha, Hải Yên 37,96 ha, Ka Long 23,46 ha, Ninh Dương 90,09 ha, Trà Cỏ 138,27 ha, Trần Phú 17,90 ha, Bắc Sơn 105,54 ha, Hải Đông 69,99 ha, Hải Sơn 64,35 ha, Hải Tiến 245,06 ha, Hải Xuân 161,30 ha, Quảng Nghĩa 610,36 ha, Vạn Ninh 97,93 ha, Vĩnh Trung 82,94 ha.

#### **- Đất phi nông nghiệp khác**

Đất phi nông nghiệp khác năm 2025 không có nhu cầu tăng thêm. Tổng diện tích đất phi nông nghiệp năm 2025 là 2,10 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: xã Hải Xuân 0,59 ha; xã Vạn Ninh 1,50 ha.

#### **3.1.3.3. Đất chưa sử dụng**

Đất chưa sử dụng năm 2024 có 5.789,35 ha, đến cuối năm 2025 là 5.723,95 ha, giảm 65,40 ha. Như vậy đến cuối năm 2025 diện tích đất chưa sử dụng trên địa bàn thành phố chiếm 11,01 % tổng diện tích tự nhiên của thành phố.

Diện tích giảm để đưa vào sử dụng cho các loại đất sau:

- + Đất ở tại đô thị 4,32 ha
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,06 ha
- + Đất quốc phòng 1,73 ha
- + Đất an ninh 0,49 ha
- + Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 2,33 ha
- + Đất thương mại, dịch vụ 2,14 ha
- + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 2,19 ha
- + Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản 12,38 ha
- + Đất công trình giao thông 36,97 ha
- + Đất công trình thủy lợi 0,03 ha
- + Đất công trình xử lý chất thải 1,18 ha
- + Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng 0,17 ha
- + Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 1,38 ha
- + Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá 0,03 ha
- + Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,01 ha

Tổng diện tích đất chưa sử dụng năm 2025 là 5.723,95 ha được phân bổ đến từng đơn vị hành chính như sau: Bình Ngọc 29,28 ha, Hải Hòa 271,00 ha, Hải Yên 220,81 ha, Ka Long 2,41 ha, Ninh Dương 41,53 ha, Trà Cỏ 145,17 ha, Trần Phú 1,15 ha, Bắc Sơn 76,95 ha, Hải Đông 551,51 ha, Hải Sơn 73,98 ha, Hải Tiến 429,81 ha, Hải Xuân 27,47 ha, Quảng Nghĩa 49,39 ha, Vạn Ninh 2.816,54 ha, Vĩnh Thực 297,42 ha, Vĩnh Trung 689,54 ha.

#### **3.2. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng:**

Phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025 sẽ đưa 65,40 ha đất chưa sử dụng vào sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp, cụ thể như sau:

+ Đưa vào sử dụng cho mục đích đất ở tại đô thị là 4,32 ha, trong đó: Hải Yên 4,15 ha, Ninh Dương 0,02 ha, Hải Xuân 0,15 ha.

+ Đưa vào sử dụng cho mục đích đất xây dựng trụ sở cơ quan là 0,06 ha phân bổ tại phường Hải Hòa.

+ Đưa vào sử dụng cho mục đích đất quốc phòng 1,73 ha tại phường Hải Yên.

+ Đưa vào sử dụng cho mục đích đất an ninh 0,49 ha phân bổ tại phường Hải Hòa 0,40 ha, phường Ka Long 0,09 ha.

+ Đưa vào sử dụng cho mục đích đất giáo dục, đào tạo là 2,33 ha, phân bổ tại phường Bình Ngọc 1,32 ha, Hải Yên 1,01 ha.

+ Đưa vào sử dụng cho mục đích đất thương mại, dịch vụ 2,14 ha tại phường Hải Hoà 1,47 ha, phường Hải Yên 0,67 ha.

+ Đưa vào sử dụng cho mục đích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 2,19 ha tại Phường Hải Hoà 2,19 ha.

+ Đưa vào sử dụng cho mục đích đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản 12,38 ha tại Xã Quảng Nghĩa.

+ Đưa vào sử dụng cho mục đích đất giao thông 36,97 ha, cụ thể tại các phương xã như sau: Hải Hòa 3,04 ha, Hải Yên 9,30 ha, Ninh Dương 1,49 ha, Trà Cỏ 1,06 ha, Bắc Sơn 1,72 ha, Hải Đông 5,69 ha, Hải Sơn 0,87 ha, Hải Tiến 6,29 ha, Hải Xuân 1,38 ha, Quảng Nghĩa 3,27 ha, Vạn Ninh 2,57 ha, Vĩnh Trung 0,30 ha.

+ Đưa vào sử dụng cho mục đích đất thủy lợi 0,03 ha tại xã Hải Xuân.

+ Đưa vào sử dụng cho mục đích đất công trình xử lý chất thải là 1,18 ha tại các phường xã : Hải Yên 0,002 ha, Vạn Ninh 1,17 ha.

+ Đưa vào sử dụng cho mục đích đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng là 0,17 ha, cụ thể tại các phường xã như sau: Hải Đông 0,05 ha, Hải Tiến 0,12 ha.

+ Đưa vào sử dụng cho mục đích đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 1,38 ha; cụ thể tại các phường xã như sau: Hải Hoà 0,55 ha; Hải Yên 0,65 ha; Hải Xuân 0,19 ha.

+ Đưa vào sử dụng cho mục đích đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá là 0,03 ha tại phường Hải Yên.

+ Đưa vào sử dụng cho mục đích đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối là 0,01 ha tại phường Bình Ngọc.

### **3.3. Diện tích đất cần thu hồi**

Trong năm 2025, để thực hiện các công trình dự án kế hoạch đề ra trong phương án kế hoạch sử dụng đất cần thu hồi 304,05 ha.

#### **3.3.1. Đất nông nghiệp**

Tổng diện tích đất nông nghiệp cần thu hồi để thực hiện các công trình, dự án năm 2025 là 271,74 ha.

Diện tích đất nông nghiệp cần thu hồi trong năm kế hoạch cụ thể tới từng xã, phường như sau:

+ Đất trồng lúa diện tích cần thu hồi trong năm kế hoạch là 68,82 ha, trong đó: Bình Ngọc 0,02 ha, Hải Hòa 2,44 ha, Hải Yên 20,05 ha, Ninh Dương 28,65 ha, Bắc Sơn 1,37 ha, Hải Đông 0,07 ha, Hải Sơn 0,39 ha, Hải Tiến 1,85 ha, Hải Xuân 8,97 ha, Quảng Nghĩa 1,51 ha, Vạn Ninh 2,97 ha, Vĩnh Thực 0,33 ha, Vĩnh Trung 0,19 ha.

+ Đất trồng cây hàng năm khác diện tích cần thu hồi trong năm kế hoạch là 19,89 ha, trong đó: Hải Yên 9,38 ha, Ninh Dương 5,09 ha, Hải Đông 0,20 ha, Hải Sơn 0,60 ha, Hải Tiến 0,77 ha, Hải Xuân 1,26 ha, Quảng Nghĩa 0,69 ha, Vạn Ninh 1,38 ha, Vĩnh Thực 0,50 ha, Vĩnh Trung 0,019 ha.

+ Đất trồng cây lâu năm diện tích cần thu hồi trong năm kế hoạch là 19,00 ha, trong đó: Hải Hòa 0,63 ha, Hải Yên 12,09 ha, Ninh Dương 0,33 ha, Trà Cỏ 0,003 ha, Bắc Sơn 0,24 ha, Hải Đông 1,27 ha, Hải Sơn 2,00 ha, Hải Tiến 0,04 ha, Hải Xuân 0,01 ha, Quảng Nghĩa 2,14 ha, Vạn Ninh 0,24 ha.

+ Đất rừng phòng hộ diện tích cần thu hồi trong năm kế hoạch là 42,52 ha, trong đó: Hải Yên 10,21 ha, Trà Cỏ 0,30 ha, Hải Đông 4,71 ha, Hải Tiến 0,73 ha, Quảng Nghĩa 18,34 ha, Vạn Ninh 5,61 ha.

+ Đất rừng sản xuất diện tích cần thu hồi trong năm kế hoạch là 82,14 ha, trong đó: Hải Yên 34,13 ha, Ninh Dương 1,13 ha, Bắc Sơn 0,64 ha, Hải Đông 37,56 ha, Hải Sơn 3,00 ha, Quảng Nghĩa 5,40 ha, Vĩnh Trung 0,29 ha.

+ Đất nuôi trồng thủy sản diện tích cần thu hồi trong năm kế hoạch là 39,37 ha, trong đó: Hải Yên 10,16 ha, Ninh Dương 1,44 ha, Trà Cỏ 0,32 ha, Hải Đông 19,27 ha, Hải Tiến 1,00 ha, Hải Xuân 0,66 ha, Quảng Nghĩa 5,05 ha, Vạn Ninh 1,47 ha.

### 3.3.2. Đất phi nông nghiệp

Diện tích đất phi nông nghiệp cần thu hồi để thực hiện các công trình, dự án năm 2024 là 32,31 ha, trong đó:

+ Đất ở tại nông thôn diện tích cần thu hồi trong năm kế hoạch là 7,15 ha, trong đó: Bắc Sơn 0,06 ha, Hải Sơn 0,14 ha, Hải Tiến 0,41 ha, Hải Xuân 3,81 ha, Quảng Nghĩa 2,44 ha, Vạn Ninh 0,17 ha, Vĩnh Thực 0,11 ha, Vĩnh Trung 0,003 ha.

+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan diện tích cần thu hồi trong năm kế hoạch là 0,06 ha, trong đó: Hải Xuân 0,03 ha, Quảng Nghĩa 0,03 ha.

+ Đất quốc phòng diện tích cần thu hồi trong năm kế hoạch là 0,07 ha tại xã Hải Sơn .

+ Đất cơ sở văn hoá diện tích cần thu hồi trong năm kế hoạch là 0,05 ha, trong đó: Hải Yên 0,04 ha, Vĩnh Thực 0,01 ha.

+ Đất cơ sở giáo dục - Đào tạo diện tích cần thu hồi trong năm kế hoạch là 0,12 ha, trong đó: Quảng Nghĩa 0,005 ha, Vạn Ninh 0,11 ha.

+ Đất cơ sở thể dục - thể thao diện tích cần thu hồi trong năm kế hoạch là 0,48 ha, trong đó: Ninh Dương 0,30 ha, Vạn Ninh 0,01 ha, Vĩnh Thực 0,18 ha.

+ Đất thương mại, dịch vụ diện tích cần thu hồi trong năm kế hoạch là 3,05 ha, trong đó: Ninh Dương 0,68 ha, Trà Cỏ 2,19 ha, Hải Xuân 0,18 ha.

+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp diện tích cần thu hồi trong năm kế hoạch là 0,15 ha tại xã Hải Sơn.

+ Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản diện tích cần thu hồi trong năm kế hoạch là 0,01 ha, trong đó: Quảng Nghĩa 0,01 ha.

+ Đất giao thông diện tích cần thu hồi trong năm kế hoạch là 1,36 ha, trong đó: Hải Hoà 0,28 ha, Hải Yên 0,35 ha, Ninh Dương 0,57 ha, Trà Cổ 0,06 ha, Hải Đông 0,07 ha, Vạn Ninh 0,003 ha, Vĩnh Thực 0,01 ha, Vĩnh Trung 0,01 ha.

+ Đất thuỷ lợi diện tích cần thu hồi trong năm kế hoạch là 5,62 ha, trong đó: Hải Hòa 0,02 ha, Hải Yên 3,03 ha, Ninh Dương 0,51 ha, Hải Đông 1,17 ha, Hải Sơn 0,02 ha, Hải Tiến 0,10 ha, Hải Xuân 0,19 ha, Quảng Nghĩa 0,47 ha, Vạn Ninh 0,12 ha.

+ Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng diện tích cần thu hồi trong năm kế hoạch là 0,01 ha tại phường Ninh Dương 0,004 ha; Hải Sơn 0,002 ha.

+ Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối diện tích cần thu hồi trong năm kế hoạch là 0,43 ha tại phường Ninh Dương.

+ Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt diện tích cần thu hồi trong năm kế hoạch là 1,41 ha, trong đó: Ninh Dương 0,93 ha, Hải Xuân 0,14 ha, Quảng Nghĩa 0,33 ha, Vĩnh Thực 0,01 ha.

+ Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá diện tích cần thu hồi trong năm kế hoạch là 0,01 ha tại phường Hải Tiến.

+ Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối diện tích cần thu hồi trong năm kế hoạch là 12,31 ha, trong đó: Hải Yên 0,005 ha, Ninh Dương 0,65 ha, Bắc Sơn 0,41 ha, Hải Đông 0,22 ha, Hải Sơn 0,73 ha, Hải Tiến 6,10 ha, Hải Xuân 0,65 ha, Quảng Nghĩa 3,54 ha, Vạn Ninh 0,03 ha.

### **3.4. Diện tích cần chuyển mục đích sử dụng đất**

#### **3.4.1. Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp:**

Để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Móng Cái và nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp được xác định như sau:

Tổng số có 565,65 ha đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp, cụ thể như sau:

- Đất trồng lúa chuyển sang đất phi nông nghiệp là 143,28 ha, trong đó: Bình Ngọc 0,02 ha, Hải Hòa 52,61 ha, Hải Yên 25,03 ha, Ka Long ha, Ninh Dương 36,61 ha, Bắc Sơn 1,37 ha, Hải Đông 0,09 ha, Hải Sơn 0,56 ha, Hải Tiến 1,89 ha, Hải Xuân 20,06 ha, Quảng Nghĩa 1,55 ha, Vạn Ninh 2,97 ha, Vĩnh Thực 0,33 ha, Vĩnh Trung 0,19 ha.

- Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất phi nông nghiệp là 27,72 ha, trong đó: Hải Hòa 0,64 ha, Hải Yên 9,77 ha, Ninh Dương 7,12 ha, Hải Đông 0,24 ha, Hải Sơn 0,64 ha, Hải Tiến 0,77 ha, Hải Xuân 5,95 ha, Quảng Nghĩa 0,69 ha, Vạn Ninh 1,38 ha, Vĩnh Thực 0,50 ha, Vĩnh Trung 0,02 ha.

- Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp là 65,59 ha, trong đó: Hải Hòa 36,26 ha, Hải Yên 17,70 ha, Ninh Dương 3,35 ha, Trà Cỏ 0,003 ha, Bắc Sơn 0,24 ha, Hải Đông 1,27 ha, Hải Sơn 3,07 ha, Hải Tiến 0,04 ha, Hải Xuân 1,23 ha, Quảng Nghĩa 2,18 ha, Vạn Ninh 0,24 ha.

- Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất phi nông nghiệp là 59,48 ha, trong đó: Hải Hòa 16,96 ha, Hải Yên 10,21 ha, Trà Cỏ 2,92 ha, Hải Đông 4,71 ha, Hải Tiến 0,73 ha, Quảng Nghĩa 18,34 ha, Vạn Ninh 5,61 ha.

- Đất rừng sản xuất chuyển sang đất phi nông nghiệp là 135,77 ha, trong đó: Hải Yên 79,92 ha, Ninh Dương 6,30 ha, Bắc Sơn 0,64 ha, Hải Đông 37,74 ha, Hải Sơn 4,74 ha, Hải Tiến 0,21 ha, Quảng Nghĩa 5,92 ha, Vĩnh Trung 0,29 ha.

- Đất nuôi trồng thủy sản có 133,81 ha chuyển sang các loại đất phi nông nghiệp, trong đó: Bình Ngọc 16,55 ha, Hải Hòa 63,16 ha, Hải Yên 13,14 ha, Ninh Dương 1,74 ha, Trà Cỏ 8,28 ha, Hải Đông 19,27 ha, Hải Sơn 0,002 ha, Hải Tiến 1,01 ha, Hải Xuân 4,14 ha, Quảng Nghĩa 5,05 ha, Vạn Ninh 1,47 ha.

### **3.4.2. Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp**

- Chuyển đất phi nông nghiệp được quy định tại Điều 118 Luật Đất đai sang các loại đất phi nông nghiệp quy định tại Điều 119 hoặc Điều 120 Luật Đất đai là 8,94 ha, trong đó: Hải Hòa 7,49 ha, Hải Yên 1,13 ha, Ninh Dương 0,28 ha, Hải Xuân 0,04 ha.

- Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở là 15,10 ha, trong đó: Hải Yên 6,62 ha, Ninh Dương 8,47 ha, Vĩnh Thực 0,01 ha.

- Chuyển đất xây dựng công trình sự nghiệp sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp là 0,07 ha tại phường Hải Hoà.

- Chuyển đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất thương mại, dịch vụ sang đất thương mại, dịch vụ là 0,15 ha tại xã Hải Xuân.

### **3.5. Diện tích khu vực lấn biển để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp**

Kế hoạch 2025 thành phố Móng Cái dự kiến đưa 2,79 ha đất mặt nước ven biển để thực hiện công trình, dự án Đường kết nối từ đường cao tốc Tiên Yên - Móng Cái đến cảng Vạn Ninh (Vạn Gia) ; Bãi đỗ vật liệu thải dự án: Đường kết nối từ đường cao tốc Vân Đồn - Móng Cái đến cảng Vạn Ninh (Vạn Gia).

### **3.6. Danh mục các công trình, dự án dự kiến thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025**

*(Chi tiết xem tại biểu 25/CH kèm theo báo cáo)*

### **3.7. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai năm 2025**

#### **3.7.1 Cơ sở pháp lý:**

- Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024

- Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 /5 /2024 của Chính phủ Quy định về

bồi thường, hỗ trợ tái định cư, khi Nhà nước thu hồi đất;

- Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/ 6/ 2024 Quy định về giá đất;

- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/07/2024 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai;

- Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất; Tiền thuê đất;

- Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ về Quy định chi tiết về đất trồng lúa;

- Nghị định số 96/2019 NĐ-CP ngày 19/12/2019 của Chính phủ quy định về khung giá Đất;

- Căn cứ Nghị quyết số 225/2019/NQ-HĐND ngày 07/12/2019 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Quảng Ninh khóa XIII kỳ họp 15 “ Thông qua phương án giá đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh thực hiện từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2024”;

- Quyết định 62/2024/QĐ-UBND Sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quyết định số 42/2019/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh “ Về việc quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh thực hiện từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2024” và điều chỉnh một số vị trí trong bảng giá các loại đất theo quy định tại khoản 1 Điều 257 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

- Quyết định số 40/2024/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

- Căn cứ phương án lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Móng Cái;

### **3.7.2 Khái toán các nguồn thu từ đất:**

- Thu tiền từ giao đất ở tại đô thị: 3.811,044 tỷ đồng;

- Thu tiền từ giao đất ở tại nông thôn: 20,689 tỷ đồng;

- Thu tiền từ giao, thuê đất sản xuất phi nông nghiệp: 2.183,240 tỷ đồng;

- Thu tiền từ giao, thuê đất thương mại, dịch vụ: 1.110,765 tỷ đồng;

- Thu tiền từ cho thuê đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: 1.267,664 tỷ đồng;

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 3,193 tỷ đồng

- Thu lệ phí trước bạ, nhà đất: 19,159 tỷ đồng

- Thuế thu nhập cá nhân từ việc giao dịch BĐS: 38,317 tỷ đồng

- Phí bảo vệ môi trường: 2,717 tỷ đồng
  - Thuế khai thác tài nguyên: 17,533 tỷ đồng
  - Thu từ kinh phí cải tạo, khai hoang, phục hóa bù bổ sung diện tích đất trồng lúa bị mất khi thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp là: 6,292 tỷ đồng
- Cộng các khoản thu: 2.814,932 tỷ đồng

### **3.7.3 Khái toán các khoản chi:**

- Chi bồi thường thiệt hại khi thu hồi đất gồm:
    - + Đất trồng lúa: 83,822 tỷ đồng
    - + Đất trồng cây hàng năm : 16,216 tỷ đồng
    - + Đất trồng cây lâu năm: 33,451 tỷ đồng
    - + Đất rừng sản xuất: 9,843 tỷ đồng
    - + Đất rừng phòng hộ: 4,312 tỷ đồng
    - + Đất nuôi trồng thủy sản : 47,168 tỷ đồng
    - + Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp: 73,490 tỷ đồng
    - + Đất thương mại dịch vụ: 251,412 tỷ đồng
    - + Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: 38,064 tỷ đồng
    - + Đất ở tại nông thôn: 67,687 tỷ đồng
    - + Đất ở tại đô thị: 4.147,406 đồng
  - Chi hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất với hộ gia đình cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp: 892,812 tỷ đồng
- Cộng các khoản chi: 5.665,681 tỷ đồng.

### **3.7.4 Cân đối thu - chi:**

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 sau khi trừ các khoản chi còn lại tiền thu từ đất sẽ là (Tổng các khoản thu - tổng các khoản chi): 8.480,613 tỷ đồng – 5.665,681 tỷ đồng = 2.814,932 tỷ đồng

Trên đây là dự tính các khoản thu chi dựa trên những khung giá và các văn bản hướng dẫn hiện hành tại thời điểm lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025. Ước tính các khoản thu chi chỉ tính toán về bồi thường đất và hỗ trợ về đất; các chi phí về bồi thường tài sản gắn liền với đất như nhà ở, công trình khác, mồ mả, cây cối, hoa màu,... chưa được tính toán. Việc tính toán các khoản thu, chi thực tế sẽ phụ thuộc vào thời điểm triển khai dự án và vị trí cụ thể của từng loại đất trên cơ sở áp dụng các khung giá quy định tại các thời điểm lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của chủ đầu tư công trình, dự án.



## IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

### 4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật tổng hợp như sinh học, nông học, hóa học, cơ học... và đầu tư thâm canh sử dụng đất theo chiều sâu.

- Tiến hành các giải pháp giảm thiểu tác động của sạt lở như điều tra hiện trạng, xây dựng giải pháp kỹ thuật phòng chống sạt lở, quy hoạch các điểm dân cư.

- Đẩy mạnh việc khoanh nuôi, bảo vệ, trồng mới rừng, phủ xanh đất trống đồi núi trọc, trồng cây xanh phân tán trong các khu vực phát triển đô thị, khu dân cư nông thôn... Hạn chế tối đa việc chuyển mục đích sử dụng diện tích đất rừng sang các mục đích khác nhất là diện tích đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên.

- Đầu tư các công trình xử lý chất thải ở các nhà máy, bệnh viện, khu đô thị, khu sản xuất kinh doanh, khu dân cư nông thôn... đảm bảo chất thải được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường.

- Đánh giá tác động môi trường một cách chặt chẽ với các khu công nghiệp, các hộ sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp có quy mô lớn để đảm bảo môi trường sống không bị biến đổi (không khí, nguồn nước, âm thanh...) để không gây áp lực với sức khỏe, chất lượng sống của con người về mặt lâu dài.

- Tích cực trồng cây chắn sóng, chắn cát ven sông biển, hạn chế việc chuyển rừng ngập mặn ven biển để nuôi trồng thủy sản và một số mục đích khác.

- Phát huy tối đa tiềm năng thế mạnh du lịch của thành phố nhưng ưu tiên du lịch thân thiện với môi trường nhằm tránh những tác động xấu dẫn tới biến đổi môi trường khí hậu.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục mọi người dân có ý thức trong việc sử dụng đất tiết kiệm, có hiệu quả và bảo vệ môi trường.

### 4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Xây dựng và thực hiện chiến lược đào tạo, nâng cao chất lượng chuyên môn nghiệp vụ, năng lực và ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý đất đai. Chú trọng công tác đào tạo cán bộ chuyên môn có đủ năng lực lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đạt hiệu quả và chất lượng. Nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ quản lý, giám sát thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp.

- Tăng cường tổ chức ngành Tài nguyên và Môi trường đủ mạnh ở Thành phố cũng như ở phường, xã đảm bảo đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của công tác quản lý đất đai trong thời gian tới. Chú trọng bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn và chế độ chính sách cho cán bộ địa chính ở xã, phường.

### 4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

Sau khi kế hoạch sử dụng đất được UBND tỉnh Quảng Ninh phê duyệt, Ủy ban Nhân dân thành phố Móng Cái tổ chức tuyên truyền, công bố công khai, để các ban, ngành trong Thành phố, UBND các phường, xã, nhân dân, các doanh nghiệp, cơ quan tổ chức xã hội, các nhà đầu tư tham gia giám sát và thực hiện.

- Tổ chức tốt công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các công trình, dự án phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, các dự án về phát triển cơ sở hạ tầng, xây dựng các khu đô thị mới, trung tâm du lịch, dịch vụ... trên địa bàn Thành phố.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn Thành phố; kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt. Thường xuyên kiểm tra tiến độ đầu tư dự án và thực hiện thu hồi, hủy bỏ các dự án chậm triển khai hoặc không khả thi.

- Đầu tư xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý đất đai của Thành phố đáp ứng yêu cầu công tác quản lý nhà nước về đất đai trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

- Tuyên truyền, phổ biến Luật đất đai năm 2024 và các văn bản thi hành Luật đất đai cho người dân để Luật thực sự đi vào đời sống xã hội, góp phần đưa công tác quản lý nhà nước về đất đai đi vào nền nếp.

- Định kỳ hàng năm Ủy ban nhân dân Thành phố có báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để phục vụ chương trình kiểm tra, giám sát của Hội đồng nhân dân Thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng nhân dân tỉnh.

#### **4.4. Các giải pháp khác**

##### **4.4.1 Giải pháp tài chính**

- Ưu tiên đầu tư cho các công trình, dự án trọng điểm.

- Huy động các nguồn vốn trong và ngoài nước, các tổ chức, các cá nhân đầu tư cho các lĩnh vực phát triển kinh tế, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình, dự án đáp ứng yêu cầu thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

- Thực hiện liên kết với các địa phương, các công ty, tập đoàn lớn, nhà đầu tư chiến lược trong và ngoài nước trong đầu tư liên doanh trên cơ sở các dự án được chọn lựa có tính khả thi cao, phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội của Thành phố.

- Tập trung khai thác, huy động các nguồn vốn trong đó có nguồn vốn từ đấu giá quỹ Đất, đấu thầu các dự án để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng. Việc huy động các nguồn thu từ phát triển sản xuất kinh doanh tạo nguồn vốn cho đầu tư phát triển là chiến lược lâu dài và quan trọng. Sắp xếp lại các tài sản công (quỹ

Đất công) để nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Thực hiện sâu rộng công tác xã hội hoá giáo dục, y tế, văn hoá - thể thao, thu hút các nguồn vốn của các thành phần kinh tế trong đầu tư cho phát triển. Khuyến khích các đơn vị có đủ điều kiện tham gia vào thị trường chứng khoán, coi đây là hướng quan trọng trong việc thu hút nguồn vốn đầu tư.

- Tháo gỡ vướng mắc và đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, giải quyết tốt công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất để thực hiện các công trình dự án trên địa bàn Thành phố.

- Tăng cường các nguồn thu từ đất, đặc biệt là dành quỹ đất thích hợp cho đấu giá để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng và phục vụ công tác quản lý đất đai.

#### **4.4.2. Giải pháp về quản lý, sử dụng đất**

- Quản lý chặt chẽ các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố; Thường xuyên rà soát các dự án đầu tư có sử dụng đất, mặt nước, kịp thời phát hiện các dự án chậm tiến độ, vi phạm pháp luật; Kiểm soát chặt chẽ các dự án được giao đất, cho thuê đất đối với đất rừng, đất nuôi trồng thủy sản, đất ở đô thị, đặc biệt là liên quan đến hoạt động khai thác tài nguyên khoáng sản.

- Đánh giá một cách toàn diện thực trạng sử dụng đất và môi trường trong các khu, cụm công nghiệp, làm cơ sở điều chỉnh quy hoạch các khu, cụm công nghiệp, đảm bảo tính liên vùng và phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất từng thời kỳ; rà soát quy hoạch sử dụng đất đô thị theo hướng bố trí sử dụng đất hợp lý, bảo đảm đồng bộ hạ tầng kỹ thuật với hạ tầng xã hội; nâng cao hệ số sử dụng đất, hạn chế việc thực hiện các dự án kinh doanh hạ tầng, nhà ở nhỏ lẻ. Ưu tiên bố trí đất để đầu tư phát triển hạ tầng, đi trước một bước, nhằm tạo động lực thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất một cách đồng bộ.

- Có quy trình quản lý chặt chẽ từ khâu lựa chọn địa điểm, phê duyệt quy hoạch, chủ trương đầu tư, quản lý môi trường, giao đất, cho thuê đất; tạo điều kiện bình đẳng, thuận lợi cho kinh tế tư nhân tiếp cận đất đai thông qua cơ chế thị trường; đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư để lựa chọn nhà đầu tư có năng lực, phát huy hiệu quả của giá trị đất đai trong thời gian tới.

#### **4.4.3. Giải pháp về khoa học, công nghệ và kỹ thuật**

Tổ chức quản lý, thống kê, theo dõi biến động đất đai trên địa bàn Thành phố, công khai phổ biến trên môi trường mạng để tạo thuận lợi trong quản lý đất đai, quản lý chặt chẽ các dự án đầu tư, tránh lãng phí tài nguyên đất đai.

- Bố trí đủ điều kiện vật chất, từng bước ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ trong việc lập, giám sát và tổ chức thực hiện quy hoạch. Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu quản lý tài nguyên đất, áp dụng công nghệ tiên tiến để cải thiện chất lượng điều tra, lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Ứng dụng các công nghệ mới phù hợp vào công tác địa chính và quản lý đất đai, tổ chức các khoá đào tạo chuyên đề tương thích với từng chương trình ứng dụng công nghệ mới, giúp người sử dụng nắm bắt nhanh và làm chủ công nghệ .

- Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác địa chính như: đo đạc bản đồ số, lưu trữ thông tin, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ...

#### ***4.4.4. Giải pháp về ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ tài nguyên nước, môi trường, cải tạo và bảo vệ đất***

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư bảo vệ các diện tích đất nông nghiệp còn lại trên địa bàn Thành phố. Đặc biệt là đất rừng tự nhiên, đất rừng đặc dụng và rừng phòng hộ; tăng cường đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng cho các mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp. Nâng cao hệ số che phủ, phục hồi và phát triển rừng ngập mặn, ven biển và trồng cây xanh phân tán trong các khu vực phát triển đô thị, khu công nghiệp.

- Đầu tư các công trình xử lý chất thải ở các khu, cụm công nghiệp, bệnh viện, khu đô thị... đảm bảo chất thải được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường; xây dựng hệ thống quan trắc môi trường, giám sát tài nguyên đất trong các khu, cụm công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư, khu dịch vụ...; thiết lập hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định của pháp luật. Nghiên cứu xây dựng quy chế khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư trang thiết bị sản xuất hiện đại; cũng như trang thiết bị xử lý các tác động môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh; thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản.

- Tăng cường, đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho người dân và các tổ chức, doanh nghiệp về nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; coi ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường là trách nhiệm chung của toàn xã hội.

## KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

### I. KẾT LUẬN

Phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thành phố Móng Cái phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; phù hợp với điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái đến năm 2030, tầm nhìn 2040 đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, có hiệu quả, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Kết quả của kế hoạch sử dụng đất có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị, quốc phòng an ninh và bảo vệ môi trường sinh thái trên địa bàn thành phố. Đồng thời là công cụ quan trọng để các cấp, các ngành thực hiện công tác quản lý Nhà nước về đất đai theo pháp luật; là căn cứ để tiến hành giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hút đầu tư, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai, bảo vệ môi trường theo hướng sử dụng đất hiệu quả và bền vững, tạo điều kiện để chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng ngành công nghiệp - thương mại, dịch vụ.

### II. KIẾN NGHỊ

Để thực hiện tốt kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thành phố Móng Cái phát huy hiệu quả, đảm bảo tính thống nhất trong quản lý và sử dụng đất, thành phố Móng Cái kiến nghị:

Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, kịp thời phát hiện và xử lý dứt điểm các trường hợp dự án treo, quy hoạch treo, bỏ hoang, chậm đưa đất vào sử dụng, lấn chiếm đất trái phép, chuyển mục đích sử dụng đất không theo quy hoạch. Các đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng nhân dân các cấp tăng cường công tác giám sát việc tổ chức lập, thẩm định và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại địa phương; giám sát quá trình chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng; việc sử dụng đất để thực hiện dự án theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt, đảm bảo đúng quy định của pháp luật, nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý, sử dụng đất đai

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh nghiên cứu, hỗ trợ Thành phố xây dựng, triển khai thực hiện chính sách cụ thể về phát triển đô thị, kết cấu hạ tầng, phát triển khu công nghiệp tập trung, thu hút các doanh nghiệp lớn, phát triển sản phẩm chủ lực.

Do điều kiện cơ sở hạ tầng của Thành phố còn yếu kém, nguồn lực đầu tư hạn chế, chưa đáp ứng cho yêu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Vì vậy để tăng cường thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố, kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm đầu tư hơn nữa và chỉ đạo thực hiện các dự án, công trình trọng điểm làm đòn bẩy thúc đẩy kinh tế của Thành phố.

Ủy ban nhân dân thành phố Móng Cái kính đề nghị sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân tỉnh Quảng Ninh xem xét, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thành phố Móng Cái, để Ủy ban nhân Thành phố có cơ sở thực hiện vai trò quản lý nhà nước về đất đai đáp ứng cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái./.

**Phụ lục biểu****Hệ thống biểu trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu
1	Biểu 01/CH	Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh
2	Biểu 02/CH	Biến động sử dụng đất năm 2023-2024 của thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh
3	Biểu 04/CH	Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước của thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh
4	Biểu 17/CH	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh
5	Biểu 18/CH	Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2025 của thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh
6	Biểu 19/CH	Kế hoạch thu hồi đất năm 2025 của thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh
7	Biểu 20/CH	Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 của thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh
8	Biểu 21/CH	Diện tích các khu vực lấn biển đưa vào sử dụng theo kế hoạch sử dụng đất năm 2025
9	Biểu 24/CH	Chu chuyển đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh
10	Biểu 25/CH	Danh mục công trình, dự án thực hiện trong năm 2025 của thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh